THIỀN ĐỐN NGỘ

H.T THÍCH THANH TỪ SOẠN DỊCH

LỜI NÓI ĐẦU

Trước đây chúng tôi đã cho ra tập Thiền Căn Bản, do các Thiền sư y trong kinh rút ra phương pháp tu thiền theo thứ lớp từ thấp lên cao. Đến tập này để tên là Thiền Đốn Ngộ, căn cứ vào các tác phẩm của các Thiền sư nằm trong hệ thống Thiền tông do Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền xuống. Tập sách này do góp năm tác phẩm nhỏ chung lại.

Tác phẩm đầu là **Thiền Tông Vĩnh Gia Tập** của Thiền sư Huyền Giác, đệ tử Lục Tổ Huệ Năng. Ngài thông suốt tam tạng giáo điển, lại rành rẽ về phương pháp tu Chỉ Quán của Tông Thiên Thai. Do đó, trong tác phẩm này Ngài giải thích cách tu Chỉ Quán và Thiền rất tinh vi, độc giả có thể nhân đó vào cửa đốn ngộ. Thích Định Huệ, một Thiền sinh tại Thiền Viện Chân Không phiên dịch, chúng tôi xem lại và cho đứng vào phần đầu của tập sách.

Tác phẩm thứ hai là **Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn** của Thiền sư Tuệ Hải, đệ tử Mã Tổ Đạo Nhất, cháu đời thứ ba của Lục Tổ Huệ Năng. Chúng tôi phiên dịch và đã xuất bản vào năm 1971, nhưng hiện đã hết, nay cho in vào đây cũng là một cách tái bản cho độc giả tiện việc nghiên cứu.

Tác phẩm thứ ba là **Truyền Gia Bảo Thiền Tông Trực Chỉ** của Thạch Thành Kim hiệu Thiên Cơ đời Minh, Ngài là môn đệ dòng Thiền Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch, chưa xuất bản.

Tác phẩm thứ tư là **Tọa Thiền Dụng Tâm Ký** của Thiền sư Thiệu Cẩn hiệu Oánh Sơn dòng Tào Động ở Nhật Bản. Chúng tôi phiên dịch và đã cho in chung trong quyển Tham Thiền Yếu Chỉ xuất bản vào năm 1962, hiện đã hết.

Tác phẩm thứ năm là **Tham Thiền Yếu Chỉ** của Hòa thượng Hư Vân, một Thiền sư Trung Hoa gần chúng ta nhất. Trong tác phẩm này, Ngài dạy nghiêng về thoại đầu theo lối tu sau này của dòng Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch và đã cho xuất bản năm 1962, hiện đã hết. Để góp lại làm một tài liệu chung cho phương pháp tu đốn ngộ, chúng tôi cho in chung trong tập này.

Năm tác phẩm trên mới chỉ là một phần rất nhỏ trong các tác phẩm của Thiền tông. Nếu phiên dịch hết các tác phẩm về Thiền Đốn Ngộ có thể đến cả trăm quyển thế này. Vì phương tiện có hạn, chúng tôi cố gắng làm được bao nhiêu thì mừng bấy nhiêu. Điều cần yếu là độc giả khéo nghiền ngẫm để lãnh hội. Một câu mà lãnh hội được thì tất cả đều thông.Nếu đọc cả trăm quyển mà không lãnh hội được vẫn là người đứng ngoài cửa. Một thông tất cả đều thông thì còn nói gì nhiều gì ít ? Thế nên quý ở chỗ lãnh hội, chớ không quý ở chỗ đọc nhiều. Tuy thế, người không lãnh hội được, mà đọc nhiều sách Thiền hoặc đọc nhiều lần, lâu ngày cơ duyên thuần thục tự nhiên lãnh hội.

Về phần lượng, quyển sách này chưa thấm vào đâu; song phần phẩm, nó thật đáng kể. Nếu là độc giả nghiền nát được văn tự, có thể con đường đốn ngộ không xa. Nếu là hành giả thì nương vào đây làm kim chỉ nam tiến bước, bảo sở không mong cũng sẽ đến.

THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Mùa An Cư 1974

https://thuviensach.vn

THIỀN TÔNG VĨNH GIA TẬP

TỰA

Nghe rằng : Huệ môn rộng mở lý bặt mối manh sắc tướng, nẻo giác xa xăm một phen lên rồi thì chôn lấp danh ngôn biểu hiện.

Buồn thay ! Đấng Năng Nhân thị hiện ứng hóa khắp nơi, mở diệu điển nơi ba thừa, suốt chân thuyên trong tám bộ. Sở dĩ phát huy đến chỗ sâu xa treo cao trí tuệ soi sáng nẻo tối tăm, xiển dương đại đạo, cỡi sóng Thiền trên sóng dục. Vì vậy, kim quan trùm ánh sáng, ngọc hào thâu vẻ đẹp, một mình nêu cao tinh anh Linh Thứu, riêng mang nghiệp thành lân (ý tán dương đại sư là bậc tôn quý trong nhà Thiền) chỉ có Đại sư vậy !

Đại sư họ Đới, người ở Vĩnh Gia. Thuở nhỏ, Ngài chuyên tâm nơi tam tạng, lớn lên lão thông pháp Đại thừa, ba nghiệp siêng năng riêng hoằng dương Thiền quán. Cảnh trí đều tịch, định tuệ song dung khiến cho bụi lặng nơi nẻo tối tăm, sóng dừng nơi biển diệu. Tâm trong như ngọc, đạo chủng sáng ngời thất tịnh (Thất tịnh : 1) Giới tịnh. 2) Tâm tịnh. 3) Kiến tịnh. 4) Độ nghi tịnh. 5) Phân biệt đạo tịnh. 6) Hạnh đoạn tri kiến tịnh. 7) Niết-bàn tịnh.) chói nhau. Giới sạch như trăng, hoa từ tỏ rạng tam không (Tam không là ba môn giải thoát : Không, Vô tướng, Vô nguyện.) trình chiếu. Lại thêm, chí thanh khiết như tùng điểm sương, tâm rỗng không như trăng đáy nước. Áo vải cơm rau quên thân vì đạo, xót thương hàm thức muốn chúng sanh đều được an vui. Quán niệm nối nhau tâm không gián đoạn, trước sau gìn giữ tiết tháo rắn chắc như đá vàng. Tâm yếu cạn sâu một lý dung thông như kết hoa không thẹn. Thần trí thấu triệt ngôn biểu, lý mầu khế hợp hoàn trung. Khiêm hạ mình, đề cao người. Thuận phàm đồng thánh chẳng khởi diệt định mà giữ bốn oai nghi. Danh trọng đương thời, hóa đạo cùng khắp. Người thạc học khắp Tam Ngô [Tam Ngô là Tô Châu (Đông Ngô), Nhuận Châu (Trung Ngô), Hồ Châu (Tây Ngô)] đông đúc đến học Thiền, bậc cao nhân ngoài tám hướng vào nhà lý mau như gió thổi.

Ngụy Tĩnh tôi hầu hạ dưới chân Ngài, chỉ hận chưa hết tấm lòng bỗng phải giã từ trở lại kinh kỳ. Từ đó đến nay u minh xa cách, vĩnh viễn thương tiếc, con mắt diệu huyền vừa gặp lương y chợt mất kim bài; biển dục sóng to mà vị Thầy dẫn đường đã mất. Tác phẩm còn đây mà am thất đã quạnh hiu.

Chao ôi ! Đau đớn buốt cả tâm can. Một vị Thầy sáng suốt đã mất, bảy chúng biết nương tựa vào đâu. Lời vàng ngọc của bậc cao đức không còn được nghe, xa cách càng thêm thê lương sầu thảm.

Lúc Đại sư còn tại thế, những lời dạy được ghi lại gồm có mười thiên, góp lại thành một quyển. Ước mong người học được ý quên lời để khế hợp với đạo của Ngài vậy.

Nay sơ lược ghi lại vài lời, nếu có điều chi lầm lạc xin bậc minh triết sửa lại dùm cho.

Nhà Đường, Thứ Sử Khánh Châu

NGỤY TĨNH

✍

TIỂU DẪN

Quyển này nhan đề Thiền Tông Vĩnh Gia Tập, còn được gọi là Vĩnh Gia Tập, do Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, đệ tử nối pháp của Lục Tổ Huệ Năng, trước tác. Nội dung toàn tập được chia làm mười chương :

Nghi thức lập chí mộ đạo

Răn ý kiêu sa

Tịnh tu ba nghiệp

Bài tụng về Xa-ma-tha

Bài tụng về Tỳ-bà-xá-na

Bài tụng về Ưu-tất-xoa

Cấp bậc lần lượt của ba thừa

Sự lý không hai

Thư khuyên bạn hữu

Văn phát nguyện

Trong đây, ba chương đầu là phần tự, năm chương kế là phần chánh tông, hai chương cuối là phần lưu thông. Tập này trình bày về dụng ý thiền định, lịch trình tu tâm, còn nhắc nhở người tu thiền phải cẩn thận giữ gìn ba nghiệp thân miệng ý cho thanh tịnh.

Tác giả húy là Huyền Giác (665-713), họ Đới, người đời Đường ở đất Vĩnh Gia (nay là huyện Vĩnh Gia, tỉnh Triết Giang). Ngài xuất gia từ tấm bé, tinh thông tam tạng, sở trường về môn Chỉ Quán Thiên Thai. Về sau, nhân được Thiền sư Tá Khê Huyền Lãng khích lệ, Ngài cùng với Thiền sư Đông Dương Huyền Sách đến tham bái Lục Tổ Huệ Năng, chỉ một đêm Ngài được ấn khả nên người đời gọi là “Nhất túc giác” (một đêm giác ngộ). Sáng hôm sau Ngài xuống núi trở về Ôn Giang tuyên dương ý Tổ, kẻ đến học rất đông đảo, tông phong hưng thịnh, hiệu là Chân Giác Đại Sư. Ngày 17 tháng 10 năm thứ sáu niên hiệu Tiên Thiên (713 TL), đời Vua Đường Huyền Tôn, Ngài an tọa thị tịch.

https://thuviensach.vn

Ngày 13 tháng 11 an táng tại hướng nam Tây Sơn, tháp hiệu Tịnh Quang, thụy phong Vô Tướng Đại Sư, người đời thường gọi Ngài là Vĩnh Gia Đại sư. Ngài trước tác tập này cùng một thiên Chứng Đạo Ca đều được lưu truyền trong đời.

☸

THIỀN TÔNG VĨNH GIA TẬP

Tập này được chia làm mười chương :

1- Nghi thức lập chí mộ đạo : Phàm muốn tu đạo trước tiên phải lập chí và học nghi tắc hầu Thầy. Do đó chương đầu tiên nói về nghi thức mộ đạo.

2- Răn ý kiêu sa : Ban đầu dù đã lập chí tu đạo khéo biết quy nghi. Nếu ba nghiệp kiêu sa thì vọng tâm khuấy động làm sao được định. Do đó chương thứ hai nói về răn ý kiêu sa.

3- Tịnh tu ba nghiệp : Trước đã lược nêu cương yếu về việc ngăn cấm kiêu sa. Nay kiểm điểm kỹ lưỡng lại khiến cho lỗi chẳng sanh. Do đó chương thứ ba nói về tịnh tu ba nghiệp.

4- Bài tụng về Xa-ma-tha (Chỉ) : Trước đã kiểm trách thân và miệng khiến lỗi thô không sanh. Kế đến phải vào cửa tu đạo, theo thứ tự thì chẳng ra ngoài định tuệ, năm loại móng tâm, sáu khoa liệu giản. Do đó chương thứ tư là bài tụng về Xa-ma-tha.

5- Bài tụng về Tỳ-bà-xá-na (Quán) : Chẳng phải giới thì không thiền, chẳng phải thiền thì không tuệ. Trên đã tu định, định lâu thì tuệ sáng. Do đó chương thứ năm là bài tụng về Tỳ-bà-xá-na.

6- Bài tụng về Ưu-tất-xoa (Xả) : Tu riêng môn định, định lâu bị chìm; học riêng môn tuệ, tuệ nhiều tâm động. Do đó chương thứ sáu là bài tụng về Ưu-tất-xoa, định tuệ cân bằng khiến không chìm không động, định tuệ quân bình buông xả nhị biên (Chẳng bị bên Không làm lặng chìm, chẳng bị bên Có làm dao động, chẳng dừng chẳng động thẳng vào Trung đạo.)

7- Cấp bậc lần lượt của ba thừa : Định tuệ đã quân bình thì tịch mà thường chiếu, tam quán nhất tâm thì nghi nào chẳng trừ, trí chiếu nào không viên mãn. Tự mình dù đã hiểu rõ ràng nhưng thương người chưa ngộ, ngộ có cạn sâu. Do đó chương thứ bảy nói về cấp bậc lần lượt của ba thừa.

8- Sự lý không hai : Ba thừa ngộ lý, không lý nào chẳng cùng. Tột lý ở nơi sự, rõ sự tức lý. Do đó chương thứ tám nói sự lý không hai, tức sự là chân dùng để trừ kiến chấp điên đảo.

9- Thư khuyên bạn hữu : Sự lý đã dung, nội tâm tự sáng, lại thương người học đạo đời sau luống uổng tấc bóng. Do đó chương thứ chín là thư khuyên bạn hữu.

10- Văn phát nguyện : Khuyên bạn tuy là thương người nhưng còn để ý chú trọng đến một người, tâm chưa cùng khắp. Do đó chương thứ mười nói về văn phát nguyện thệ độ tất cả vậy.

✍

CHƯƠNG I: NGHI THỨC LẬP CHÍ MỘ ĐẠO

Trước tiên phải quán ba cõi để sanh tâm nhàm lìa. Kế gần bạn lành cầu đường giải thoát. Đối với Sư trưởng, sớm thăm tối viếng luôn gìn lễ độ. Xét kỹ trái thuận thế nào để biết hầu hạ dưỡng nuôi. Hỏi điều phải làm để biết phụng sự. Chiêm ngưỡng không lười vì sanh lòng ân cần kính trọng. Luôn luôn lấy sự quyết liễu tâm yếu làm việc chánh tu. Theo sự hiểu biết trình bày để rõ tà chánh. Nghiệm theo khí lực để biết sống chín. Thấy bệnh sanh nghi phải dùng thuốc hay điều trị. Suy nghĩ tột cùng vì cầu chân lý. Ngày đêm chuyên cần, sợ duyên sai sử. Chuyên tâm một hạnh để thành đạo nghiệp. Vì pháp quên thân là do lòng biết ơn. Như lòng tin của mình còn yếu kém, ý chí không chuyên, hạnh thô hiểu cạn, phóng túng theo cơ, chạm việc thì nhân việc sanh tâm, duyên không thì y theo không mà dứt niệm. Đã chẳng phải bình đẳng quán về động tịnh thì thuận theo sự đắc thất của có không. Nhưng đạo không có cấp bậc, tùy theo công phu mà có vị thứ .

☸

CHƯƠNG II: RĂN Ý KIÊU SA

Cơm áo có ra là do trồng lúa nuôi tằm. Khẩn đất đào mương, luộc nấu ngài tằm, nấu chín làm ra tổn thương sanh mạng, chúng phải chịu chết để giúp thân ta. Chỉ sợ đói lạnh, chẳng biết chết là khổ, nỡ giết hại loài khác để cung cấp cho mình. Ôi, đau đớn thay ! Công người nông phu tích chứa sức lực sâu dầy, đâu riêng gì loài hàm thức thiệt mạng, cũng còn là của tín thí khó tiêu. Tuy đã xuất gia nào có đức gì ? Chỉ muốn thọ nhận của tín thí để nuôi thân, đâu biết xét suy đức mình so với công ấy. Luận Tỳ-ni nói : " Thọ nhận của tín thí dùng không đúng pháp, buông lung tâm ý, bỏ phế sự tu đạo nghiệp, sẽ bị đọa vào tam đồ thọ sự khổ nặng".

Phàm muốn vượt ra ba cõi mà chưa có hạnh tuyệt trần, uổng làm thân nam tử không có chí trượng phu. Nhưng vì suốt ngày chộn rộn, tối lại hôn mê, đạo đức chưa tu, cơm áo lãng phí. Trên thì trái đại đạo, dưới thì thiếu lợi sanh, giữa thì phụ bốn ơn, thật đáng hổ thẹn ! Do đó, người trí phải khá xét

https://thuviensach.vn

suy, thà có pháp mà chết còn hơn không pháp mà sống, đâu nên luống tự si mê quí thân khinh pháp.

☸

CHƯƠNG III: TỊNH TU BA NGHIỆP

Tham, sân, tà kiến thuộc ý nghiệp. Nói hư dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói hung ác thuộc khẩu nghiệp. Sát sanh, trộm cắp, dâm dục thuộc thân nghiệp.

Phàm người có chí muốn cầu đại đạo, trước tiên cần phải tu ba nghiệp cho thanh tịnh. Về sau, trong bốn oai nghi lần lượt vào đạo, nhẫn đến khi sáu căn đối trần tùy duyên liễu đạt, cả hai cảnh trí đều lặng thầm hợp với ý chỉ diệu huyền.

A.- Thế nào là tịnh tu thân nghiệp ?

Tự xét sâu xa trong bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, kềm thúc ba tội không cho sơ thất. Từ bi nuôi nấng chẳng hại mạng sống, tất cả loài hàm thức trên không dưới nước, không kể lớn nhỏ đều thương yêu bảo bọc cho đến loài bò bay máy cựa cũng không làm tổn hại. Gặp kẻ nguy nan ân cần cứu tế, dùng phương tiện độ khiến cho giải thoát. Đối với tiền bạc của cải người khác không cho thì không lấy, nhẫn đến vật của quỷ thần làm chủ, dù là cây kim ngọn cỏ vẫn không cố phạm. Gặp người ăn xin nghèo khó, tùy theo tiền của mình có, dùng lòng cung kính bố thí khiến cho họ được an ổn, còn mình không cầu sự báo ơn. Suy nghĩ như vầy: Chư Phật quá khứ trải vô lượng kiếp, thực hành bố thí cho cả voi ngựa bảy báu, đầu mắt não tủy nhẫn đến xả bỏ thân mạng, không chút nuối tiếc. Nay ta cũng vậy, tùy theo khả năng bố thí, hoan hỷ cúng dường, tâm không lẫn tiếc. Đối với nữ sắc tâm không nhiễm trước. Phàm phu điên đảo bị dục làm say, đam mê phóng túng, không biết lỗi lầm của sự dâm dục, như vin cành hoa không biết có ẩn rắn độc. Người trí xem dục như miệng rắn độc, móng vuốt gấu hùm, lửa bùng sắt nóng cũng chẳng dụ được. Cột đồng giường sắt cháy lưng chín ruột, máu thịt bầy nhầy, đau thấu tâm tủy. Quán sát như thế chỉ khổ không vui. Túi da đựng phẩn tích chứa máu mủ, bề ngoài giả dối dồi phấn thoa hương, bên trong một mùi hôi thúi, dơ bẩn chảy ra làm chỗ nương ở của dòi nhặng, thúi tha đến lỗ cầu xí cũng không bì kịp. Người trí xét đó, chỉ thấy lông tóc, móng răng, da mỏng da dày, máu thịt, mồ hôi nước mắt, nước dãi, nước miếng, mủ mỡ, gân mạch não mô, đàm vàng đàm trắng, gan mật cốt tủy, phổi thận, lá lách, dạ dày, tim, mỡ nước, bàng quang, ruột già ruột non, sanh tạng thục tạng, các đường tiểu tiện. Những vật như thế đều không có Ngã, mà do gió thức cổ động hư vọng sanh ra, ngôn ngữ dối trá, nói làm người bạn thân, kỳ thật oán giận ghét ghen làm cho hư đức chướng đạo, đó là tội lỗi nặng nhất phải nên xa lìa như tránh giặc oán. Bởi thế, người trí xem đó tưởng như rắn độc, thà gần rắn độc, chẳng gần nữ sắc. Vì sao ? Rắn độc hại người chỉ chết một đời, nữ sắc trói buộc trăm ngàn muôn kiếp bị các độc hại khổ đau vô cùng, phải nên xét nghĩ chớ nên gần gũi.

Vì thế người trí cần phải kiểm điểm ba lỗi, chừa bỏ lỗi lầm, trái ác theo thiện : chẳng giết chẳng trộm, phóng sanh bố thí, không làm việc dâm dục bẩn thỉu, thường tu hạnh thanh tịnh. Ngày đêm chuyên cần hành đạo lễ bái, nương về Tam Bảo, chí cầu giải thoát, đối với thân mạng của cải phải tu ba pháp kiên cố. Biết thân hư huyễn không có tự tánh, sắc tức là không cái gì là ngã? Tất cả các pháp chỉ có giả danh không có nhất định. Thân này của ta, bốn đại năm uẩn mỗi mỗi đều chẳng phải ngã, hợp lại cũng không, vô minh không rõ, chấp lầm là ngã. Sát sanh, trộm cắp, dâm dục phóng túng, suốt ngày lẫn đêm không ngừng tạo nghiệp. Dù không chân thực nhưng thiện ác báo ứng vẫn như bóng tùy hình. Lúc quán như thế, chẳng cầu sự bất chánh để nuôi thân mạng, phải tự quán thân tưởng như rắn độc, vì để trị bệnh nên nhận bốn sự cúng dường (Bốn sự : y phục, phòng nhà, thức ăn, thuốc men.) Thân mặc y phục như che ghẻ lở. Miệng ăn thức ngon như bệnh uống thuốc. Tiết kiệm thân miệng không sanh sự xa hoa thái quá, nghe nói ít muốn rất thích tu hành. Cho nên Kinh nói : “Bậc đầu-đà ít muốn khéo biết vừa biết đủ, người ấy có thể vào đạo Hiền Thánh”. Vì sao ? Chúng sanh ở trong đường ác (Đường ác : địa ngục, ngạ quỷ , súc sanh.) trải vô lượng kiếp thiếu thốn áo cơm, kêu la thảm thiết, đói lạnh khổ sở, xương da dính nhau. Nay ta tạm thiếu chút đỉnh chưa phải là khổ. Thế nên người trí quí pháp khinh thân, siêng năng cầu pháp chí đạo, đến thân mạng cũng chẳng đoái hoài, đây gọi là tịnh tu thân nghiệp.

B.- Thế nào là tịnh tu khẩu nghiệp ?

Tự xét sâu xa bốn lỗi của miệng là căn bản sanh tử, tăng trưởng điều ác, che lấp muôn hạnh, gây chuyện thị phi. Thế nên, người trí muốn nhổ sạch gốc sanh tử, dứt trừ hư vọng, phải tu bốn như thật ngữ, đó là các lời ngay thẳng, dịu dàng, hòa hợp và như thật. Bốn thật ngữ này là hạnh của người trí. Vì sao ? Lời ngay thẳng hay trừ lời thêu dệt, lời dịu dàng hay trừ lời hung ác, lời hòa hợp hay trừ lời hai lưỡi, lời như thật hay trừ lời hư dối.

Lời ngay thẳng có hai thứ : Một là nói đúng pháp khiến cho người nghe tin hiểu rõ ràng. Hai là nói đúng lý khiến cho người nghe trừ hết nghi lầm.

Lời dịu dàng cũng có hai : Một là lời an ủi khiến cho người nghe vui vẻ gần gũi. Hai là tiếng cung thương thanh nhã khiến cho người nghe yêu thích tu tập.

https://thuviensach.vn

Lời hòa hợp cũng có hai: Một là sự hòa hợp, nghĩa là thấy người đấu tranh, can gián khuyên nên xả bỏ, chẳng tự khen mình, trái lại nhún nhường kính vật. Hai là lý hòa hợp, nghĩa là thấy người thối tâm Bồ-đề ân cần khuyên tấn, khéo léo phân biệt Bồ-đề phiền não, bình đẳng nhất tướng. Nếu tâm hành giả lui sụt thì dùng đức độ để vỗ về, siêng năng đến trước người ấy khéo nói về việc mê ngộ.

Lời đúng như thật cũng có hai thứ : Một là sự thật, nghĩa là có thì nói có, không thì nói không, phải thì nói phải, quấy thì nói quấy. Hai là lý thật, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Niết-bàn Như Lai thường trụ bất biến.

Thế nên người trí thực hành bốn thật ngữ ấy, quán sát chúng sanh nhiều kiếp đến nay vì bốn lỗi này làm cho điên đảo trôi chìm sanh tử khó được xuất ly. Nay ta muốn nhổ gốc rễ của nó, quan sát khẩu nghiệp kia do môi răng, tiếng vang của yết hầu cuống rốn, gió thức kích động phát ra tiếng nói. Do tâm làm nhân duyên sanh hai thứ hư thật khác nhau, thật thì lợi ích, hư thì tổn mất. Thật là khởi gốc lành, hư là sanh cội ác. Cội gốc thiện ác là do lời nói nơi cửa miệng, nói lời thiện là tứ chánh, nói lời ác là tứ tà. Tà thì bị khổ, chánh thì được vui. Thiện là duyên trợ đạo, ác là gốc hư đạo. Thế nên người chánh phải có tâm hộ trì việc chánh, dùng lời thật để lập thân, tụng kinh niệm Phật quán sát thật tướng của lời nói vốn không tồn tại, nói nín bình đẳng. Đấy gọi là tịnh tu khẩu nghiệp.

C.- Thế nào là tịnh tu ý nghiệp ?

Do niệm tà làm nhân duyên hay sanh ra muôn điều ác. Nhờ chánh quán làm nhân duyên hay khởi lên vạn điều thiện. Cho nên kinh nói : “Ba cõi không có pháp riêng, chỉ do nhất tâm tạo tác”, nên biết tâm là căn bản của vạn pháp vậy.

Thế nào là tà niệm? Vô minh chẳng rõ chấp lầm là ngã, ngã kiến kiên cố tham sân tà kiến chấp càn ngoại cảnh sanh ra các thứ đắm nhiễm. Nên kinh nói : “Nhân vì có ngã bèn có ngã sở. Nhân vì ngã sở khởi ra sáu mươi hai kiến chấp đoạn thường, (Sáu mươi hai kiến chấp đoạn thường : chấp ngã là sắc, ngã khác sắc, ngã trong sắc, sắc trong ngã, cho đến thức cũng vậy. 5 ấm x 4 = 20; 20 x 3 đời = 60; 60 + đoạn và thường = 62.) chín mươi tám sử kiến tư (Chín mươi tám sử kiến tư : 88 Kiến hoặc cộng với 10 tư hoặc thành 98.) tương tục gây nên sanh tử luân hồi trong ba cõi chẳng thôi”. Phải biết tà niệm là gốc của các điều ác, thế nên người trí phải chế ngự mà không theo nó.

Thế nào là chánh quán ? Ta người không khác, sắc tâm chẳng hai; Bồ-đề phiền não bản tánh không khác, sanh tử Niết-bàn bình đẳng nhất chiếu. Do đó, kinh nói : “Lìa ngã, ngã sở, quán pháp bình đẳng, ngã và Niết-bàn cả hai đều không”. Phải biết các pháp chỉ có danh tự. Cho nên kinh nói : “Cho đến Niết-bàn cũng chỉ có danh tự”. Lại nói : “Văn tự tánh ly, danh tự cũng không”. Vì sao ? Pháp chẳng tự có tên, giả đặt tên để gọi pháp, pháp đã chẳng phải pháp, danh cũng chẳng phải danh, danh chẳng đúng với pháp, pháp chẳng đúng với danh, danh pháp không đúng, tất cả không tịch. Cho nên kinh nói : “Pháp không có danh tự vì ngôn ngữ dứt”. Thế nên diệu tướng thì bặt danh, chân danh thì chẳng phải tự. Vì sao ? Vô vi tịch diệt vi diệu tột cùng bặt tướng lìa danh, đường tâm ngôn dứt. Phải biết đó là điểm quan yếu của sự về nguồn chánh quán. Vì thế người trí dùng chánh quán làm nhân duyên để muôn hoặc (Hoặc : Chỉ cho phiền não) đều trừ, cảnh trí đều quên, nguồn tâm thanh tịnh. Đấy gọi là tịnh tu ý nghiệp.

Các điều kể trên đây, trong bốn oai nghi lúc sáu căn đối với trần cảnh phải tùy duyên liễu đạt để theo thứ lớp mà vào đạo vậy.

☸

CHƯƠNG IV: BÀI TỤNG VỀ XA-MA-THA (Chỉ)

Khéo khéo lúc dụng tâm,

Khéo khéo không tâm dụng,

Không tâm khéo khéo dụng,

Thường dụng khéo khéo không.

Phàm niệm chẳng quên thì trần chẳng dứt, trần chẳng dứt thì niệm chẳng quên. Trần quên là do dứt niệm mà quên, niệm dứt là do quên trần mà dứt. Quên trần mà dứt nên dứt mà không có cái hay dứt (năng tức), dứt niệm mà quên nên quên mà không có cái bị quên (sở vong). Quên mà không có cái bị quên nên trần bị khiển trừ chẳng phải là đối tượng bị biết, dứt mà không có cái hay dứt nên niệm diệt chẳng phải là chủ thể hay biết. Cái biết diệt mất, cái đối tượng cũng bị khiển trừ thì một bề vắng lặng. Diệu tánh thiên nhiên lặng yên không nương gá, như lửa đốt hư không thì lửa tự tắt. Hư không dụ cho diệu tánh chẳng phải tướng, lửa tắt dụ cho vọng niệm chẳng sanh. Có lời rằng :

Quên duyên rồi thì lặng lặng

Tánh linh tri hiện rõ ràng

Vô ký mê mờ tỏ rõ

Hợp chơn vốn không rành rành.

Tỉnh tỉnh lặng lặng phải,

Vô ký lặng lặng sai;

https://thuviensach.vn

Lặng lặng tỉnh tỉnh phải,

Loạn tưởng tỉnh tỉnh sai.

Nếu lấy cái biết dùng để biết lặng thì đây chẳng phải là cái biết không duyên, như tay cầm cây như ý, chẳng phải là trên tay không có cây như ý. Nếu lấy cái tự biết để biết, cũng chẳng phải là cái biết không duyên, như bàn tay nắm lại chẳng phải là không có nắm tay. Cũng chẳng biết cái biết lặng, cũng chẳng tự biết cái biết thì không thể nói là không biết, tự tánh hiển nhiên cho nên nói chẳng đồng gỗ đá, như tay chẳng cầm cây như ý, cũng chẳng nắm lại thành cái nắm tay, nhưng không thể nói là không có tay. Vì rõ ràng có tay nên chẳng đồng với sừng thỏ.

Lại nữa, thứ tự tu tâm là hễ dùng cái biết để biết vật thì vật còn, cái biết cũng còn. Nếu dùng cái biết để biết cái biết, biết được cái biết thì lìa được vật, vật tuy lìa được nhưng cái biết hãy còn. Khởi lên cái biết để biết cái biết, lúc cái biết sau sanh thì cái biết trước đã diệt. Cả hai cái biết chẳng cùng một lượt, hễ lúc cái biết trước diệt thì cái chỗ diệt ấy là cảnh của cái biết, nên năng sở đều chẳng phải chân. Cái biết trước diệt, cái diệt ấy dẫn theo cái biết sau, cái biết sau ấy lại tiếp tục diệt, sanh diệt nối nhau tự đó là nẻo luân hồi.

Nay nói biết đó, là chẳng cần biết cái biết, nhưng chỉ cần biết để biết mà thôi thì cái biết trước chẳng tiếp tục diệt, cái biết sau chẳng dẫn khởi, trước sau đứt đoạn, khoảng giữa tự bị cô lập. Đương thể chẳng nhớ đến, đúng lúc liền tiêu diệt, biết thể đã diệt rồi thì rỗng rang như nắm bắt hư không, phút chốc vắng lặng chỉ có cái giác vô sở đắc tức là không giác mà giác, giác mà không giác, khác hẳn gỗ đá. Đây là chỗ bắt đầu dụng tâm cần phải dứt bặt tư lự, chợt đồng như người chết, năng sở liền quên, mảy may đều sạch. Vắng lặng tợ không biết mà biết, tánh của cái không biết ấy khác với gỗ đá. Đây là chỗ người sơ tâm khó lãnh hội được.

Người mới phát tâm chẳng nên có ba thứ :

1) Ác, nghĩa là nghĩ tưởng đến các nhân duyên như ngũ dục thế gian v.v…

2) Thiện, nghĩa là nghĩ tưởng đến các việc tạp thiện thế gian v.v…

3) Vô ký, nghĩa là chẳng nghĩ đến thiện ác, lại rơi vào hôn trầm.

Trong Giới cần phải đủ ba thứ :

1) Nhiếp luật nghi giới, nghĩa là dứt tất cả các điều ác.

2) Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là tu tất cả các điều thiện.

3) Nhiêu ích hữu tình giới, nghĩa là thệ độ tất cả chúng sanh.

Trong Định cần phải phân biệt ba thứ :

1) An trụ định, nghĩa là diệu tánh thiên nhiên vốn chẳng phải động.

2) Dẫn khởi định, nghĩa là lóng lòng dứt vọng trí tuệ phát sáng.

3) Biện sự định, nghĩa là nước định lóng trong soi tỏ muôn tượng.

Trong Tuệ cũng cần phải phân biệt ba thứ :

1) Nhân không tuệ, nghĩa là rõ năm ấm chẳng phải ngã tức là trong mỗi ấm không có ngã như lông rùa sừng thỏ (Lông rùa sừng thỏ ý nói là việc hoàn toàn không có.).

2) Pháp không tuệ, nghĩa là rõ các pháp như ấm v.v… duyên giả chẳng phải thật, như bóng trong gương như trăng đáy nước.

3) Không không tuệ, nghĩa là rõ cảnh và trí đều không, cái không ấy cũng không.

Trong Kiến cần phải biết ba thứ :

1) Không kiến, nghĩa là thấy không mà cái thấy chẳng phải không.

2) Bất không kiến, nghĩa là thấy chẳng khôngù mà cái thấy chẳng phải chẳng không.

3) Tánh không kiến, nghĩa là thấy tự tánh mà cái thấy chẳng phải tánh.

Trong Thiên cần phải lựa ra ba thứ :

1) Có pháp thân, không có Bát-nhã và giải thoát.

2) Có Bát-nhã, không có giải thoát và pháp thân.

3) Có giải thoát, không có pháp thân và Bát-nhã.

Có một thiếu hai là chẳng viên, chẳng viên nên chẳng phải tánh.

Lại nữa trong Thiên cần phải lựa ra ba thứ :

1) Có pháp thân và Bát-nhã, không có giải thoát.

2) Có Bát-nhã và giải thoát, không có pháp thân.

3) Có giải thoát và pháp thân, không có Bát-nhã.

https://thuviensach.vn

Có hai thiếu một là chẳng viên, chẳng viên nên chẳng phải tánh.

Trong Viên cần phải có đủ ba thứ :

1) Pháp thân chẳng si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải thoát. Giải thoát tịch diệt tức pháp thân.

2) Bát-nhã không chấp tức giải thoát. Giải thoát tịch diệt tức pháp thân. Pháp thân chẳng si tức Bát-nhã.

3) Giải thoát tịch diệt tức pháp thân. Pháp thân chẳng si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải thoát.

Nêu lên một, tức đủ cả ba; nói ba thể tức là một. Đây là ba đức trong nhân chẳng phải ba đức trên quả. Muốn biết ba đức trên quả : Pháp thân có đoạn đức, do vì dứt hoặc để bày đức, nên gọi là đoạn đức. Tự thọ dụng thân có trí đức, vì đầy đủ công đức chân thật của bốn trí (Bốn trí : Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí.). Tha thọ dụng thân và hóa thân có đại ân đức vì tha thọ dụng thân ban ân đức cho hàng Thập địa Bồ-tát, vì ba thứ hóa thân đối với các hàng Bồ-tát, Nhị thừa và loài dị sanh có ân đức.

Ba đế (Ba đế : chân đế, tục đế và đệ nhất nghĩa đế.), bốn trí, ngoại trừ thành sở tác trí duyên tục đế. Nhưng pháp không có cạn sâu mà chiếu thì có sáng tối, tâm không phải nhơ sạch mà giải thì có mê ngộ… Kẻ sơ tâm mê đâu chẳng phải cạn, cuối cùng khế ngộ viên lý mới biết đâu chẳng phải sâu. Mê thì mất lý mà tự sai, ngộ thì hết sai mà tức lý. Mê ngộ thì đồng lý ấy cho nên mới có danh từ tiệm thứ.

Lại nữa người mới tu tâm sau khi nhập môn cần phải biết năm niệm :

1 – Cố khởi.

2 – Quán tập.

3 – Tiếp tục.

4 – Biệt sanh.

5 – Tức tịnh.

Niệm cố khởi, nghĩa là khởi tâm nghĩ đến ngũ dục thế gian và các việc tạp thiện.

Niệm quán tập, nghĩa là vô tâm cố nhớ, chợt nghĩ, nghĩ đến các việc thiện ác v.v…

Niệm tiếp tục, nghĩa là tập quán chợt khởi, biết tâm dong ruổi tán loạn mà chẳng chế ngự cho nó dừng lại, trái lại còn tiếp tục nghĩ tưởng theo niệm trước.

Niệm biệt sanh, nghĩa là biết niệm trước là tán loạn liền sanh tâm hổ thẹn cải hối.

Niệm tức tịnh, nghĩa là lúc mới ngồi chẳng nghĩ đến các việc thiện ác, vô ký thế gian. Dụng công ngay chỗ này nên nói là tức tịnh.

Người sơ tâm phần nhiều có một niệm quán tập. Người giãi đãi có hai niệm tiếp tục và cố khởi. Người hay hổ thẹn phần nhiều có một niệm biệt sanh. Người tinh tấn thường có một niệm tức tịnh. Bốn niệm quán tập, tiếp tục, cố khởi và biệt sanh là bệnh. Một niệm tức tịnh là thuốc. Tuy thuốc và bệnh có khác nhưng đều gọi chung là niệm. Lúc năm niệm này ngừng dứt gọi là nhất niệm tương ưng. Nhất niệm nghĩa là tự tánh linh tri. Nhưng năm niệm ấy là chi nhánh của nhất niệm, nhất niệm là căn bản của năm niệm ấy.

Lại nữa, nếu lúc nhất niệm tương ưng, cần phải biết sáu khoa liệu giản :

1 – Biết bệnh

2 – Biết thuốc

3 – Biết đối trị

4 – Biết lỗi sanh

5 – Biết thị phi

6 – Biết chánh trợ

1 - Bệnh có hai thứ : Một là duyên lự, hai là vô ký. Duyên lự là hai niệm thiện ác, tuy khác nhau nhưng đều chẳng phải giải thoát nên đều gọi chung là duyên lự. Vô ký là tuy chẳng duyên các việc thiện ác v.v… nhưng cũng chẳng phải chân tâm chỉ là hôn trầm. Hai thứ này đều là bệnh.

2 - Thuốc cũng có hai : Một là lặng lặng, hai là tỉnh tỉnh. Lặng lặng là chẳng nghĩ đến các việc thiện ác v.v.. của ngoại cảnh. Tỉnh tỉnh là chẳng sanh các tướng hôn trầm vô ký. Hai thứ này gọi là thuốc.

3 - Đối trị, nghĩa là dùng lặng lặng trị duyên lự, dùng tỉnh tỉnh trừ hôn trầm. Dùng hai thứ thuốc này để trị hai chứng bệnh kia cho nên gọi là đối trị.

4 - Lỗi sanh, nghĩa là lặng lặng lâu thì sanh hôn trầm, tỉnh tỉnh lâu thì sanh duyên lự, nhân vì thuốc mà sanh bệnh nên nói là lỗi sanh.

5 - Biết thị phi, nghĩa là lặng lặng mà chẳng tỉnh tỉnh thì sẽ hôn trầm, tỉnh tỉnh mà chẳng lặng lặng thì sẽ duyên lự. Chẳng tỉnh tỉnh, chẳng lặng lặng thì chẳng những duyên lự mà còn hôn trầm. Vừa lặng lặng vừa tỉnh tỉnh, chẳng nhữùng sáng suốt mà còn yên lặng, đó là trở về nguồn diệu tánh vậy. Trong

https://thuviensach.vn

bốn câu này, ba câu trước là phi (sai), một câu chót là thị (phải) cho nên nói là biết thị phi.

6 - Chánh trợ, nghĩa là dùng tỉnh tỉnh làm chánh, lặng lặng làm trợ. Hai việc này thể không rời nhau giống như người bệnh nhờ gậy mà đi được, lấy sự đi là chánh, lấy cây gậy làm trợ. Phàm người bệnh muốn đi, trước tiên cần phải cầm gậy rồi sau mới đi được. Người tu tâm cũng vậy, đầu tiên cần phải dứt duyên lự khiến tâm lặng lặng, kế đó phải tỉnh tỉnh chẳng để hôn trầm khiến tâm sáng suốt, sáng suốt mà vắng lặng, hai tên đồng thời một thể. Ví như người bệnh muốn đi, thiếu gậy không thể đi được, lúc đang đi nhờ gậy mới đi được. Người dụng công tu cũng vậy, sáng suốt và lặng lẽ chẳng được khác thời, tuy có hai tên mà thể của chúng không khác. Lại nói : Loạn tưởng là bệnh, vô ký cũng là bệnh. Lặng lặng là thuốc, tỉnh tỉnh cũng là thuốc. Lặng lặng phá loạn tưởng, tỉnh tỉnh trị vô ký. Lặng lặng sanh vô ký, tỉnh tỉnh sanh loạn tưởng. Lặng lặng tuy có thể trị loạn tưởng mà lại sanh vô ký, tỉnh tỉnh tuy có thể trừ vô ký mà lại khởi loạn tưởng. Do đó nói :

Tỉnh tỉnh lặng lặng phải,

Vô ký lặng lặng sai;

Lặng lặng tỉnh tỉnh phải,

Loạn tưởng tỉnh tỉnh sai.

Lặng lặng là trợ, tỉnh tỉnh là chánh. Hãy suy nghĩ kỹ!

Lại nữa, sau khoa liệu giản cần phải biết rõ năm ấm trong nhất niệm. Nghĩa là dùng thức tương ưng phân biệt rõ ràng gọi là thức ấm, lãnh nạp tại tâm tức là thọ ấm, tâm duyên lý này tức là tưởng ấm, hành dụng lý này tức là hành ấm, ô uế chân tánh tức là sắc ấm. Năm ấm này luận về thể tức là nhất niệm, nhất niệm này nói về thể thì toàn là năm ấm. Thấy rõ ràng trong nhất niệm này không có chủ tể tức là nhân không tuệ, thấy như huyễn như hóa tức là pháp không tuệ. Thế nên cần phải biết năm niệm và sáu khoa liệu giản này xin chớ nghi ngờ. Như muốn lấy vàng thật, phải biết rõ cái nào là gạch ngói và vàng giả, chỉ cần lựa bỏ riêng ra hết, dầu không biết vàng thạät, vàng thật cũng tự hiện ra lo gì chẳng được.

☸

CHƯƠNG V: BÀI TỤNG VỀ TỲ-BÀ-XÁ-NA (Quán)

Phàm chẳng phải trí thì chẳng biết cảnh, nếu chẳng có cảnh thì trí chẳng sanh. Trí sanh là biết cảnh mà sanh, biết cảnh là do trí sanh mà biết. Trí sanh mà biết thì biết không có cái bị biết (sở liễu). Biết cảnh mà sanh nên sanh không có cái hay sanh (năng sanh). Sanh không có cái hay sanh, tuy trí mà chẳng phải có. Biết mà không có cái bị biết, tuy cảnh mà chẳng phải không. Không tức chẳng không, có tức chẳng có, có không đều chiếu cả hai thì diệu ngộ hiển nhiên. Như lửa được củi càng thêm cháy mạnh, củi dụ như cảnh để phát sanh trí, lửa dụ cho diệu trí biết cảnh. Có lời rằng:

Đạt tánh không, chẳng trói buộc

Tuy duyên giả, không đắm trước

Hai cảnh có không đồng soi

Một tâm trung quán siêu vượt.

Nếu trí biết nơi cảnh tức là trí biết cảnh không, như mắt thấy hoa không là mắt biết hoa không. Nếu trí biết nơi trí, tức là trí biết trí không, như mắt thấy con mắt không là mắt biết mắt không. Trí tuy biết cảnh không và biết trí không, nhưng chẳng phải không trí biết cảnh. Cảnh không trí vẫn có. Trí biết cảnh không và trí không, nên không có cảnh nào trí chẳng biết, như con mắt biết hoa không và biết mắt không, nhưng chẳng phải không biết có mắt thấy hoa. Hoa không mắt vẫn có. Mắt biết hoa không và mắt không nên có hoa nào mà mắt chẳng biết.

Lại nữa, tất cả các pháp đều là nhân duyên giả dối, vì nhân duyên sanh nên đều không tự tánh. Một pháp đã vậy, muôn pháp cũng vậy. Cảnh trí theo nhau thì đâu chẳng lặng. Vì sao ? Vì pháp nhân duyên tánh không sai biệt. Nay đây ba cõi luân hồi, sáu đường lên xuống, tịnh uế khổ lạc, phàm thánh sai khác đều do ba nghiệp, bốn nghi (Bốn nghi là đi, đứng, nằm, ngồi.)sáu căn đối cảnh. Theo tình tạo nghiệp, quả báo chẳng đồng, thiện thì hưởng lạc, ác thì thọ khổ. Cho nên kinh nói : “ Thiện ác là nhân, khổ lạc là quả ”. Phải biết pháp không có tướng nhất định, tùy duyên tập hợp cấu thành, duyên chẳng phải là có ngã, cho nên gọi là tánh không. Không nên chẳng phải khác, do đó muôn pháp đều Như. Vì thế kinh nói : “Sắc tức là không, bốn ấm kia cũng vậy”. Như vậy, đâu riêng gì loài phàm tục có duyên sanh, mà hàng tam thừa thánh quả cũng từ duyên có. Thế nên kinh nói : “Phật chủng từ duyên khởi”. Do đó muôn cơ tụ hợp, người đạt thì không đâu chẳng phải đạo tràng; sắc tượng vô biên, người ngộ rồi thì không có gì chẳng phải Bát-nhã. Cho nên kinh nói : “ Vì sắc vô biên nên biết Bát-nhã cũng vô biên”. Vì sao ? Vì cảnh chẳng phải trí thì chẳng biết, trí chẳng phải cảnh thì chẳng sanh. Trí sanh thì biết cảnh mà sanh, biết cảnh thì trí sanh mà biết. Trí sanh mà biết, biết không có cái bị biết (sở liễu). Biết cảnh mà sanh, sanh không có cái hay sanh (năng sanh). Sanh không có cái hay sanh thì nội trí lặng lặng. Biết không có cái bị biết thì ngoại cảnh như như. Như và lặng không sai khác thì cảnh và trí hợp nhất, muôn lụy đều hết, diệu chỉ hãy còn. Cho nên kinh nói : “Bát-nhã không biết mà

https://thuviensach.vn

không cái gì chẳng biết". Như vậy diệu chỉ chẳng phải biết, không biết mà biết vậy.

☸

CHƯƠNG VI: BÀI TỤNG VỀ ƯU-TẤT-XOA (Thiền)

Phàm định loạn đôi đường nhưng nguồn động tịnh không hai, ngu tuệ trái nẻo mà gốc sáng tối chẳng khác. Bọn mê theo tối phản sáng, bỏ tịnh cầu động. Người ngộ phản động theo tịnh, bỏ tối cầu sáng. Sáng sanh thì chuyển ngu thành tuệ, tịnh lập thì dứt loạn thành định. Định lập là do phản động, tuệ sanh là do bỏ tối. Tối và động liên hệ trong lồng phiền não, tịnh và sáng hướng về nơi vật biểu lộ. Vật không thể làm ngu là do công của tuệ, phiền não không thể làm loạn là do công của định. Định tuệ lại giúp cho sự lặng yên sáng suốt, ngu loạn buộc nhau ở chốn tối tăm, diêu động. Động mà hay tịnh tức là loạn mà định; tối mà hay sáng tức là ngu mà tuệ vậy. Như thế, gốc của tối và động không khác, sáng và tịnh do đây hợp đạo. Nguồn của ngu và loạn chẳng khác, định và tuệ do đó đồng tông. Tông đồng thì vô duyên từ, định tuệ thì tịch mà thường chiếu. Tịch mà thường chiếu thì song dữ (cả hai đều cho), vô duyên từ thì song đoạt (cả hai đều cướp). Song đoạt thì Ưu-tất-xoa (thiền), song dữ thì Tỳ-bà (quán) và Xa-ma (chỉ). Vì Xa-ma-tha (chỉ) tuy tịch mà thường chiếu, vì Tỳ-bà-xá-na (quán) tuy chiếu mà thường tịch, vì Ưu-tất-xoa (thiền) chẳng phải chiếu chẳng phải tịch. Vì chiếu mà thường tịch nên nói tục mà tức chân, vì tịch mà thường chiếu nên nói chân mà tức tục, chẳng phải tịch chẳng phải chiếu nên ngậm miệng ở Tỳ-da (Trong kinh Duy-ma, khi ngài Duy-ma-cật được hỏi về pháp môn bất nhị, ngài im lặng.).

Lại nữa còn có mười môn quán tâm :

1 – Nói về pháp nhĩ

2 – Nêu ra quán thể

3 – Nói về sự tương ưng

4 – Cảnh tỉnh sự thượng mạn

5 – Răn sự biếng lười, xao lãng

6 – Nêu lại quán thể

7 - Nói về thị phi

8 – Chọn lựa thuyên chỉ

9 – Chạm cảnh thành quán

10 – Khéo hợp với nguồn huyền.

1 – Nói về pháp nhĩ : Luận về tâm tánh thì rỗng rang thông suốt, nguồn động tịnh không hai, chân như tuyệt lự cùng niệm duyên chấp trước cũng chẳng khác. Hoặc kiến lăng xăng, cùng tột chỉ là nhất tịch. Nguồn linh không hình soi vào thì có thiên sai (ngàn thứ sai khác). Thiên sai chẳng đồng nên tự lập ra cái tên Pháp nhãn. Nhất tịch không khác nên cái hiệu tuệ nhãn vẫn còn. Cả hai lý và lượng đều tiêu thì công năng Phật nhãn tròn đủ. Vì vậy tam đế nhất cảnh nên lý Pháp thân hằng thanh tịnh. Tam trí nhất tâm nên ánh Bát-nhã thường soi chiếu. Cảnh trí thầm hợp nên giải thoát tùy cơ, chẳng phải dọc chẳng phải ngang mà đạo tròn đủ như chữ y (...) gặp gỡ nhau một cách nhiệm mầu. Cho nên biết diệu tánh của tam đức (Tam đức : Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát.) rõ ràng không trái, nhất tâm sâu rộng khó lường đâu có cái gì chẳng phải là đường giải thoát. Do đó, tức tâm là đạo, có thể nói là lần theo dòng mà đến được nguồn vậy.

2 – Nêu ra quán thể : Chỉ cần biết nhất tâm tức không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không.

3 – Nói về sự tương ưng : Tâm cùng với không tương ưng thì khen chê đâu có mừng lo. Thân cùng với không tương ưng thì dao cắt hay hương xoa cũng đâu có khổ sướng. Y báo cùng với không tương ưng thì thí cho hay cướp đoạt cũng đâu có được mất.

Tâm cùng không mà chẳng không tương ưng thì ái kiến đều quên, từ bi cứu khắp tất cả. Thân cùng không mà chẳng không tương ưng thì bên trong đồng với cây khô, bên ngoài hiện đủ oai nghi. Y báo cùng không mà chẳng không tương ưng thì vĩnh viễn dứt sự tham cầu mà đem tiền của giúp người.

Tâm cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ưng thì thật tướng mới tỏ, mở tri kiến Phật. Thân cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ưng thì một trần nhập chánh thọ, các trần tam-muội khởi. Y báo cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ưng thì hóa sanh đài hương, lầu báu, cõi nước trang nghiêm.

4 – Cảnh tỉnh sự thượng mạn : Nếu chưa được như trên thì chưa tương ưng.

5 – Răn sự biếng lười xao lãng : Như qua biển cần phải lên thuyền không nhờ thuyền thì làm sao qua được. Tu tâm cần phải nhập quán, chẳng có quán thì lấy gì để minh tâm. Tâm còn chưa minh thì ngày nào tương ưng. Hãy nên suy xét kỹ, chớ nên tự thị.

https://thuviensach.vn

6 – Nêu lại quán thể : Chỉ biết nhất niệm tức không bất không, phi hữu phi vô, chẳng biết tức niệm, tức không bất không, phi-phi-hữu phi-phi-vô.

7 – Nói về thị phi : Tâm chẳng phải hữu, tâm chẳng phải vô, tâm chẳng phải phi hữu, tâm chẳng phải phi vô. Là hữu là vô tức là sa vào thị; phi hữu phi vô tức là rơi vào phi. Như vậy, chỉ là cái phi (sai) của thị và phi, chưa phải là cái thị (phải) của phi thị và phi phi. Nay dùng hai cái phi để phá hai cái thị, thị phá phi thị vẫn còn là phi. Lại dùng hai cái phi để phá hai cái phi, phi phá phi phi tức là thị. Như vậy, chỉ là cái thị của phi thị và phi phi, chưa phải là bất phi bất bất phi, bất thị bất bất thị. Cái lầm về thị phi nhỏ nhiệm rất khó thấy, phải để tinh thần sáng suốt, tư lự lặng yên hầu nghiên cứu kỹ lưỡng.

8 – Chọn lựa thuyên chỉ (Thuyên tức là năng thuyên, Chỉ tức là sở thuyên.): Nhưng mà chí lý thì không lời, mượn văn ngôn để nói về ý chỉ của lý. Ý chỉ và tông thú chẳng phải là quán, nhờ tu quán để hội được tông thú. Nếu ý chỉ chưa minh thì lời chưa đúng; nếu tông thú chưa hội thì quán chưa sâu. Quán sâu mới hội được tông thú, lời đúng mới rõ được ý chỉ. Ý chỉ và tông thú đã hiểu rõ rồi thì lời nói và quán đâu còn tồn tại nữa.

9 – Chạm cảnh thành quán : Phàm diễn lại ngôn từ, nêu lại quán thể là muốn nói về tông thú và ý chỉ không khác. Lời nói và quán tùy nơi mà dời đổi. Đổi lời thì ngôn và lý không sai, đổi quán thì quán và ý chỉ không khác. Ý chỉ không khác tức là lý, lý không sai tức là tông. Tông thú và ý chỉ là một nhưng hai tên, mà lời nói và quán là phương tiện dẫn dắt.

10 – Khéo hợp với nguồn huyền : Phàm người ngộ tâm đâu chấp quán mà mê ý chỉ, người đạt giáo há trệ lời mà lầm lý. Lý tỏ thì đường ngôn ngữ dứt, lời nào có thể nói bàn. Ý chỉ hội thì chỗ tâm hành diệt, quán nào có thể nghĩ ngợi. Tâm ngôn chẳng thể nghĩ bàn, thật đáng là “diệu khế hoàn trung” vậy.

☸

CHƯƠNG VII: CẤP BẬC LẦN LƯỢT CỦA BA THỪA

Phàm đại đạo mầu nhiệm thì vi tế sâu xa, lý bặt sự biểu hiện của danh tướng. Chí chân rỗng rang vắng lặng, lượng vượt ra ngoài các số, mà có thể khởi lòng từ vô duyên tùy cơ cảm ứng. Chỉ thú bất nhị tùy theo căn tánh để phân chia. Thuận vật quên mình nên làm mà không làm, suốt ngày dạy bảo mà chẳng khác gì không nói, lập giáo nhiều đường mà chẳng trái một đạo. Vì vậy, Đại thánh từ bi ứng cơ lợi vật, gom về chỗ sâu kín thì muôn kinh chẳng khác. Hàng trung hạ quán tứ đế, thập nhị nhân duyên mà tự thành Tiểu, bậc cao thượng tu lục độ mà thành Đại.

Do đó, hạng ngu mê không thể tự hiểu, hoặc nhân nghe nói mà ngộ giải nên hiệu là Thanh văn, nguyên vì chỗ tu lấy tứ đế làm bản hạnh. Quán vô thường mà sanh sợ, nghĩ không tịch để cầu an, sợ luân hồi trong lục đạo, ghét sanh tử của tam giới. Thấy khổ thường ôm lòng chán lìa, dứt tập hằng sợ nó sanh, chứng diệt riêng khế hợp với vô vi, tu đạo chỉ luận đến tự độ. Tâm đại thệ chưa khắp, đạo nhiếp hóa không thực hành. Lục hòa kính (Lục hòa kính: 1. Đồng giới hòa kính 2. Đồng kiến hòa kính 3. Đồng hạnh hòa kính 4. Thân từ hòa kính 5. Khẩu từ hòa kính 6. Ý từ hòa kính)rỗng không, lòng thương ba cõi chẳng vận dụng, nhân trái vạn hạnh, quả thiếu viên thường, lục độ chưa tu, chẳng phải Tiểu thừa thì là gì ? Đó là đạo Thanh văn vậy.

Hoặc có người chẳng nhân người khác nói mà tự ngộ vô thường, ngẫu nhiên duyên tán mà thể hội được chân lý nên gọi đó là Duyên giác. Nguyên chỗ tu tập của các Ngài lấy thập nhị nhân duyên làm bản hạnh. Quán vô minh tức màø không, đạt các hành mà vô tác. Hai nhân (Hai nhân : vô minh và hành) đã chẳng phải nghiệp thì năm qua (Năm quả : thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ.)đâu còn báo. Ái thủ hữu không còn tỳ vết thì lão tử cũng đâu còn ràng buộc, nên có thể tức thì một mình giải thoát. Ở yên chỗ vắng vẻ yên lặng quán vạn vật biến hóa mà ngộ lý vô thường, thấy thu tàn mà vào chân đạo. Bốn oai nghi nghiêm nghị, nhiếp tâm lự để an vui, tánh thích ở một mình, ưa nghĩ ngợi nơi rừng vắng. Chẳng ưa thuyết pháp, chỉ hiện sức thần thông để hóa độ người. Vào lúc không có Phật xuất thế, các Ngài làm ngọn lửa tiếp nối Phật đăng. Thân chỉ ưa vắng lặng, ý thích trong sạch rỗng rang, ở một mình trên đỉnh núi hoang liêu quán các duyên tan mất. Chẳng làm lợi ích khắp cho mọi người, tự lợi cũng chưa viên mãn. Đối với bậc hạ thì có phần hơn, còn so với bậc thượng thì chưa đủ, cả hai đều chẳng phải phẩm loại của các Ngài, mà địa vị ở Trung thừa, đấy là đạo Bích Chi Phật vậy.

Như người căn tánh vốn sáng, công đức chứa nhóm nhiều đời, học chẳng bác thiệp mà vẫn tự sanh được sự hiểu biết. Tâm không duyên bất cứ chỗ nào mà hay lợi vật; từ bi rất lớn, chẳng bị ái kiến câu thúc, suốt ngày cứu độ chúng sanh chẳng thấy có chúng sanh được độ. Nhất và dị đều đồng diệu chỉ, giải và hoặc đồng nguyên, nhân và pháp đều không, cho nên gọi là Bồ-tát. Nguyên vì hạnh tu của các ngài lấy lục độ làm chánh nhân. Thực hành bố thí thì bỏ thân hết của; trì giới thì kiết-la (giới nhỏ) cũng không phạm; nhẫn nhục thì thấu rõ vô ngã, cắt thân nào hại gì, an nhẫn sự khen chê bát phong chẳng động; tinh tấn thì siêng năng cầu pháp chí đạo như cứu lửa cháy đầu, sự tu hành và giáo hóa người trong khoảng sát-na cũng không gián đoạn; thiền-na thì thân tâm yên lặng, an ban (An ban : Pháp sổ tức) vi tế, ở trong tịch định để tự nuôi thân, dùng bốn oai nghi để lợi vật; trí tuệ thì rõ biết duyên khởi tự tánh vô sanh, muôn pháp đều Như, nguồn tâm vắng lặng. Tuy biết phiền não

https://thuviensach.vn

không thể xả bỏ, Bồ-đề không thể nắm lấy mà có thể chẳng chứng vô vi, độ chúng sanh trong nhiều kiếp, rộng tu vạn hạnh, bình đẳng quan sát các loài, dưới đến tứ đế, thập nhị nhân duyên, trên gồm cả pháp bất cộng. Tâm đại thệ trùm khắp, đạo tứ nhiếp gồm thâu, lấy ba cõi làm nhà, bốn loài sanh làm con. Vận dụng hai thứ bi trí, hai thứ phước tuệ trang nghiêm siêu việt Nhị thừa, riêng ở bậc thượng, đó là đạo Đại thừa vậy.

Vì vậy, lý nhất chân theo căn tánh mà có thứ bậc sai khác, như được sự lợi ích tùy cơ nên nói đủ cả ba thừa. Nhưng mà chí lý hư huyền cùng tận đến chỗ vi diệu thì một còn chẳng có, huống là nói đến ba. Ba mà chẳng ba nên nói là ba, một mà chẳng một nên nói là một. Chẳng phải ba mà một, ba còn chẳng ba thì một mà ba, một cũng đâu có một. Một chẳng một tự chẳng phải ba, ba chẳng ba tự chẳng phải một. Chẳng phải một, một chẳng phải thì ba không còn. Chẳng phải ba, ba chẳng phải thì một chẳng lập. Một chẳng lập vốn chẳng phải ba, ba không còn vốn không có một. Một ba vốn không, cái không này cũng không, cái không không đó không có gốc nên diệu tuyệt. Như vậy thì một đâu bị phân, ba đâu được hợp, hợp phân là từ nơi người vậy, lý nào có khác với lời ư ! Ví như có ba con thú qua sông, con sông vốn một, đâu có vì ba con thú mà hợp. Lại đâu riêng gì con sông chẳng phải vì thú mà hợp, mà thú cũng chẳng phải do sông mà phân. Sông còn chẳng thành ba con sông, đâu được lấy sông để hợp ba con thú. Thú còn chẳng thành một con thú, há được lấy thú mà thành sông. Sông chẳng phải thú nên đâu thể ba, thú chẳng phải sông nên đâu thể một. Chỉ một con sông bao cả ba con thú mà sông chưa từng ba, ba con thú qua một con sông mà thú chưa từng một. Thú chẳng phải một con để biết chân của chúng có ngắn dài, sông chẳng phải ba để rõ nước kia không có sâu cạn. Nước không có sâu cạn ví như pháp không có sai khác, chân có dài ngắn là dụ cho trí của mỗi bậc có sáng tối khác nhau. Như vậy pháp vốn không có ba mà người tự có ba hạng vậy.

Nay đây điểm khởi đầu của ba thừa thì tứ đế được nêu lên trước hết. Pháp vốn đã không có sai khác, thì tứ đế cũng đâu chẳng phải đại, mà nói rằng hàng Thanh văn quán nó địa vị lại ở bậc tiểu. Thế mới biết tứ đế tợ như sông, người ví như thú. Hàng Thanh văn kém nhất dụ như thỏ tuy lội qua sông mà chân không đến đáy, nên chưa có thể biết được chỗ sâu tột, địa vị các Ngài còn ở bậc thấp, đâu phải tất cả những người quán tứ đế đều thành tiểu. Như người trí chiếu cao minh, lượng bằng voi lớn thì có thể đến cùng nguồn tận mé, hiển nhiên thành đại, cho nên biết kẻ hạ trí quán thì được quả Thanh văn, người trung trí quán thì được quả Duyên giác, bậc thượng trí quán thì được quả Bồ-tát. Biết tông rõ ràng há cho toan tính ư !

Vì thế Thanh văn thấy khổ mà dứt tập, Duyên giác ngộ tập tan rã mà quán ly, Bồ-tát thấu rõ nguồn chân biết tập vốn không hòa hợp. Ba người cùng quán tứ đế nhưng chứng quả có khác nhau, bởi do quán có cạn sâu, đối chiếu hẳn có cao thấp. Vì vậy, hạ thừa tu bậc hạ, chưa tu điều của bậc trung và thượng, Thượng thừa tu bậc thượng mà gồm tu cả trung hạ. Bậc trung tu trung hạ, chẳng tu được bậc thượng. Thượng trung hạ do người, chẳng phải tứ đế khiến người có đại, tiểu. Nhưng ba thừa dù khác mà cùng đồng một điểm trọng yếu là thoát khổ. Thanh văn tuy tiểu, hoặc ái kiến đã trừ nên đối với ba cõi không còn lo âu, thân phần đoạn diệt vậy. Ba minh (Ba minh : Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh.) chiếu sáng tỏ tường nên việc trong tám vạn kiếp hiện tiền, sáu thông (Sáu thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông, thần túc thông, lậu tận thông.) mặc ý vô vi nên có thể đi xuyên qua vách núi. Có lúc đi đứng trên không hoặc an nhiên ngồi nằm, đi trên nước nhẹ như lông hồng, bước trên đất như đi trên nước, công năng cửu định đầy đủ, mười tám thứ biến hóa tùy tâm. Nhưng trong ba tạng nói Phật là nhìn trên địa vị sáu căn thanh tịnh, nên có bằng có kém, chỗ bằng là cùng trừ tứ trụ, (Tứ trụ : Kiến nhất thiết trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa.) nếu hàng phục vô minh, ba tạng là kém, Phật còn là kém, Nhị thừa khá biết. Nhìn lên đoạn và phục tuy khác, ở dưới có sự cách biệt ngộ và mê. Như vậy, Nhị thừa có lỗi gì mà chẳng muốn tu ! Đức Như Lai vì đối với hàng đại căn muốn dẫn họ về bảo sơ,û khiến tu chủng trí đồng khế hợp với chữ y (...) viên mãn, đương thời hoặc có khen hay chê, đề cao hay hạ thấp. Hạng phàm phu chẳng biết, rồi lại sợ bị quở, nhưng họ đâu biết mình ái kiến hãy còn nên còn cách hàng Nhị thừa xa lắm. Tuy cũng nói đến tu đạo nhưng các hoặc sử chưa bỏ, chẳng những thân và miệng chưa đoan chánh cũng là do tâm siểm khúc. Kiến sanh từ nơi ý nên giải trái với chân thuyên, chẳng y theo Thánh giáo, chưa từng học hỏi bậc minh sư. Căn duyên chẳng phải chỉ huân tập từ đời trước, kiến giải chưa dự vào hàng sanh tri, mà có khả năng thế trí biện thông đàm luận suốt ngày, có lúc lấy lời trong kinh bẻ cong theo cái hiểu của mình, luông tuồng nói bậy để dối kẻ ngu, bài bác nhân quả tội phước. Thuận tình thỏa thích sanh yêu, nghịch ý bực bội ôm giận, hình trạng của ba thọ còn nguyên mà tự xưng địa vị đồng hàng Bồ-tát. Các lỗi đã trình bày ở chương đầu chưa dứt thì chúng hãy còn trói buộc người. Pháp Đại thừa chưa tu mà dám chê bậc Tiểu học, nói cho sướng mồm một lúc, cái họa chê bai đành rành, ba đường khổ luân chịu báo nhiều kiếp. Ôi ! Thật đáng thương thay ! Nói đến lòng thêm chua xót.

Nhưng mà người đạt tánh đối cảnh càng thêm soi chiếu, bậc quên tâm cùng với điều thiện chẳng có bận lòng, huống chi lỗi lầm sái quấy của ba nghiệp đâu để trong tâm một điểm trần.Vì vậy bậc đã soi thấy đạo huyền thì ba thọ (Ba thọ : khổ thọ, lạc thọ,

https://thuviensach.vn

xả thọ.) đã sạch ở nguồn tâm, hàng tẩy uế đã tảo trừ bảy chi (Bảy chi : Thân có ba là sát sanh, trộm cướp, dâm dục. Miệng có bốn là nói hai lưỡi, nói dối láo, nói hung ác, nói thêu dệt.) của thân miệng. Đối với loại vô tình thì không phạm hạt bụi chiếc lá, đối với loài hữu thức thì không phiền đến bọ đến sâu, khe sâu chưa đủ trong để sánh với các Ngài, tuyết bay chẳng đủ sạch để so với các bậc ấy. Mến đức như chim tung cánh muốn bay cao tột đến trăng sao, bỏ ác như cá sợ câu lặn sâu tận đáy sông đáy biển. Ánh sáng huyền diệu của mặt trời cũng hổ với sự chiếu xa của trí, thượng giới thẹn cùng ba cõi duyên tiêu. Cảnh trí hợp để rỗng không tròn đầy, định tuệ quân bình để ngang nhau một cách mầu nhiệm. Ruộng dâu dầu đổi nhưng tâm vẫn không dời, núi biển có dời nhưng chí vẫn không đổi, mà có thể ở chỗ huyên náo ngưng thần soi chiếu, nguồn tâm sáng sạch tuệ giải vô cùng. Quán pháp tánh để được chân như, xem lời Phật để y theo liễu nghĩa. Như vậy, trong nhất niệm pháp môn nào chẳng đủ. Bằng như người diệu tuệ chưa bày, tâm không chuẩn đích, giải chẳng hợp lý, hạnh thiếu siêu trần, trái pháp tánh mà thuận phàm tình, bỏ viên thuyên mà chấp quyền thuyết. Thế nên theo thứ lớp tùy cơ, đối căn mà lập giáo.

Chương này chỉ nói đến giềng mối, còn những chi tiết khác bỏ qua chưa bàn đến. Đường lối tông môn có cạn có sâu, nay chỉ nói sơ lược về chỉ thú của nó, cái học của ba thừa có ảnh hưởng là cho biết được phần vị của nó vậy.

❁

CHƯƠNG VIII: SỰ LÝ KHÔNG HAI

Phàm diệu ngộ thông đường thì núi sông chẳng lấp, mê danh trệ tướng thì mảy lông cũng thành cách ngăn. Nhưng bổn nguyên của vạn pháp từ nơi thật tướng mà ra, trần sa hoặc đến nguồn là chân tông. Cho nên vạn tượng không bờ, Bát-nhã không bến, vì pháp tánh ấy vốn chân, liễu đạt thành trí. Ví như người đi biết đường thì muôn dặm có thể hy vọng đến nơi. Như người chạm vật, thông ngòi (Chạm vật là dụ cho trệ hữu, thông ngòi dụ cho trệ vô.) thì suốt ngày bị giam trong giới hạn, vì họ chẳng biết vật có cái bờ vô hình, ngòi có cái mé rỗng không cùng tột. Vì vậy, học Trung đạo mới hy vọng được thật tướng, như người chấp hữu trệ vô thì rốt cuộc quy về biên kiến, vì họ chẳng biết cái tướng có, có chẳng phải có, cái thật không có, chẳng phải không. Nay đây sắc tượng lăng xăng, xét đến cùng thì nó chẳng phải tướng, âm thanh gầm thét xem cho kỹ thì không có tiếng. Mê thì nói là có hình có tiếng, ngộ thì biết là vắng lặng. Như vậy thì chân đế chẳng trái với sự lý, tức thể của sự lý vốn là chân; diệu trí chẳng khác với liễu tri, tức tánh của liễu tri vốn là trí. Nhưng mà diệu chỉ bặt lời nhờ văn ngôn thuyên chỉ; chân tông chẳng phải tướng, mượn danh tướng để nêu tông. Như voi chẳng phải là núi Tuyết mà mượn núi Tuyết để ví cho voi (Voi trắng như núi Tuyết.). Đây là lấy cái có thể so sánh với nó, há cho rằng núi Tuyết là voi được ư ?

Nay đây pháp chẳng phải thường mà chấp là hữu, nên nhờ phi hữu để phá thường. Tánh chẳng phải đoạn mà chấp là vô, nên dùng phi vô để phá đoạn. Cũng như sạch sẽ chẳng phải là nước tro mà nhờ nước tro nên rửa sạch, đây là lấy cái công năng hay rửa, há lấy nước tro mà làm sạch ư ? Do đó biết Trung đạo chẳng thiên, nhờ nhị biên mà biện chánh, đoạn thường chẳng phải, dựa vào vô và hữu để rõ chỗ sai. Hoặc hữu hoặc vô nói đã sai, chẳng phải hữu chẳng phải vô cũng đâu là phải. Tin biết người diệu đạt nguồn huyền chẳng phải hạng thường tình có thể lường được. Vì sao ? Phàm vọng chẳng phải do ngu sanh, chân chẳng phải do trí được, đạt vọng gọi là chân, mê chân gọi là vọng, há có vọng tùy theo ngu biến, chân theo trí trở về, chân vọng chẳng sai, ngu trí tự khác. Hễ muốn thấu tỏ huyền tông trước tiên cần phải xét kỹ về ngu trí. Nếu muốn xét kỹ về ngu trí phải khéo rõ biết về chân vọng. Nếu muốn rõ biết về chân vọng lại cần phải nghiên cứu đến danh thể, danh thể nếu phân thì chân vọng tự biện. Chân vọng đã biện thì ngu trí rõ ràng. Vì vậy, kẻ ngu không có khả năng liễu trí, người trí có thật chất đạt ngu. Nên biết chẳng phải trí thì không do đâu để rõ chân vọng, chẳng phải trí thì đâu thể phân biệt danh thể. Vì sao ? Hoặc có danh mà không thể, hoặc nhân thể mà lập danh, danh thể xen lẫn thật khó nghiên cứu đến cùng được. Thế nên, thể chẳng phải danh thì chẳng biện, danh chẳng phải thể thì chẳng lập. Nói thể cần phải nhờ đến danh, nói danh cần phải dựa vào thể.

Nay đây ngoài thể lập danh, đó chỉ là danh mà không thể, há có cái thể thích ứng với danh ư ? Ví như thỏ không có sừng mà đặt ra danh từ sừng thỏ, đây là có tên gọi mà thật không sừng, há có sừng để thích ứng với tên ư ? Không có thể mà lập danh thì danh không thật danh, danh không thật danh thì cái được gọi tên (sở danh) là không vậy. Cái được gọi tên (sở danh) đã không thì cái hay gọi (năng danh) cũng không. Vì sao ? Vì đặt danh để gọi cái thể của nó, không có thể thì lấy gì để thích ứng với danh. Nói thể là thể cốt để thích ứng với danh, không danh lấy gì để thích ứng với thể, thể không thích ứng thì không phải thể, danh không danh thì chẳng phải danh. Vậy thì đâu riêng gì thể mới nguyên hư mà danh cũng là bản tịch, nhưng mà không có thể thích ứng với danh do lai như thế. Danh thể thích ứng thì gọi là gì ?

Phàm thể thì chẳng tự có danh, mượn cái danh khác để gọi ngã thể, danh chẳng phải tự thành lập mà nhờ cái thể khác để đặt ngã danh. Nếu thể chưa có hình thì danh đâu được gọi. Nếu danh chưa lập thì thể đâu được rõ. Nhưng rõ được thể tuy nhờ danh, chẳng phải vì không có danh mà không có thể. Lập danh vốn cần phải do thể, không

https://thuviensach.vn

thể thì danh đó vốn không. Như vậy, thể chẳng phải do danh sanh mà danh sanh ở nơi thể vậy. Nay đây thể ở trước danh, danh theo sau thể để phân biệt. Như thế thì lập danh để gọi tên cái thể, cho nên biết thể là nguồn của danh thì nguyên do của danh là duyên khởi từ nơi thể, vậy đầu mối của thể y cứ vào đâu ?

Phàm thể thì chẳng có hình dạng của ngã, nhờ duyên hội hợp mà thành thể. Duyên chẳng phải từ ngã hội, nhân hội thể mà thành duyên. Nếu thể chưa có hình thì duyên hội chỗ nào ? Nếu duyên chưa hội thì thể thành hình ở nơi đâu ? Thể thành hình là duyên hội để thành hình, duyên hội là thể thành hình để mà hội. Thể thành hình mà hội thì rõ hình không riêng hội, hình không riêng hội thì hội vốn không vậy. Duyên hội mà thành hình thì biết hội không có riêng hình, hội không có riêng hình thì hình vốn không vậy. Do đó, vạn pháp từ duyên sanh không tự thể. Không tự thể nên gọi là tánh không. Tánh đã không tuy duyên hội mà chẳng phải có, duyên đã hội tuy tánh không mà chẳng phải không. Vì vậy, có của duyên hội, có mà chẳng phải có. Không của tánh không, không mà chẳng phải không. Vì sao ? Hội tức tánh không, nên nói chẳng phải có; không tức duyên hội nên gọi chẳng phải không. Nay nói chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ngoài cái có riêng có một cái không, cũng chẳng phải lìa cái không riêng có một cái có. Như vậy thì rõ pháp chẳng phải có không, nên lấy tên là chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng những chẳng phải có chẳng phải không, đã chẳng phải có không, lại chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không. Như vậy, đâu riêng gì đường ngôn ngữ dứt mà cũng là chỗ tâm hành diệt vậy.

☸

CHƯƠNG IX: THƯ KHUYÊN BẠN HỮU

Thư mời Đại sư về núi của Thiền sư Huyền Lãng ở núi Tá Khê, huyện Phổ Dương, Vụ Châu.

Từ buổi đến Linh Khê, tâm ý thảnh thơi, thường chống gậy rong chơi trên đỉnh non cao thấp, phủi sạch thất đá hang núi ngồi yên. Trông ra muôn dặm tùng xanh hồ biếc, trăng sáng tự sanh gió đùa mây trắng. Hoa đẹp cỏ thơm chim rừng tha ngậm, xa gần đều nghe vượn hú từng hồi, lấy cuốc gối đầu, cỏ êm làm nệm. Đường đời lao xao tranh giành nhân ngã, tâm địa chưa đạt nên mới như thế.

Như có thì giờ, mong được gặp nhau.

Thư đáp của Đại sư Huyền Giác

Từ lúc từ biệt đến nay đã mấy năm trường, trong lòng đau đáu nhớ nhung, bỗng nhận được thư của bạn thật thỏa lòng mong đợi. Sao lá thư chẳng thấy nói đến đạo thể như thế nào, nhưng pháp vị nuôi dưỡng tinh thần cho nên chắc được tịnh lạc.

Huyền Giác tôi từ lâu khâm phục đức âm, chẳng phải dùng lời có thể thuật được. Gìn lòng tiết tháo, một mình ở nơi vắng vẻ bặt dấu con người, ẩn mình trong hang núi, bạn thân không tới lui, chỉ có chim thú qua lại, suốt đêm miên miên, cả ngày lặng lặng, thấy nghe đều dứt, tâm thật vắng lặng. Một mình trên đỉnh núi, ở dưới cội cây, lánh sự đông đúc, hưởng thức ăn đạo, thật hợp với bạn.

Nhưng mà chánh đạo tịch liêu, tuy có tu mà khó hội, bọn tà huyên náo không tập mà dễ thân. Nếu chưa phải bậc giải khế huyền tông, hạnh hợp với chân thú thì chưa nên ở nơi vắng vẻ, ôm ấp sự vụng về suốt một đời mình. Phải nên rộng hỏi bậc tiên tri, thành khẩn khâm phục chấp tay quỳ gối, chỉnh ý đoan dung, ngày đêm quên nhọc, trước sau hết lòng ngưỡng mộ, khắc phục thân miệng, trừ sạch biếng lười cống cao, chẳng quản hình hài, chuyên tinh chí đạo, mới có thể gọi là lóng thần nơi vuông tấc (Vuông tấc chỉ cho tâm.)Phàm muốn đạt lý diệu huyền chẳng phải là dễ, kế đến quyết trạch như đi trên băng mỏng, cần phải nghiêng tai để mắt mà vâng theo huyền chỉ. Thu thúc tình trần để thưởng thức chỗ kín đáo sâu xa, quên lời mà vui với yếu chỉ, rửa sạch lụy phiền để ăn vị đạo mầu, đêm lo lắng, ngày hỏi han chẳng lạm tóc tơ, được như thế thì mới có thể dấu mình trong hang núi, lặng lòng lo toan không tiếp xúc với mọi người. Hoặc có người tâm chưa thông thấy vật thành bị ngăn ngại, muốn tránh nơi huyên náo, cầu chỗ yên lặng thì suốt cả đời cũng chưa được yên. Huống hồ rừng xanh bát ngát núi đá chập chùng, thú gầm chim hót, tùng trúc um tùm, đá nước chênh vênh, ngọn gió rung cây, bìm sắn vương vấn, mây mù hòa hợp, vạn vật héo tàn tươi tốt theo tiết trời, sớm chiều bị những thứ ấy làm hoa mắt, há chẳng phải là huyên náo rộn ràng ư ? Cho nên biết hễ kiến hoặc còn vương vít thì chạm vào đâu cũng thành vướng mắc. Do đó, trước cần phải biết đạo rồi sau mới ở núi. Nếu người chưa biết đạo mà ở núi trước thì chỉ thấy núi ắt quên đạo. Nếu người chưa ở núi mà trước đã biết đạo thì chỉ thấy đạo quên núi. Quên núi thì đạo tánh làm vui vẻ tinh thần, quên đạo thì bị núi non làm hoa mắt. Do đó, người thấy đạo quên núi ở chốn nhân gian vẫn lặng, người thấy núi quên đạo ở trong núi cũng ồn ào. Cần phải rõ ấm vô ngã, vô ngã thì ai ở nhân gian ? Nếu biết ấm nhập (Ấm : Năm ấm. Nhập : Mười hai nhập.) như hư không thì xóm làng sẽ hoang vắng có khác gì hang núi. Như người ba độc chưa bỏ, sáu trần còn nhiễu loạn, thân tâm tự mâu thuẫn thì có quan hệ gì đến sự huyên náo hay yên lặng của nhân gian hay hang núi đâu !

Vả lại, đạo tánh chan hòa cùng khắp như hư không, vạn vật vốn chẳng hệ lụy, lòng chân từ bình đẳng thì thanh sắc nào chẳng phải đạo ư ? Do vì kiến

https://thuviensach.vn

đảo hoặc sanh bèn thành luân chuyển vậy. Nếu như biết rõ cảnh chẳng phải có thì trước mắt không gì chẳng phải là đạo tràng. Biết rõ vốn không, do đó chẳng duyên mà chiếu, viên dung pháp giới giải và hoặc nào khác, lấy hàm linh để biện lòng bi, dứt tưởng niệm để mà rõ trí. Trí sanh thì pháp sẽ viên chiếu, lìa cảnh lấy gì quán bi ? Bi trí lý hợp gồm thâu, trái chúng sanh thì lấy gì làm năng độ ? Lòng bi rộng lớn độ hết chúng sanh, chiếu tột cùng cảnh để trí viên mãn. Trí viên mãn thì lặng yên hay huyên náo đồng xem như nhau, lòng bi rộng lớn thì oán thân đều cứu cả. Như vậy, đâu cần ở lâu trong hang núi mà theo chỗ tùy duyên. Huống chi pháp pháp rỗng rang dung hợp, tâm tâm tịch diệt vốn tự chẳng phải có, ai gượng gọi là không thì có sự huyên náo gì đáng gọi là huyên náo, có sự yên lặng nào đáng gọi là yên lặng. Nếu biết vật và ngã hợp nhất thì kia đây chẳng gì không phải là đạo tràng, đâu còn thuận theo sự huyên náo của nhân gian hay nhàn rỗi ở nơi hang núi. Do đó, bỏ động cầu tịnh là gông ghét cùm yêu, lìa oán cầu thân là cũi chán lồng ưa. Nếu có thể lặng lẽ nơi huyên náo thì chợ búa không đâu chẳng phải là chỗ ngồi yên. Cầu chỉ lỗi lầm, nhận lãnh lời dạy, oan trái do từ thiện hữu. Như vậy cướp đoạt hay hủy nhục đâu từng chẳng phải bổn sư ta, kêu la huyên náo không có gì chẳng phải tịch diệt. Cho nên biết diệu đạo không có hình mà vạn tượng chẳng trái với nó; chân như tịch diệt, các âm vang chẳng khác với tiếng. Mê thì kiến đảo hoặc sanh, ngộ thì không có trái thuận. Vắng lặng chẳng phải có, duyên hội thì sanh, núi Nga Nghi (Ngọn núi Cửu Nghi)chẳng phải không, do duyên tan mà có thể diệt, diệt đã chẳng phải diệt, lấy gì để diệt cái diệt; sanh đã chẳng phải sanh, lấy gì để sanh cái sanh. Sanh diệt đã không thì thật tướng thường trụ. Vì vậy, nước định mênh mông niệm trần nào chẳng bị tẩy sạch, đèn trí sáng ngời hoặc nào không bị trừ khử. Trái đó thì sáu nẻo tuần hoàn, hội đó thì ba đường ra khỏi. Như vậy sao chẳng đi thuyền tuệ rong chơi trên biển pháp, mà lại muốn đi xe gãy trục vào hang núi ư ! Cho nên biết vật loại lăng xăng, nhưng tánh chúng tự là một, nguồn linh lặng lặng chẳng chiếu mà biết. Thật tướng thiên chân, linh trí chẳng phải tạo, đối với người mê thì gọi là mất, đối với người ngộ thì gọi là được. Được mất tại người, đâu có quan hệ gì đến động tịnh, ví như người chưa biết đi thuyền mà muốn oán ghét dòng nước quanh co kia ư ! Nếu có thể khéo biết huyền tông, tâm rỗng rang thầm khế hợp, động tịnh nói nín luôn là quy củ, lặng lẽ có chỗ quy về, điềm nhiên không gián cách. Như vậy mới có thể tiêu dao nơi hang núi, phóng khoáng chốn thôn trang, thong thả hình nghi, vắng lặng tâm phủ, điềm đạm bên trong, thâm trầm bên ngoài. Với thân thì như bị câu thúc mà tâm thì tự tại thong dong, hiện hình dung chốn hoàn vũ, giấu u linh nơi pháp giới. Như vậy thì ứng cơ có cảm, thích nghi, không tiêu chuẩn nhất định.

Thư viết sơ lược, ngoài ra làm sao trình bày cho hết được, nếu chẳng phải bạn đồng chí, đâu dám xúc phạm, lúc rảnh ngồi yên xin tạm suy nghĩ. Nếu tôi nói dối hay sai thì xem xong rồi cứ đốt.

Đồng bạn HUYỀN GIÁC

Kính bái

☸

CHƯƠNG X: VĂN PHÁT NGUYỆN

Cúi lạy viên mãn biến tri giác,

Tịch tịnh bình đẳng bản chân nguyên,43

Tướng tốt trang nghiêm phi hữu vô,

Tuệ sáng soi khắp vi trần sát.

Cúi lạy trạm nhiên chân diệu giác,

Mười hai phần giáo rất sâu xa,

Phi văn, phi tự, phi ngôn thuyên,

Một âm tùy loại đều hiểu rõ.

Cúi lạy thanh tịnh chư Hiền Thánh,

Mười phương hòa hợp thật chân tăng,

Giữ gìn giới cấm không trái phạm,

Cầm tích ôm bình lợi hàm linh.

Noãn sanh, thai sanh và thấp hóa,

Hữu sắc, vô sắc, tưởng, phi tưởng,

Phi hữu phi vô tưởng, tạp loại,

Sáu nẻo luân hồi chẳng tạm dừng.

Nay con đảnh lễ quy Tam bảo,

Vì khắp chúng sanh phát đạo tâm,

Quần sanh trầm luân trong biển khổ,

Nguyện nhờ từ lực Phật Pháp Tăng.

Từ bi phương tiện trừ các khổ,

Chẳng bỏ nguyện rộng cứu hàm thức,

Hóa lực tự tại độ vô cùng,

Hằng sa chúng sanh thành Chánh giác.

https://thuviensach.vn

Nói kệ này xong, con lại đảnh lễ quy y trước mười phương ba đời tất cả chư Phật Pháp Tăng, cho con được nương nhờ sức Tam bảo chí tâm phát nguyện tu Vô thượng Bồ-đề, kể từ nay cho đến khi thành Chánh giác, khoảng giữa quyết định cần cầu không hề lui sụt. Khi chưa đắc đạo, thân không tật bệnh, thọ không yểu mạng, đến lúc lâm chung chẳng thấy tướng ác, không sự lo sợ, chẳng sanh điên đảo, thân không đau khổ, tâm chẳng tán loạn, chánh tuệ tỏ tường, chẳng qua trung ấm, chẳng vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thủy lục không hành, thiên ma ngoại đạo, u minh quỷ thần, các thứ tạp hình thảy đều chẳng thọ. Thường được thân người thông minh chánh trực, không sanh vào nước ác, chẳng gặp vua dữ, chẳng sanh biên địa, chẳng bị nghèo khổ, tôi trai tớ gái, thân hình người nữ, huỳnh môn hai căn, tóc vàng răng đen, ngu si tăm tối, xấu xí tật nguyền, đui mù câm điếc, hễ là các điều đáng chán thảy đều chẳng sanh. Sanh ở trung quốc, trong nhà chánh tín, thường được thân nam, sáu căn đầy đủ, đoan chánh thơm tho, không các dơ uế, ý chí hòa nhã, thân an tâm tịnh, không tham sân si, ba độc dứt hẳn, chẳng tạo điều ác, hằng nghĩ việc lành. Chẳng làm vương thần, không làm sứ giả, không nguyện giàu sang, sống an cảnh nghèo, ít muốn biết đủ, chẳng tham cất chứa, cơm áo nuôi thân, chẳng trộm của người, chẳng giết chúng sanh, chẳng ăn thịt cá, yêu kính hàm thức như mình không khác. Tánh hạnh dịu dàng, chẳng vạch lỗi người, chẳng ca ngợi mình, chẳng tranh cùng người, oán thân bình đẳng, chẳng khởi phân biệt, chẳng sanh yêu ghét, chẳng muốn của người, của mình chẳng tiếc, chẳng thích xâm phạm, lòng luôn ngay thẳng, tâm không hung bạo, thường ưa nhún nhường, miệng không nói ác, tâm không dua dối, ba nghiệp trong sạch, ở chỗ an ổn, không các chướng nạn. Trộm cắp giặc cướp, pháp vua tù ngục, gông cùm xiềng xích, đao thương tên giáo, thú dữ độc trùng, té núi té sông, lửa cháy gió cuốn, sấm sét hãi hùng, cây gãy núi lở, rui mục nhà sập, giặc giã đáng sợ, đến gần vây quanh, bắt bớ trói buộc, vu oan hủy báng, ngang ngược câu thúc, phàm các tai nạn thảy đều chẳng thọ. Ác quỷ tai bay, thiên hành độc lệ, tà ma vọng lượng ở biển ở sông, non cao núi lớn, các thần ở cây hễ có linh thiêng hoặc nghe tên tôi hoặc thấy hình tôi phát tâm Bồ-đề, che chở cho nhau, chẳng não hại nhau, ngày đêm an ổn, không sự kinh sợ. Bốn đại mạnh khỏe, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm sáu trần, tâm không loạn tưởng cũng không hôn trầm, chẳng sanh đoạn kiến, chẳng chấp có không, xa lìa các tướng, phụng thờ đức Phật. Chẳng theo kiến chấp, giải ngộ rõ ràng, đời đời tu tập chánh tuệ kiên cố, chẳng bị ma nhiếp. Đến lúc mạng chung an nhiên vui sướng, bỏ thân thọ thân, không có oán đối, tất cả chúng sanh đồng làm bạn tốt. Sanh ra chỗ nào gặp Phật nghe Pháp, ấu niên xuất gia, làm tăng hòa hợp, thân luôn mặc áo ca-sa, thường ăn thức đựng trong bát, đạo tâm kiên cố, chẳng sanh kiêu mạn. Kính trọng Tam bảo, thường tu phạm hạnh, gần gũi minh sư, theo thiện tri thức, tin sâu chánh pháp, siêng hành lục độ, đọc tụng Đại thừa, hành đạo lễ bái. Hoa thơm quả ngọt, âm thanh tán tụng, đèn đuốc đền đài, non biển suối rừng, trên không dưới đất của thế gian này từ hạt bụi nhỏ đều đem cúng dường, gom góp công đức hồi hướng Bồ-đề. Suy tư liễu nghĩa, chỉ ưa nhàn tịnh, thanh tịnh lặng yên, chẳng thích huyên náo, chẳng ưa ở đông, thường sống một mình, tất cả không cầu, chuyên tâm định tuệ, sáu thông đầy đủ, hóa độ chúng sanh tùy theo ý nguyện tự tại vô ngại, vạn hạnh thành tựu tinh diệu vô cùng, chánh trực viên minh, chí thành Phật đạo.

Nguyện đem thiện căn này chan rải khắp mười phương, trên tột Hữu đảnh, dưới đến phong luân, trên trời trong người, thân trong sáu đường của tất cả hàm thức, tôi có công đức nào nguyện thí cho tất cả chúng sanh, tận vi trần kiếp chẳng bỏ một chúng sanh nào, tôi có bao nhiêu thiện căn đều xông ướp cho tất cả. Khổ não trong địa ngục, nam-mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong ngạ quỷ, nam-mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong súc sanh, nam-mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Thiên nhân A-tu-la, hằng hà sa loài hàm thức, tám khổ thường thiêu đốt, nam-mô Phật Pháp Tăng, do thiện căn của tôi đều thoát khỏi ràng buộc.

Nam-mô Tam thế Phật,

Nam-mô Tu-đa-la,

Bồ-tát, Thanh văn Tăng,

Thánh chúng như vi trần.

Chẳng bỏ lòng từ bi,

Nhiếp thọ loài quần sanh,

Hàm thức khắp hư không,

Quy y Phật Pháp Tăng.

Lìa khổ thoát tam đồ,

Mau được siêu tam giới,

Đều phát tâm Bồ-đề,

Ngày đêm hành Bát-nhã.

Đời đời siêng tinh tấn,

Như cứu lửa cháy đầu,

Lúc đắc đạo Bồ-đề,

https://thuviensach.vn

Thệ nguyện độ tất cả.

Tôi hành đạo lễ bái,

Tôi tụng kinh niệm Phật,

Tôi tu giới định tuệ,

Nam-mô Phật Pháp Tăng.

Nguyện khắp các chúng sanh,

Thảy đều thành Phật đạo,

Tôi cùng các hàm thức,

Kiên cố cầu Bồ-đề.

Đảnh lễ Phật Pháp Tăng,

Nguyện sớm thành Chánh giác.

☸

https://thuviensach.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Trước đây chúng tôi đã cho ra tập Thiền Căn Bản, do các Thiền sư y trong kinh rút ra phương pháp tu thiền theo thứ lớp từ thấp lên cao. Đến tập này để tên là Thiền Đốn Ngộ, căn cứ vào các tác phẩm của các Thiền sư nằm trong hệ thống Thiền tông do Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền xuống. Tập sách này do góp năm tác phẩm nhỏ chung lại.

Tác phẩm đầu là Thiền Tông Vĩnh Gia Tập của Thiền sư Huyền Giác, đệ tử Lục Tổ Huệ Năng. Ngài thông suốt tam tạng giáo điển, lại rành rẽ về phương pháp tu Chỉ Quán của Tông Thiên Thai. Do đó, trong tác phẩm này Ngài giải thích cách tu Chỉ Quán và Thiền rất tinh vi, độc giả có thể nhân đó vào cửa đốn ngộ. Thích Định Huệ, một Thiền sinh tại Thiền Viện Chân Không phiên dịch, chúng tôi xem lại và cho đứng vào phần đầu của tập sách.

Tác phẩm thứ hai là Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn của Thiền sư Tuệ Hải, đệ tử Mã Tổ Đạo Nhất, cháu đời thứ ba của Lục Tổ Huệ Năng. Chúng tôi phiên dịch và đã xuất bản vào năm 1971, nhưng hiện đã hết, nay cho in vào đây cũng là một cách tái bản cho độc giả tiện việc nghiên cứu.

Tác phẩm thứ ba là Truyền Gia Bảo Thiền Tông Trực Chỉ của Thạch Thành Kim hiệu Thiên Cơ đời Minh, Ngài là môn đệ dòng Thiền Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch, chưa xuất bản.

Tác phẩm thứ tư là Tọa Thiền Dụng Tâm Ký của Thiền sư Thiệu Cẩn hiệu Oánh Sơn dòng Tào Động ở Nhật Bản. Chúng tôi phiên dịch và đã cho in chung trong quyển Tham Thiền Yếu Chỉ xuất bản vào năm 1962, hiện đã hết.

Tác phẩm thứ năm là Tham Thiền Yếu Chỉ của Hòa thượng Hư Vân, một Thiền sư Trung Hoa gần chúng ta nhất. Trong tác phẩm này, Ngài dạy nghiêng về thoại đầu theo lối tu sau này của dòng Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch và đã cho xuất bản năm 1962, hiện đã hết. Để góp lại làm một tài liệu chung cho phương pháp tu đốn ngộ, chúng tôi cho in chung trong tập này.

Năm tác phẩm trên mới chỉ là một phần rất nhỏ trong các tác phẩm của Thiền tông. Nếu phiên dịch hết các tác phẩm về Thiền Đốn Ngộ có thể đến cả trăm quyển thế này. Vì phương tiện có hạn, chúng tôi cố gắng làm được bao nhiêu thì mừng bấy nhiêu. Điều cần yếu là độc giả khéo nghiền ngẫm để lãnh hội. Một câu mà lãnh hội được thì tất cả đều thông.Nếu đọc cả trăm quyển mà không lãnh hội được vẫn là người đứng ngoài cửa. Một thông tất cả đều thông thì còn nói gì nhiều gì ít ? Thế nên quý ở chỗ lãnh hội, chớ không quý ở chỗ đọc nhiều. Tuy thế, người không lãnh hội được, mà đọc nhiều sách Thiền hoặc đọc nhiều lần, lâu ngày cơ duyên thuần thục tự nhiên lãnh hội.

Về phần lượng, quyển sách này chưa thấm vào đâu; song phần phẩm, nó thật đáng kể. Nếu là độc giả nghiền nát được văn tự, có thể con đường đốn ngộ không xa. Nếu là hành giả thì nương vào đây làm kim chỉ nam tiến bước, bảo sở không mong cũng sẽ đến.

THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Mùa An Cư 1974

THIỀN SƯ HUYỀN GIÁC

✍

LỜI DỊCH GIẢ

Quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn là một quyển luận nhỏ, nếu căn cứ phần lượng mà nói thì không thấm vào đâu đối với tam tạng giáo điển, nếu nhìn vào phẩm mà bàn là một viên ngọc quý vô giá của Thiền tông nói riêng, của Phật giáo Đại thừa nói chung. Vì thế, sau khi xem nó, Mã Tổ bảo chúng "Việt Châu có Đại Châu tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại". Đành rằng Mã Tổ nói Đại Châu là ngầm ý chỉ Thiền sư Tuệ Hải, song sự thâm ngộ của Thiền sư Tuệ Hải được bày hiện dưới mắt Mã Tổ qua quyển luận nhỏ này.

Tên Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn nghĩa là "Cửa trọng yếu chóng ngộ vào đạo". Người tu hành muốn được mau ngộ tất nhiên phải bước vào cửa này, chớ không còn cửa nào khác. Bởi vì cửa này là cửa tiến thẳng vào thẳng không quanh co, không mượn nhiều phương tiện. Tiến thẳng vào thẳng cái gì ? – Tiến thẳng đến vô sanh, vào thẳng Phật tánh. Những pháp tu khác hầu hết đều chỉ dạy từ từ, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Duy pháp Đốn Ngộ này : "Ngay nơi sanh diệt nhận vô sanh, ngay nơi phàm phu thấy được Phật tánh". Ta hãy nghe trong đây định nghĩa Thiền định : "Vọng niệm chẳng sanh là Thiền. Ngồi thấy bản tánh là Định". Thiền không có nghĩa là ngồi, mà trong bốn oai nghi tâm đều thanh tịnh sáng suốt không có một vọng niệm dấy khởi. Định không có nghĩa chú tâm vào một cảnh, mà thấy được bản tánh của mình. Bản tánh tức là Phật tánh hay chân tâm. Bản tánh không sanh không diệt, nên tâm không chạy theo cảnh sanh diệt. Định ấy mới thật chân định.

Pháp tu Đốn Ngộ này thật đơn giản, mà rất siêu việt. Vì lời dạy rất bình dị nằm gọn trong một vài câu là đủ tu giải thoát. Như một câu trong đây : "Việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm". Mới đọc qua chúng ta thấy nó rất tầm thường, song nhận xét kỹ sẽ thấy nó hiện đầy đủ "Như Lai Thanh Tịnh Thiền" hay "Kim Cang Tam-muội ", "Pháp Hoa Tam-muội" v.v… Thật vậy, "Việc đến chẳng nhận" tức là tám gió thổi chẳng động. Bởi vì việc lợi, việc

https://thuviensach.vn

suy, việc hủy nhục, việc đề cao, việc khen ngợi, việc chê bai, việc khổ, việc vui đến, tâm đều không chấp nhận. Do tâm không chấp nhận nên không động, mà luôn luôn an nhiên trước mọi cảnh. Thế không phải Đại định là cái gì ? "Tất cả chỗ không tâm", tức là trong mọi trường hợp, mọi thời gian không khi nào phóng tâm chạy theo ngoại cảnh. Tâm không theo cảnh là tâm như như hay là Đại Bát-nhã. Thế là đầy đủ Như Lai Thiền rồi.

Bởi lời dạy cao siêu chắc thật này, nên Thiền sư Tuệ Hải dám đoan quyết với chúng ta rằng : "Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong Đại địa ngục". Thiền sư đã khéo dùng lời vấn đáp để chỉ dạy cho chúng ta dễ trực nhận, mà lại còn dám cam đoan y đó tu hành sẽ được giải thoát, bằng không Ngài sẽ chịu tội địa ngục thế cho chúng ta. Thật còn gì đại bi bằng. Nếu chúng ta đủ duyên cầm trên tay quyển luận này mà không chịu y đó tu hành, thật là chúng ta đã cô phụ ơn Ngài !

Khi phiên dịch quyển luận này, chúng tôi mong quý độc giả cùng chúng tôi đồng nỗ lực tiến thẳng đường chim mà chư Phật chư Tổ nói chung, Thiền sư Tuệ Hải nói riêng, đã vạch và đã đi. Mong thay !

Kính ghi

Dịch giả : THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Cuối Xuân Tân Hợi (1971)

✍

TIỂU SỬ: THIỀN SƯ TUỆ HẢI (ĐẠI CHÂU)

Sư họ Châu quê ở Kiến Châu, theo Hòa thượng Đạo Trí chùa Đại Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sơ khởi, Sư đến tham vấn Mã Tổ (Thiền sư Đạo Nhất). Mã Tổ hỏi :

- Từ đâu đi đến ?

Sư thưa :

- Ở Việt Châu chùa Đại Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì ?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì ? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì ?

Sư lễ bái thưa :

- Cái gì là kho báu nhà mình của Tuệ Hải ?

- Chính nay ngươi hỏi ta là kho báu của ngươi, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu nói này, Sư tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ.

Sư ở lại đây hầu Mã Tổ sáu năm.

Sau vì bổn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngộ của mình, hiện bề ngoài như kẻ tầm thường. Sư thầm soạn quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn này, bị Huyền Ẩn là cháu trong Pháp môn lén lấy đem trình Mã Tổ.

Mã Tổ xem xong, bảo đại chúng :

- Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt, tự tại không ngại.

Khi ấy, ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến thưa hỏi và nương tựa. Từ đó, người ta gọi Sư là Hòa thượng Đại Châu.

Sư từng từ chối không chịu chỉ dạy, nhưng chúng cứ khư khư theo hầu, bất đắc dĩ Sư phải dùng biện tài vô ngại để giáo hóa.

☸

ĐỐN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Cúi đầu đảnh lễ chư Phật khắp mười phương, các chúng Bồ-tát lớn. Nay con soạn luận này, sợ e không hợp tâm Phật, xin cho con sám hối; nếu hợp tâm Phật, trọn đem bố thí tất cả hữu tình, nguyện đời sau đều được thành Phật.

Hỏi : Phải tu pháp gì chóng được giải thoát ?

Đáp : Chỉ có một môn đốn ngộ là chóng được giải thoát.

- Thế nào là đốn ngộ ?

- Đốn là chóng trừ vọng niệm. Ngộ là ngộ không chỗ được.

- Từ cái gì mà tu ?

- Từ căn bản mà tu.

- Thế nào từ căn bản mà tu ?

- Tâm là căn bản.

- Làm sao biết tâm là căn bản ?

https://thuviensach.vn

- Kinh Lăng-già nói : “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”. Kinh Duy-ma nói : “Muốn được tịnh độ, phải tịnh tâm ấy, tùy tâm ấy tịnh là Phật độ tịnh”. Kinh Di Giáo nói : “Chỉ kềm tâm một chỗ không việc gì chẳng xong”. Kinh nói : “Thánh nhân cầu tâm chẳng cầu Phật, ngu nhân cầu Phật chẳng cầu tâm, trí nhân điều tâm chẳng điều thân, ngu nhân điều thân chẳng điều tâm”. Kinh Phật Danh nói : “Tội từ tâm sanh lại từ tâm diệt”. Thế nên biết, tất cả thiện ác đều do tâm mình, do đó nói tâm là căn bản.

Nếu người cầu giải thoát trước phải biết căn bản. Nếu chẳng đạt được lý này, luống uổng nhọc công, từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, thật không thể được. Kinh Thiền Môn nói : “Từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, dù trải qua nhiều kiếp trọn không thể thành. Từ giác quán (xét soi) bên trong mà tu, bằng khoảng một niệm liền chứng Bồ-đề”.

- Tu căn bản phải lấy pháp gì để tu ?

- Chỉ tọa thiền, thiền định liền được. Kinh Thiền Môn nói : “Cầu trí Thánh của Phật, cốt phải thiền định. Nếu không thiền định, thì niệm tưởng xao động, phá hoại căn lành kia”.

- Thế nào là thiền ? Sao là định ?

- Vọng niệm chẳng sanh là thiền. Ngồi thấy bản tánh là định. Bản tánh là tâm vô sanh của ông vậy. Định là đối cảnh tâm không sanh, tám gió thổi chẳng động. Tám gió là: lợi (tài lợi), suy (suy hao), hủy (hủy nhục), dự (đề cao), xưng (khen ngợi), cơ (chê bai), khổ (đau khổ), lạc (vui vẻ). Nếu người được định như thế, tuy là phàm phu mà liền vào vị Phật. Vì sao ? Vì kinh Bồ-tát Giới nói : “Chúng sanh thọ Phật giới, liền vào ngôi vị chư Phật”. Người được như thế gọi là giải thoát, cũng gọi đến bờ kia, hơn lục độ, vượt khỏi tam giới, là Bồ-tát đại lực, là bậc Tôn vô lượng lực, là đại trượng phu.

*

- Tâm trụ chỗ nào là trụ ?

- Tâm trụ chỗ không trụ là trụ.

- Thế nào là chỗ không trụ ?

- Chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là trụ chỗ không trụ.

- Thế nào là chẳng trụ tất cả chỗ ?

- Chẳng trụ tất cả chỗ là : Chẳng trụ nơi lành dữ, có không, trong ngoài, chặng giữa, chẳng trụ không, cũng chẳng trụ chẳng không, chẳng trụ định, cũng chẳng trụ chẳng định, tức là chẳng trụ tất cả chỗ. Chỉ cái chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là chỗ trụ. Người được như thế, gọi là tâm không trụ. Tâm không trụ là tâm Phật.

- Tâm ấy giống vật gì ?

- Tâm ấy chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải dài ngắn tới lui, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng sanh chẳng diệt, yên tịnh thường lặng lẽ. Đó là hình tướng của bản tâm, cũng là bản thân. Bản thân là thân Phật.

*

- Thân tâm này lấy cái gì để thấy ? Lấy mắt thấy, lấy tai, mũi và thân tâm v.v… để thấy chăng ?

- Cái thấy này không phải như các thứ thấy đó.

- Đã không như các thứ thấy đó, là lấy cái gì thấy ?

- Là tự tánh thấy. Vì sao ? Vì tự tánh (tánh của mình) xưa nay trong sạch yên tịnh không lặng, chính trong cái thể không lặng ấy hay sanh cái thấy này.

- Chỉ như thể thanh tịnh còn không thể có, thì cái thấy này từ đâu mà có ?

- Ví như trong gương sáng tuy không có hình tượng, mà có thể thấy tất cả hình tượng. Vì sao ? Vì gương sáng không tâm. Người học đạo nếu tâm không có chỗ nhiễm, vọng tâm chẳng sanh, tâm ngã sở (tâm chấp mình và sự vật của mình) diệt, tự nhiên được thanh tịnh, vì thanh tịnh nên hay sanh cái thấy này.

Kinh Pháp Cú nói : “Trong cứu cánh không, rõ ràng dựng lập, ấy là thiện tri thức”.

*

- Kinh Niết-bàn trong phẩm Kim Cang Thân nói : “Không thể thấy mà thấy rõ ràng, không có biết mà không chẳng biết” là thế nào ?

- Không thể thấy, vì cái thể của tự tánh không hình tướng, không thể có, nên nói : “Không thể thấy”. Song cái thấy không thể được đó, thể nó yên tịnh lặng lẽ, không có tới lui, chẳng lìa dòng đời, mà dòng đời không lôi cuốn được nó, thản nhiên tự tại, tức là thấy rõ ràng.

Không có biết, vì tự tánh không hình, vốn không phân biệt, nên nói “không có biết”. Không chẳng biết, vì trong cái thể không phân biệt ấy đầy đủ hằng sa diệu dụng. Hay phân biệt tất cả, thì không việc gì chẳng biết, nên nói “không chẳng biết”. Kệ Bát-nhã nói : “Bát-nhã không biết, không việc gì chẳng biết; Bát-nhã không thấy, không chỗ nào chẳng thấy”.

- Kinh nói : “Chẳng thấy có không là chân giải thoát”. Thế nào là chẳng thấy có không ?

https://thuviensach.vn

- Khi chứng được tâm thanh tịnh gọi là có, trong đó chẳng sanh cái tưởng được tâm thanh tịnh, gọi là chẳng thấy có. Được cái tưởng không sanh không trụ, mà không khởi tưởng được không sanh không trụ, gọi là chẳng thấy không, nên nói chẳng thấy có không. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Biết thấy lập biết là gốc vô minh, biết thấy không thấy, đây là Niết-bàn". Cũng gọi là giải thoát.

*

- Thế nào là không có chỗ thấy ?

- Nếu thấy kẻ nam người nữ và tất cả màu sắc hình tượng, mà ở trong đó không khởi tâm yêu ghét thì cùng không thấy chẳng khác, ấy là không có chỗ thấy.

- Khi đối tất cả màu sắc hình tượng thì gọi là thấy, khi chẳng đối màu sắc hình tượng cũng gọi là thấy chăng ?

- Gọi thấy !

- Khi đối vật là có thấy, khi không đối vật làm sao có thấy ?

- Nay nói thấy, không luận đối vật cùng chẳng đối vật. Vì sao ? Vì tánh thấy thường hằng, khi có vật thì thấy vật, khi không vật thì thấy không. Thế nên biết, vật tự có đi lại, tánh thấy không có đi lại, các căn (tai, mũi, lưỡi, thân…) cũng như vậy.

- Ngay khi thấy vật, trong cái thấy có vật chăng ?

- Trong cái thấy chẳng lập vật.

- Ngay khi thấy không vật, trong cái thấy có không vật chăng ?

- Trong cái thấy chẳng lập không vật.

*

- Khi có tiếng là có nghe, khi không tiếng lại được nghe chăng ?

- Cũng nghe.

- Khi có tiếng là từ tiếng có nghe, khi không tiếng làm sao được nghe ?

- Nay nói nghe chẳng luận có tiếng không tiếng. Vì sao ? Vì tánh nghe thường hằng. Khi có tiếng liền nghe, khi không tiếng cũng nghe.

- Người nghe như thế là ai ?

- Là tánh nghe của mình, cũng gọi là người biết nghe.

*

- Môn đốn ngộ này lấy gì làm Tông (chủ) ? Lấy gì làm Chỉ (chỉ thú) ? Lấy gì làm Thể ? Lấy gì làm Dụng ?

- Lấy vô niệm (tâm không dấy khởi) làm Tông. Vọng tâm chẳng khởi làm Chỉ. Lấy thanh tịnh làm Thể. Lấy trí làm Dụng.

- Đã nói vô niệm làm Tông, chưa biết vô niệm là vô niệm nào ?

- Vô niệm là không tà niệm, chớ chẳng phải không chánh niệm.

- Thế nào là tà niệm ? Thế nào là chánh niệm ?

- Niệm có, niệm không là niệm tà, chẳng niệm có không là niệm chánh; niệm thiện, niệm ác là niệm tà, chẳng niệm thiện ác là niệm chánh; cho đến niệm khổ vui, sanh diệt, thủ xả, oán thân, yêu ghét thảy đều là niệm tà, chẳng niệm khổ vui… là niệm chánh.

- Thế nào là chánh niệm ?

- Chánh niệm là chỉ niệm Bồ-đề .

- Bồ-đề có thể được chăng ?

- Bồ-đề không thể được.

- Đã không thể được làm sao chỉ niệm Bồ-đề ?

- Bồ-đề chỉ là danh tự giả lập, thật không thể được. Cũng không có trước sau được. Vì không thể được nên không có niệm. Chỉ cái không niệm ấy gọi là chân niệm. Bồ-đề không có chỗ niệm. Không có chỗ niệm tức là tất cả chỗ không tâm, ấy là không có chỗ niệm.

Những lối giải vô niệm như trên, đều là tùy sự phương tiện giả lập danh tự, vẫn đồng một thể, không hai không khác. Cốt biết tất cả chỗ không tâm tức là "vô niệm". Khi được vô niệm thì tự nhiên giải thoát.

*

- Thế nào là hành hạnh Phật ?

- Chẳng hành tất cả hạnh là hành hạnh Phật, cũng gọi là hạnh chánh, cũng gọi là hạnh Thánh. Như trước đã nói, chẳng hành có không, yêu ghét v.v… ấy vậy. Đại luật quyển năm phẩm Bồ-tát nói : "Tất cả Thánh nhân chẳng hành hạnh chúng sanh, chẳng hành hạnh chúng sanh là hạnh Thánh".

*

https://thuviensach.vn

- Thế nào là chánh kiến ?

- Thấy mà không có chỗ thấy là chánh kiến.

- Thế nào thấy mà không có chỗ thấy ?

- Khi thấy tất cả sắc không khởi nhiễm trước. Không nhiễm trước thì không khởi tâm yêu ghét, ấy là thấy mà không có chỗ thấy. Nếu khi được thấy mà không có chỗ thấy gọi là con mắt Phật, trọn không có con mắt khác. Nếu khi thấy tất cả sắc khởi yêu ghét, ấy là có chỗ thấy. Có chỗ thấy là con mắt chúng sanh, trọn không có con mắt khác làm con mắt chúng sanh, cho đến các căn cũng lại như thế.

*

- Nói lấy Trí làm Dụng, thế nào là Trí ?

- Biết hai tánh không tức là giải thoát. Biết hai tánh chẳng không, thì không được giải thoát. Ấy gọi là Trí, cũng gọi là rõ tà chánh, cũng gọi hiểu Thể Dụng. Hai tánh không là Thể, biết hai tánh không là giải thoát. Lại không sanh nghi gọi là Dụng. Nói hai tánh không là chẳng sanh tâm có không, lành dữ, yêu ghét vậy.

*

- Môn này từ đâu mà vào ?

- Từ bố thí ba-la-mật mà vào.

- Phật nói sáu pháp ba-la-mật (đến bờ kia hay được cứu cánh) là hạnh của Bồ-tát, tại sao ở đây chỉ nói riêng bố thí ba-la-mật thì đâu thể đầy đủ mà được vào ?

- Người mê không biết năm độ kia (trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ) đều nhân bố thí mà sanh. Chỉ tu bố thí thì sáu pháp đều đầy đủ.

- Bố thí vật gì ?

- Bố thí là bỏ hai tánh.

- Thế nào là hai tánh ?

- Bố thí là bỏ tánh thiện ác, bố thí là bỏ tánh có không, tánh yêu ghét, tánh không chẳng không, tánh định chẳng định, tánh tịnh bất tịnh, tất cả đều cho bỏ hết thì được hai tánh không. Nếu khi được hai tánh không, cũng chẳng được khởi tưởng hai tánh không, cũng chẳng được khởi nghĩ tưởng có bố thí, tức là chân thật hành bố thí ba-la-mật, cũng gọi là muôn duyên đều bặt. Muôn duyên đều bặt, tức là tất cả pháp tánh không ấy vậy. Pháp tánh không là tất cả chỗ không tâm. Nếu khi được tất cả chỗ không tâm là không có một tướng có thể được. Vì sao ? Vì tự tánh không, nên không một tướng có thể được. Không một tướng có thể được là tướng thật. Tướng thật là tướng Như Lai diệu sắc thân. Kinh Kim Cang nói : “Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật”.

- Phật nói sáu ba-la-mật, tại sao nay chỉ nói một, cho là đầy đủ, xin nói nguyên nhân một gồm đủ sáu pháp ?

- Kinh Tư Ích nói : “Ngài Võng Minh gọi Phạm thiên nói : Nếu Bồ-tát bỏ tất cả phiền não gọi là Bố thí ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ dính mắc gọi là Trì giới ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ xâm phạm gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Nơi các pháp lìa tướng gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ trụ gọi là Thiền định ba-la-mật. Nơi các pháp không hý luận (nói trò đùa vô nghĩa) là Trí tuệ ba-la-mật”. Đó gọi là sáu pháp. Nay nói sáu pháp này chẳng khác, vì tóm lược pháp thứ nhất là bỏ, thứ hai là không khởi, thứ ba là không niệm, thứ tư là lìa tướng, thứ năm là không trụ, thứ sáu là không hý luận. Sáu pháp như thế, tùy việc phương tiện tạm đặt tên, chớ đến chỗ diệu lý thì không hai không khác. Chỉ biết một bỏ thì tất cả đều bỏ, không khởi thì tất cả đều không khởi. Trên đường mê lầm không khế hội ắt cho có sai khác. Người ngu mắc kẹt trong pháp số, nên trôi lăn mãi trong sanh tử. Bảo cho các người học đạo, chỉ tu pháp Bố thí là tròn đầy muôn pháp, huống là năm pháp mà chẳng đủ sao ?

*

- Tam học đẳng dụng, cái gì là tam học ? Thế nào là đẳng dụng ?

- Tam học là giới định tuệ.

- Nghĩa giới định tuệ thế nào ?

- Thanh tịnh không nhiễm là Giới. Biết tâm chẳng động, đối cảnh vắng lặng là Định. Khi biết tâm chẳng động mà chẳng sanh tưởng chẳng động, khi biết tâm thanh tịnh mà chẳng sanh tưởng thanh tịnh, cho đến thiện ác đều hay phân biệt, mà ở trong ấy không nhiễm, được tự tại, ấy gọi là Tuệ.

Nếu khi biết thể của giới định tuệ đều không thể được, thì không phân biệt, là đồng một thể, ấy gọi là tam học đẳng dụng.

*

- Nếu khi tâm trụ tịnh, chẳng phải chấp tịnh sao ?

- Khi được trụ tịnh, mà chẳng khởi tưởng trụ tịnh, ấy là không chấp tịnh.

- Tâm khi trụ không, chẳng phải chấp không chăng ?

https://thuviensach.vn

- Nếu khởi tưởng không, gọi là chấp không.

- Nếu khi tâm được trụ chỗ không trụ, chẳng phải chấp chỗ không chỗ trụ sao ?

- Chỉ cái khởi tưởng không là không có chỗ chấp. Nếu ông muốn thấu rõ, hiểu được tâm không có chỗ trụ, thì khi ngồi ngay thẳng chỉ biết tâm, chớ suy nghĩ tất cả vật, tất cả thiện ác đều chớ suy nghĩ, vì việc quá khứ đã đi rồi, chớ suy nghĩ, thì tâm quá khứ tự bặt, gọi là không việc quá khứ. Việc vị lai chưa đến, chớ mong chớ cầu, thì tâm vị lai tự bặt, gọi là không việc vị lai. Việc hiện tại đã hiện tại, đối tất cả việc chỉ biết không chấp, không chấp là chẳng khởi tâm yêu ghét, thì tâm hiện tại bặt, gọi là không việc hiện tại. Không nhiếp thuộc ba thời, cũng gọi không ba thời. Nếu khi tâm khởi đi thì chớ theo đi, tâm đi tự bặt. Nếu khi tâm khởi đứng cũng chớ theo đứng, tâm đứng tự bặt. Ấy là tâm không trụ, là trụ chỗ không trụ vậy. Nếu tự biết rõ ràng khi trụ nơi trụ, chỉ có vậtù trụ cũng không có chỗ trụ, cũng chẳng không chỗ trụ.

Nếu tự biết rõ ràng tâm chẳng trụ tất cả chỗ, gọi là rõ ràng thấy được bản tâm, cũng gọi là rõ ràng thấy tánh vậy. Chỉ cái tâm chẳng trụ tất cả chỗ ấy, tức là tâm Phật, cũng gọi là tâm giải thoát, tâm Bồ-đề, tâm vô sanh, sắc tánh không. Kinh nói : “chứng vô sanh pháp nhẫn” đó vậy.

Nếu ông khi chưa được như thế, phải cố gắng ! Cố gắng ! Cần dụng công thêm, khi công thành thì tự hội. Nói hội, là tất cả chỗ không tâm, ấy là hội. Nói không tâm là không cái tâm giả chớ chẳng phải không tâm chân. Tâm giả là tâm yêu ghét. Tâm chân thật là tâm không yêu ghét. Chỉ không tâm yêu ghét thì hai tánh không. Hai tánh không thì tự nhiên giải thoát.

*

- Chỉ lúc ngồi thiền dụng công, khi đi có được dụng công chăng ?

- Nay nói dụng công, chẳng riêng khi ngồi, cho đến đi đứng ngồi nằm, làm công việc, trong tất cả thời đều thường dụng công không gián đoạn ấy gọi là thường trụ.

*

- Kinh Phương Quảng nói năm thứ pháp thân :

Thật tướng pháp thân

Công đức pháp thân

Pháp tánh pháp thân

Ứng hóa pháp thân

Hư không pháp thân.

Ngay nơi thân mình là thân nào ?

- Biết tâm chẳng hoại là Thật tướng pháp thân. Biết tâm bao gồm vạn tượng là Công đức pháp thân. Biết tâm không tâm là Pháp tánh pháp thân. Tùy căn cơ ứng nói là Ứng hóa pháp thân. Biết tâm không hình không thể được là Hư không pháp thân. Nếu người thấu rõ nghĩa này là biết không chứng. Người không đắc không chứng là chứng Phật pháp thân. Nếu có chứng có đắc, cho là chứng được ấy là người tà kiến tăng thượng mạn, gọi là ngoại đạo. Vì cớ sao ? Kinh Duy-ma nói : “Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ : Ngươi đã được pháp gì, chứng được pháp gì, mà biện được như thế ? Thiên nữ đáp : Tôi không được không chứng, mới được như thế; nếu có được có chứng thì ở trong Phật pháp là người tăng thượng mạn”.

*

- Kinh nói Đẳng giác, Diệu giác, thế nào là Đẳng giác ? Thế nào là Diệu giác ?

- Tức sắc tức không (“Tức sắc tức không”: là thấy sắc mà không tâm; hoặc thấy tánh sắc tức là không.) gọi là Đẳng giác. Vì hai tánh không, gọi là Diệu giác. Lại nữa không giác, không không giác, gọi là Diệu giác.

- Đẳng giác cùng Diệu giác là khác hay chẳng khác?

- Vì tùy sự phương tiện giả lập hai tên, chớ bản thể là một không hai không khác, cho đến tất cả pháp đều như vậy cả.

*

- Kinh Kim Cang nói : “Không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”, nghĩa đó thế nào ?

- Thể của Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp có thể thuyết”. Ngay trong thể không tịch của Bát-nhã, đầy đủ diệu dụng như hằng sa, tức là không việc gì chẳng biết, “ấy gọi là thuyết pháp”. Cho nên nói “không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”.

- Kinh nói : “Có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, là người ấy tội nghiệp đời trước lẽ phải sa vào đường ác, do đời nay bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước liền được tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, nghĩa đó thế nào ?

- Như có người chưa gặp đại thiện tri thức chỉ tạo nghiệp ác, bản tâm thanh tịnh bị ba độc vô minh che lấp không thể lộ bày, cho nên nói lẽ phải sa vào đường ác. Do đời nay bị người khinh chê, tức là hôm nay phát tâm cầu Phật đạo, khiến vô minh diệt

https://thuviensach.vn

hết, ba độc chẳng sanh, thì bản tâm sáng suốt, lại không loạn niệm, các ác hằng dứt sạch nên đời này bị người khinh chê. Vô minh diệt hết, loạn niệm chẳng sanh, thì tự nhiên giải thoát, nên nói sẽ được Bồ-đề. Chính khi phát tâm gọi là đời này, chẳng phải cách đời.

- Kinh lại nói : "Như Lai có ngũ nhãn" thế là sao ?

- Thấy sắc thanh tịnh gọi là Nhục nhãn. Thấy thể thanh tịnh gọi là Thiên nhãn. Đối các cảnh sắc cho đến thiện ác đều hay phân biệt vi tế, không có nhiễm trước, ở trong ấy được tự tại, gọi là Tuệ nhãn. Thấy không có chỗ thấy gọi là Pháp nhãn. Không thấy không không thấy gọi là Phật nhãn.

- Lại, kinh nói Đại thừa Tối thượng thừa, nghĩa ấy thế nào ?

- Đại thừa là Bồ-tát thừa, Tối thượng thừa là Phật thừa.

- Tu thế nào để được thừa này ?

- Người tu Bồ-tát thừa tức là Đại thừa. Chứng Bồ-tát thừa rồi, lại không khởi quán, đến chỗ không tu, yên tịnh thường lặng lẽ, chẳng thêm chẳng bớt, gọi là Tối thượng thừa, tức là Phật thừa.

*

- Kinh Niết-bàn nói : "Định nhiều tuệ ít chẳng lìa vô minh, định ít tuệ nhiều thêm lớn tà kiến, định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát". Nghĩa đó thế nào ?

- Đối tất cả thiện ác đều phân biệt là tuệ; đối với cái bị phân biệt chẳng khởi yêu ghét, chẳng nhiễm trước nó là định, đây là định tuệ đồng dùng vậy.

- Không bàn không nói gọi là định, chính khi bàn nói được gọi là định chăng ?

- Nay nói định, chẳng luận nói cùng chẳng nói, vẫn thường định. Vì sao ? Vì khi dùng tánh định nói năng phân biệt thì nói năng phân biệt cũng là định. Nếu khi dùng tâm Không để quán sắc, thì lúc quán sắc cũng không. Nếu khi chẳng quán sắc, chẳng nói chẳng phân biệt cũng không. Cho đến thấy nghe hiểu biết cũng như thế. Vì cớ sao ? Vì tự tánh không thì đối tất cả chỗ đều không. Không thì không chấp, không chấp là đồng dùng. Bởi Bồ-tát thường dùng pháp đẳng không (cả thảy đều không) như thế nên được đến cứu cánh. Cho nên nói "định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát".

Tôi lại vì ông nói thí dụ để hiển bày, khiến ông tỉnh tỉnh, được hiểu dứt nghi. Ví như gương sáng khi chiếu soi hình tượng, ánh sáng của gương có động chăng ? – Chẳng động. Lúc chẳng chiếu cũng động chăng ? – Chẳng động. Tại sao ? - Vì gương sáng dùng ánh sáng vô tình chiếu, nên khi chiếu chẳng động, khi chẳng chiếu cũng chẳng động. Vì sao ? Bởi trong vô tình không có động, cũng không có chẳng động.

Lại như ánh sáng mặt trời khi chiếu thế gian, ánh sáng có động chăng ? – Chẳng động. Nếu khi chẳng chiếu có động chăng ? – Chẳng động. Vì sao ? - Vì ánh sáng kia vô tình, dùng ánh sáng vô tình chiếu soi, cho nên chẳng động, chẳng chiếu cũng chẳng động. Chiếu đó là tuệ, chẳng động là định.

Nếu Bồ-tát dùng pháp định tuệ đồng ấy thì được Vô thượng giác. Cho nên nói "định tuệ đẳng dụng tức là giải thoát". Nói vô tình là không phàm tình, chẳng phải không Thánh tình.

- Thế nào là phàm tình ? Thế nào là Thánh tình ?

- Nếu khởi hai tánh (có không, yêu ghét) tức là phàm tình. Hai tánh không tức là Thánh tình.

*

- Kinh nói : "Bặt đường nói năng, dứt chỗ tâm nghĩ (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt). Nghĩa đó thế nào ?

- Dùng lời nói để hiển bày nghĩa, được nghĩa phải bặt lời. Nghĩa tức là không, không tức là đạo, đạo thì bặt lời, nên nói "bặt đường nói năng". Dứt chỗ tâm nghĩ là được nghĩa thực tế (thực tại) thì chẳng khởi quán, vì chẳng khởi quán nên vô sanh, vì vô sanh nên tất cả tánh sắc đều không, vì tánh sắc không nên muôn duyên đều dứt, muôn duyên đều dứt, ấy là "dứt chỗ tâm nghĩ".

*

- Như như là thế nào ?

- Như như là nghĩa chẳng động. Tâm chân như nên gọi là như như. Thế nên biết chư Phật quá khứ hành hạnh này được thành đạo; Phật hiện tại hành hạnh này cũng được thành đạo; Phật vị lai hành hạnh này cũng được thành đạo. Ba đời chư Phật chỗ tu và chứng đạo không khác, nên nói như như. Kinh Duy-ma nói : "Chư Phật cũng như, Di Lặc cũng như, cho đến tất cả chúng sanh thảy đều như". Vì sao? - Vì Phật tánh chẳng dứt, bởi có tánh vậy.

*

- Tức sắc tức không, tức phàm tức thánh, phải đốn ngộ chăng ?

- Phải.

- Thế nào là tức sắc tức không, tức phàm tức thánh ?

https://thuviensach.vn

- Tâm có nhiễm tức sắc, tâm không nhiễm tức không, tâm có nhiễm tức phàm, tâm không nhiễm tức Thánh. Lại, chân không mà diệu hữu là tức sắc, sắc không có thật là tức không. Nay nói không là tánh sắc tự không, chẳng phải sắc diệt mới không. Nói sắc là tánh không tự có sắc, không phải sắc hay làm sắc.

*

- Kinh nói : Pháp môn tận (hết) vô tận (không hết) là thế nào ?

- Vì hai tánh Không nên thấy nghe không sanh là tận (hết). Tận là các lậu (nguyên nhân sanh tử) hết. Vô tận là ở trong thể vô sanh đầy đủ hằng sa diệu dụng, tùy việc ứng hiện thảy đều đầy đủ, mà trong bản thể cũng không tổn giảm gọi là vô tận. Ấy là pháp môn tận vô tận vậy.

- Tận cùng vô tận, là một hay khác ?

- Thể là một, nói thì có khác.

- Thể là một tại sao nói có khác ?

- Một là thể của nói, nói là dụng của thể. Vì tùy sự ứng dụng, nên nói thể đồng mà nói thì khác. Ví như trên trời có một mặt nhật, dưới đất để các thứ chậu chứa nước đầy, trong mỗi chậu đều thấy có mặt nhật. Các mặt nhật trong chậu thảy đều tròn đầy cùng mặt nhật trên trời không sai biệt, nên nói thể đồng. Vì tùy chậu đặt tên nên có sai biệt, do đó có khác. Cho nên bảo thể đồng, nói thì có khác. Các mặt nhật hiện trong chậu đều tròn đầy, so với mặt nhật chánh trên trời không có thua kém, nên nói "vô tận".

- Kinh nói : "Chẳng sanh chẳng diệt", pháp gì chẳng sanh ? Pháp gì chẳng diệt ?

- Pháp ác chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

- Thế nào là ác ? Thế nào là thiện ?

- Tâm nhiễm lậu (ô nhiễm và trầm luân) là ác. Tâm không nhiễm lậu là thiện. Chỉ không nhiễm không lậu thì pháp ác chẳng sanh. Khi được không nhiễm không lậu thì thanh tịnh tròn sáng, lóng yên thường lặng, cứu cánh không dời đổi, ấy gọi là pháp thiện chẳng diệt. Đây tức là chẳng sanh chẳng diệt vậy.

*

- Trong Bồ-tát Giới nói : "Chúng sanh thọ Phật giới liền vào vị chư Phật, vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật", nghĩa này thế nào ?

- Phật Giới là tâm thanh tịnh đó vậy. Nếu có người phát tâm tu hành hạnh thanh tịnh, được tâm không có chỗ thọ, gọi là thọ Phật giới. Chư Phật đời quá khứ đều tu hạnh không thọ thanh tịnh, được thành Phật đạo. Thời nay có người phát tâm tu hạnh không thọ thanh tịnh thì cùng chư Phật đồng công đức đẳng dụng không khác, cho nên nói "vào vị chư Phật". Như thế, được giác ngộ cùng Phật giác ngộ đồng. Cho nên nói "vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật". Từ tâm thanh tịnh sanh trí, trí thanh tịnh gọi là con chư Phật, cũng gọi là thật con Phật.

*

- Nói Phật với Pháp, là Phật có trước hay Pháp có trước ? Nếu Pháp có trước thì Pháp ấy do Phật nào nói? Nếu Phật có trước thì nương giáo pháp nào được thành đạo?

- Phật cũng có trước Pháp, cũng có sau Pháp.

- Nhân đâu nói Phật, Pháp có trước sau ?

- Nếu căn cứ Pháp tịch diệt mà nói thì Pháp trước Phật sau. Nếu căn cứ Pháp văn tự mà nói thì Phật trước Pháp sau. Vì cớ sao ? - Vì tất cả chư Phật đều nhân nơi Pháp tịch diệt mà được thành Phật, tức là Pháp trước Phật sau.

Kinh nói : "Làm thầy chư Phật, ấy là Pháp vậy". Sau khi thành đạo rồi, Phật mới nói rộng mười hai bộ kinh dẫn dắt giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nương nơi pháp Phật giáo hóa tu hành được thành Phật, ấy là Phật trước Pháp sau.

*

- Thế nào là thuyết thông tông chẳng thông ?

- Nói và làm trái nhau, tức là thuyết thông tông chẳng thông.

- Thế nào là tông thông thuyết cũng thông ?

- Nói và làm không sai biệt, tức là thuyết thông tông cũng thông.

- Kinh nói : "Pháp đến chẳng đến, chẳng đến đến" là thế nào ?

- Nói đến mà làm chẳng đến, gọi là đến chẳng đến. Làm đến mà nói chẳng đến, gọi là chẳng đến đến. Làm nói đều đến, gọi là đến đến.

*

- Phật pháp chẳng hết hữu vi, chẳng trụ vô vi. Thế nào là chẳng hết hữu vi ? Thế nào là chẳng trụ vô vi ?

- Chẳng hết hữu vi là từ mới phát tâm cho đến ở dưới cội Bồ-đề thành Đẳng chánh giác, sau đến

https://thuviensach.vn

Song lâm vào Niết-bàn, trong khoảng giữa đó tất cả pháp đều không bỏ. Ấy là chẳng hết hữu vi.

Chẳng trụ vô vi là tuy tu vô niệm mà chẳng dùng vô niệm làm chỗ chứng. Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chỗ chứng. Tuy tu Bồ-đề Niết-bàn vô tướng vô tác, mà chẳng dùng vô tướng vô tác làm chỗ chứng. Ấy là chẳng trụ vô vi.

*

- Có địa ngục hay không có địa ngục ?

- Cũng có cũng không.

- Tại sao cũng có cũng không ?

- Vì tùy tâm tạo tất cả nghiệp ác thì có địa ngục. Nếu tâm không nhiễm, vì tự tánh Không thì không địa ngục.

*

- Chúng sanh chịu tội có Phật tánh chăng ?

- Cũng đồng Phật tánh.

- Đã có Phật tánh thì chính khi vào địa ngục Phật tánh đồng vào chăng ?

- Chẳng đồng vào.

- Vậy chính khi chúng sanh vào địa ngục Phật tánh ở chỗ nào ?

- Cũng đồng vào.

- Đã đồng vào thì khi chúng sanh chịu tội Phật tánh cũng đồng chịu tội chăng ?

- Phật tánh tuy theo chúng sanh đồng vào, mà chúng sanh chịu tội khổ, Phật tánh xưa nay vẫn không chịu.

- Đã đồng vào nhân đâu chẳng chịu ?

- Chúng sanh là có tướng, có tướng thì có thành hoại, Phật tánh là không tướng, không tướng thì tánh Không. Thế nên, tánh chân không không có hoại. Ví như có người chất củi trong hư không, củi lâu ngày bị mục, hư không chẳng mục. Hư không dụ Phật tánh, củi dụ chúng sanh. Vì thế, nói đồng vào mà không đồng chịu.

*

- Chuyển tám thức thành bốn trí, rút bốn trí thành ba thân, vậy mấy thức chung thành một trí, mấy thức riêng thành một trí ?

- Mắt tai mũi lưỡi thân, năm thức này chung thành Thành sở tác trí. Ý thức thứ sáu riêng thành Diệu quan sát trí. Tâm thức thứ bảy riêng thành Bình đẳng tánh trí. Thức hàm tàng thứ tám riêng thành Đại viên cảnh trí.

- Bốn trí này là khác hay đồng ?

- Thể đồng mà tên khác.

- Thể đã đồng tại sao tên khác ?

- Vì tùy sự đặt tên (Câu đáp này trong bản văn thiếu, dịch giả thêm cho đủ nghĩa.)

- Đã tùy sự đặt tên thì khi một thể, cái gì là Đại viên cảnh trí ?

- Yên tịnh không lặng tròn sáng chẳng động là Đại viên cảnh trí. Đối các trần không khởi yêu ghét tức là hai tánh Không, hai tánh Không là Bình đẳng tánh trí. Hay vào cảnh giới các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) khéo phân biệt mà chẳng khởi loạn tưởng, được tự tại là Diệu quan sát trí. Hay khiến các căn tùy sự ứng dụng, thảy vào Chánh định, không có hai tướng là Thành sở tác trí.

- Rút bốn trí làm ba thân, bao nhiêu trí chung làm một thân, bao nhiêu trí riêng làm một thân ?

- Đại viên cảnh trí riêng thành Pháp thân. Bình đẳng tánh trí riêng làm Báo thân. Diệu quan sát trí cùng Thành sở tác trí chung làm Hóa thân. Ba thân này cũng giả lập tên để phân biệt, cốt cho người chưa hiểu xem. Nếu người liễu đạt lý này cũng không có ba thân ứng dụng. Vì sao ? Vì thể tánh không tướng, từ gốc không trụ mà lập, cũng không có gốc không trụ.

*

- Thế nào là thấy chân thân Phật ?

- Chẳng thấy có không, là thấy chân thân Phật.

- Thế nào là chẳng thấy có không, là thấy chân thân Phật ?

- Có nương nơi không mà lập, không nương nơi có mà hiển bày, vốn chẳng lập có thì không đâu còn. Đã chẳng còn không thì có từ đâu mà có. Có với không làm nhân cho nhau mà có. Đã làm nhân cho nhau mà có thì thảy đều sanh diệt. Chỉ lìa hai cái thấy này, tức là thấy chân thân Phật.

- Có Không còn không thể được, huống là dựng lập chân thân, thì căn cứ vào đâu mà lập ?

- Vì có hỏi nên lập. Nếu khi không hỏi thì tên chân thân cũng không thể lập. Vì sao ? Ví như gương sáng nếu khi đối vật tượng tức hiện hình tượng,

https://thuviensach.vn

nếu khi chẳng đối vật tượng trọn chẳng thấy hình tượng.

*

- Thế nào là thường chẳng rời Phật ?

- Tâm không khởi diệt, đối cảnh vắng lặng, trong tất cả thời cứu cánh không tịch, tức là thường chẳng rời Phật.

*

- Thế nào là pháp vô vi ?

- Là hữu vi vậy.

- Nay hỏi pháp vô vi nhân sao đáp hữu vi?

- Hữu nhân vô mà lập, vô nhân hữu mà hiển. Vốn chẳng lập hữu thì vô từ đâu mà sanh. Nếu luận về chân vô vi là chẳng chấp hữu vi cũng chẳng chấp vô vi, ấy là pháp chân vô vi. Vì cớ sao ? Kinh nói : "Nếu chấp tướng pháp là chấp ngã nhân, nếu chấp tướng phi pháp là chấp ngã nhân. Thế nên, chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp" tức là được chân pháp vậy. Nếu thấu rõ được lý này là chân giải thoát, là hội được pháp môn bất nhị.

- Thế nào là nghĩa trung đạo ?

- Nghĩa hai bên vậy.

- Nay hỏi nghĩa trung đạo, tại sao đáp nghĩa hai bên ?

- Hai bên nhân giữa mà lập, giữa nhân hai bên mà sanh. Trước nếu không có hai bên thì giữa từ đâu mà có ? Nay nói giữa là nhân hai bên mà có. Cho nên biết, giữa cùng hai bên nhân nhau mà lập, thảy đều vô thường, sắc thọ tưởng hành thức cũng lại như thế.

*

- Thế nào gọi là năm ấm ?

- Đối sắc nhiễm sắc, theo sắc thọ sanh, gọi sắc ấm. Vì lãnh nạp vào trong tám gió (lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc), ưa tập những thứ tin tà, từ trong sự lãnh thọ mà sanh, gọi là thọ ấm. Mê tâm chấp tưởng, theo tưởng thọ sanh, gọi là tưởng ấm. Kết nhóm các hành, theo hành thọ sanh, gọi là hành ấm. Nơi thể bình đẳng vọng khởi phân biệt dính mắc, theo thức thọ sanh, gọi là thức ấm. Thế nên gọi là năm ấm

*

- Kinh nói : Hai mươi lăm cõi, thế nào là hai mươi lăm cõi ?

- Là thọ thân đời sau vậy. Thân đời sau là thọ sanh trong sáu đường. Vì chúng sanh hiện đời tâm mê ưa kết các nghiệp, sau ắt theo nghiệp thọ sanh, cho nên nói đời sau.

- Ở đời nếu có người chí tâm tu hành được cứu cánh giải thoát, chứng vô sanh pháp nhẫn, hằng lìa tam giới chẳng thọ thân sau. Người không thọ thân sau là chứng pháp thân. Pháp thân tức là thân Phật.

- Tên hai mươi lăm cõi làm sao phân biệt ?

- Bản thể là một, vì tùy dụng đặt tên nên có rõ ràng hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi là mười điều ác, mười điều lành và năm ấm.

- Thế nào là mười điều ác, mười điều lành ?

- Mười điều ác là : Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói hung ác và tham, sân, tà kiến. Mười điều lành là ngược lại chẳng làm mười điều ác trên.

*

- Trước nói vô niệm mà tôi chưa thông tột ?

- Vô niệm là ở tất cả chỗ mà không tâm, không tất cả cảnh, không có những nghĩ cầu, đối các cảnh sắc hằng không khởi động. Được vô niệm gọi là chân niệm. Nếu dùng niệm khởi nghĩ làm niệm là tà niệm, chẳng phải chánh niệm. Vì sao ? Vì Kinh nói : "Nếu dạy người lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên) gọi là phi niệm". Có lục niệm gọi là tà niệm. Không lục niệm gọi là chân niệm. Kinh nói : "Này thiện nam ! Chúng ta trụ trong pháp vô niệm được sắc vàng ba mươi hai tướng như thế, phóng hào quang lớn soi khắp các thế giới, công đức không thể nghĩ bàn, Phật còn nói chẳng hết, huống là các thừa mà có thể biết".

Người được vô niệm, sáu căn không nhiễm, tự nhiên được vào tri kiến chư Phật. Được như thế, gọi là Phật tạng (kho tàng Phật) cũng gọi là Pháp tạng (kho tàng Pháp) hay bao gồm tất cả Phật, tất cả Pháp. Vì cớ sao ? Vì vô niệm vậy. Kinh nói : "Tất cả chư Phật đều từ Kinh này xuất sanh".

- Đã bảo vô niệm thì câu "Vào tri kiến Phật" từ đâu mà lập ?

- Từ vô niệm lập. Vì sao ? Kinh nói : "Từ gốc vô trụ lập tất cả Pháp". Lại nói : "Ví như gương sáng, trong gương tuy không hình tượng mà hay hiện muôn vàn hình tượng. Vì sao ? Vì gương sáng nên hay hiện muôn vàn hình tượng". Người học đạo do tâm không nhiễm nên vọng niệm chẳng sanh, tâm ngã nhân diệt, cứu cánh thanh tịnh, vì thanh tịnh hay sanh tri kiến vô lượng.

https://thuviensach.vn

*

- Thế nào là đốn ngộ? (Câu này trong văn không có, e bản chữ Hán sót, dịch giả thêm vào.)

- Đốn ngộ là ngay trong đời này được giải thoát. Làm sao mà biết ? Ví như sư tử con, khi mới lọt lòng mẹ quả nhiên là sư tử. Người tu đốn ngộ cũng như thế, ngay khi tu liền vào vị Phật. Như tre mùa xuân sanh măng, cũng ngay trong mùa xuân măng bằng tre, đồng không có khác. Vì cớ sao ? Vì trong ruột trống. Người tu đốn ngộ cũng như thế. Vì chóng trừ vọng niệm hằng dứt ngã nhân, cứu cánh không tịch, cùng Phật bằng nhau, đồng không có khác. Cho nên nói : "Ngay nơi phàm là thánh". Người tu đốn ngộ chẳng rời thân này liền vượt tam giới. Kinh nói : "Chẳng hoại thế gian mà vượt khỏi thế gian, chẳng xả phiền não mà vào Niết-bàn".

- Người không tu đốn ngộ thì thế nào ?

- Người không tu đốn ngộ, ví như dã can nhập bầy sư tử, trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng được thành sư tử.

*

- Tánh chân như là thật không hay thật chẳng không? Nếu nói chẳng không tức là có tướng. Nếu nói không tức là đoạn diệt. Tất cả chúng sanh phải nương vào đâu tu hành để được giải thoát ?

- Tánh chân như cũng không cũng chẳng không. Vì sao? Vì diệu thể chân như không hình không tướng không thể được, nên nói cũng không. Song trong thể Không vô tướng đầy đủ diệu dụng hằng sa, không việc gì chẳng ứng hiện, nên nói cũng chẳng không. Kinh nói : "Hiểu một tức ngàn theo, mê một tức muôn lầm". Nếu người giữ một thì muôn việc đều xong, ấy là diệu thuật ngộ đạo. Kinh nói : "Sum la và vạn tượng đều do một pháp ấn hiện. Thế nào trong một pháp mà sanh các thứ kiến ? Vì công nghiệp như thế do hành làm gốc".

*

Nếu người chẳng chịu hàng phục tâm, y cứ văn nghĩa mà cho là chứng ngộ thì không thể có. Người chấp như thế, là dối mình dối người, mình người đều đọa. Phải cố gắng ! Cố gắng ! Xét nét kỹ càng. Chỉ việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, người được như thế, liền vào Niết-bàn, chứng vô sanh pháp nhẫn, cũng gọi là pháp môn bất nhị, cũng gọi vô tránh, cũng gọi nhất hạnh Tam-muội. Vì cớ sao ? Vì cứu cánh thanh tịnh, không ngã không nhân, chẳng khởi thương ghét, là hai tánh không, là không có chỗ thấy, tức là hoàn tất cái chân như vô đắc.

*

Quyển luận này chẳng truyền cho người không tin, chỉ truyền cho người đồng kiến đồng hạnh. Phải xem xét người đối trước có tâm thành tín, kham lãnh thọ không lui sụt, người như thế mới nên vì họ mà nói, chỉ dạy khiến cho họ được ngộ. Tôi làm quyển luận này là vì người hữu duyên, chẳng phải cầu danh lợi.

Chư Phật nói ra ngàn kinh muôn luận, chỉ vì chúng sanh mê muội, tâm hạnh chẳng đồng, tùy chỗ tà chấp của họ mà nói pháp đối trị, nên có sai biệt. Nếu luận về lý giải thoát cứu cánh chỉ là việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, hằng lặng lẽ như không, cứu cánh thanh tịnh tự nhiên giải thoát.

Ông chớ cầu hư danh miệng nói chân như, mà tâm tợ khỉ vượn, tức lời nói việc làm trái nhau, gọi là dối mình, sẽ sa vào đường ác. Chớ cầu cái khoái lạc hư danh nhất thời, mà chẳng biết nhiều kiếp phải chịu họa ương. Cố gắng! Cố gắng ! Chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Nếu Phật hay độ chúng sanh, thì chư Phật thời quá khứ số nhiều như cát bụi, lẽ ra tất cả chúng sanh đều được độ hết. Vì sao chúng ta đến ngày nay vẫn còn trôi lăn trong sanh tử, không được thành Phật ? Thế nên biết, chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Cố gắng ! Cố gắng ! Tự mình lo tu hành, chớ ỷ lại vào sức Phật khác. Kinh nói : "Phàm người cầu pháp chẳng chấp trước Phật mà cầu".

*

- Ở đời sau, có những nhóm tạp học, làm sao cùng ở chung ?

- Chỉ hòa ánh sáng kia, chẳng đồng nghiệp kia, đồng chỗ mà chẳng đồng ở. Kinh nói : "Tùy lưu (trôi theo) mà tánh thường vậy". Người học đạo cần yếu phải nghĩ "mình vì đại sự nhân duyên là việc giải thoát, thảy đều chẳng dám khinh người chưa học, kính người mình học như Phật, chẳng đề cao đức của mình, chẳng đố kỵ điều hay của người, tự xét nét hạnh của mình, chẳng dòm dõ lỗi của người", thì ở tất cả chỗ đều không bị chướng ngại, tự nhiên được khoái lạc.

Lặp lại kệ rằng :

Nhẫn nhục đạo thứ nhất,

Trước phải trừ ngã nhân,

Việc đến không thọ nhận,

Là thân chân Bồ-đề .

Kinh Kim Cang nói : "Người thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi là Bồ-tát chân thật". Lại nói : "Chẳng thủ lại chẳng xả, hằng đoạn được sanh tử, tất cả chỗ không tâm, gọi là con chư Phật". Kinh Niết-bàn

https://thuviensach.vn

nói : “Như Lai chứng Niết-bàn hằng đoạn dứt sanh tử”.

Kệ rằng :

Nay ta ý thật rất tốt,

Khi người chê mắng chẳng buồn,

Không lời chẳng nói phải quấy,

Niết-bàn sanh tử đồng đường.

Hiểu thấu bản tông nhà mình,

Vẫn là không có xanh đen,

Tất cả vọng tưởng phân biệt,

Vả biết người đời chẳng rõ.

Gởi lời phàm phu đời sau,

Dẹp hết trong tâm rơm cỏ,

Nay ta ý rất thênh thang,

Chẳng nói, không việc, tâm an.

Thong dong, tự tại, giải thoát,

Đông tây dời đổi dễ dàng,

Trọn ngày không nói lặng yên,

Niệm niệm hướng lý nghĩ xét.

Tự nhiên tiêu dao thấy đạo,

Sanh tử quyết chẳng liên quan,

Nay ta ý thật lạ kỳ,

Chẳng đến trên đời luống dối.

Vinh hoa thảy là giả tạm,

Áo rách cơm hẩm đủ no,

Đi đường gặp người biếng nói,

Người đời đều gọi ta ngu.

Ngoài hiện ngu ngơ ám độn,

Trong tâm sáng tợ lưu ly,

Thầm hợp La-hầu mật hạnh,

Chẳng phải phàm phu kham biết.

Tôi e các ông chẳng hội thấu lý chân giải thoát nên lại chỉ bày các ông.

*

- Kinh Duy-ma nói : “Muốn được tịnh độ phải tịnh tâm ấy”. Thế nào là tịnh tâm ?

- Dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh.

- Thế nào là dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh ?

- Không tịnh cũng không không tịnh, tức là tịnh cứu cánh.

- Thế nào là không tịnh cũng không không tịnh ?

- Tất cả chỗ không tâm là tịnh, khi được tịnh mà chẳng khởi tưởng tịnh, gọi là không tịnh. Khi được không tịnh cũng không được khởi tưởng không tịnh, gọi là không không tịnh.

*

- Người tu hành lấy cái gì làm chứng ?

- Lấy cái chứng cứu cánh làm chứng.

- Thế nào là cái chứng cứu cánh ?

- Không chứng cũng không không chứng, gọi là chứng cứu cánh.

- Thế nào là không chứng và không không chứng ?

- Ở ngoài không nhiễm sắc, thanh v.v… bên trong tâm không khởi vọng niệm, được như thế gọi là chứng. Khi được chứng mà không khởi tưởng chứng, gọi là không chứng. Khi được không chứng cũng không khởi tưởng không chứng, gọi là không không chứng.

*

- Thế nào là tâm giải thoát ?

- Không tâm giải thoát, cũng không không tâm giải thoát, gọi là chân giải thoát. Kinh nói : “Pháp còn phải xả hà huống phi pháp”. Pháp là có, phi pháp là không, chỉ chẳng chấp có không là chân giải thoát.

*

- Thế nào đắc đạo ?

- Dùng cái đắc cứu cánh làm đắc.

- Thế nào là cái đắc cứu cánh ?

https://thuviensach.vn

-Không đắc cũng không không đắc, gọi là đắc cứu cánh.

*

- Thế nào là Không cứu cánh ?

- Chẳng Không cũng chẳng chẳng Không gọi là Không cứu cánh.

*

- Thế nào là chân như định ?

- Không định cũng không không định gọi là chân như định. Kinh nói : “Không có pháp định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không pháp định Như Lai có thể nói”. Kinh nói : “Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chứng, cũng chẳng được khởi tưởng Không. Tuy tu Định mà chẳng lấy Định làm chứng, cũng chẳng được khởi tưởng Định. Tuy được Tịnh mà chẳng lấy Tịnh làm chứng, cũng chẳng được khởi tưởng tịnh”.

Nếu khi được định, được tịnh, được tất cả chỗ không tâm, liền khởi tưởng được như thế, đều là vọng tưởng, liền bị ràng buộc không thể nói là giải thoát. Nếu khi được như thế, rõ ràng tự biết, được tự tại, mà chẳng được cho thế là chứng, cũng chẳng được khởi tưởng như thế là được giải thoát. Kinh nói : “Nếu khởi tâm tinh tấn là vọng không phải tinh tấn. Nếu người hay trong tâm chẳng vọng là tinh tấn không có bờ mé”.

*

- Thế nào là trung đạo ?

- Không khoảng giữa cũng không hai bên là trung đạo.

- Thế nào là hai bên ?

- Có tâm kia, có tâm này là hai bên.

- Thế nào là tâm kia tâm này ?

- Bên ngoài dính với sắc thanh gọi là tâm kia. Bên trong khởi vọng niệm là tâm này. Nếu bên ngoài không nhiễm sắc, gọi là không tâm kia. Bên trong không khởi vọng niệm, gọi là không tâm này. Thế nên không phải hai bên. Tâm đã không hai bên thì giữa cũng đâu có được. Được như thế gọi là trung đạo. Thật là Như Lai đạo. Như Lai đạo là tất cả người giác được giải thoát. Kinh nói : “Hư không chẳng giữa chẳng hai bên, thân chư Phật cũng vậy”. Nhưng tất cả sắc không, là tất cả chỗ không tâm vậy. Tất cả chỗ không tâm tức tất cả sắc tánh không. Hai nghĩa chẳng khác, cũng gọi sắc không, cũng gọi pháp sắc không.

Nếu ông lìa “Tất cả chỗ không tâm”, mà được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, thiền định kiến tánh, thì không thể nào có. “Tất cả chỗ không tâm” tức là được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, cho đến lục độ đều là chỗ kiến tánh. Vì cớ sao ? Kinh Kim Cang nói: “Không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

*

- Nếu có tu tất cả hạnh đầy đủ thành tựu được thọ ký chăng ?

- Chẳng được.

- Nếu không tu tất cả pháp thành tựu, được thọ ký chăng ?

- Chẳng được.

- Nếu thế ấy, phải do pháp gì được thọ ký?

- Chẳng do có hành, cũng chẳng do không hành, là được thọ ký. Vì cớ sao? Kinh Duy-ma nói : “Các hạnh tánh tướng đều vô thường”. Kinh Niết-bàn nói : “Phật bảo Ca Diếp, các hạnh là thường, không có lẽ phải”. Ông chỉ tất cả chỗ không tâm, là không có hạnh, cũng không không các hạnh, gọi là thọ ký. Nói tất cả chỗ không tâm, là không tâm yêu ghét vậy. Nói không yêu ghét, là thấy việc tốt chẳng khởi tâm yêu; thấy việc xấu cũng chẳng sanh tâm ghét .

Không yêu gọi là không tâm nhiễm, chính là sắc tánh không. Sắc tánh không tức là muôn duyên đều bặt. Muôn duyên đều bặt thì tự nhiên được giải thoát.

Ông phải xét kỹ đó, nếu khi chưa được tỉnh sáng thấu rõ, thì phải hỏi sớm chớ có bỏ qua. Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong đại địa ngục. Nếu tôi lừa dối các ông, sau này tôi sanh nơi nào sẽ bị sư tử, cọp, sói ăn thịt. Các ông nếu chẳng y theo lời dạy đây siêng năng tu hành thì không bảo đảm. Một phen mất thân này muôn kiếp khó được lại. Phải cố gắng! Cố gắng! Cần phải tự biết .

☸

GHI LỜI SƯ ĐÁP CÁC NGƯỜI ĐẾN HỎI

VÀ DẠY CHÚNG

Sư bảo học chúng :

- Tôi chẳng hội thiền, trọn không có một pháp có thể dạy người, không phiền các ngươi đứng lâu, hãy tự đi đi!

https://thuviensach.vn

Tuy vậy mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bất đắc dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

*

Có vài vị Pháp sư đến hỏi :

- Định hỏi một câu, thầy có vui lòng đáp chăng ?

Sư bảo :

- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.(Thiền gia cho ngôn ngữ không thể nói đến chân lý, chỉ nương ngôn ngữ để thấy chân lý ngoài ngôn ngữ. Vì thế lời giải đáp như bóng mặt trăng hiện dưới đầm. Người muốn thấy mặt trăng thật, phải nương bóng mặt trăng ấy, mà nhìn ngược lên trời thì mới thấy. Cố chấp bóng mặt trăng dưới đầm, thì suốt kiếp không khi nào thấy bóng mặt trăng thật.)

- Thế nào là Phật ?

- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì? (Tâm thanh tịnh là Phật. Nếu đối cảnh mà tâm không sanh, chẳng phải Phật là gì ? Vì thế, Sư bảo "Hồ nước trong đối diện", tức là tâm đối cảnh chẳng động như hồ nước trong, khi ấy chẳng phải Phật là cái gì ? Thiền tông chỉ tâm là Phật, chẳng đi cầu Phật bên ngoài. Nếu đem tâm đi cầu Phật, ấy là vác Phật đi cầu Phật, không bao giờ thấy Phật.)

Các vị ấy đều ngơ ngác, không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi :

- Thầy nói pháp gì độ người ?

- Bần đạo chưa từng có một pháp gì độ người.

- Thiền sư nhà tối như thế ?

- Đại đức nói pháp gì độ người ?

- Giảng Kinh Kim Cang Bát-nhã.

- Giảng được bao nhiêu lần ?

- Hơn hai mươi lần.

- Kinh này ai nói ?

Pháp sư tằng hắng lên giọng gắt :

- Thiền sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?

- "Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật,

người ấy không hiểu nghĩa ta nói" (kinh Kim Cang). Nếu nói kinh này không phải Phật nói tức là phỉ báng kinh. Thỉnh Đại đức nói xem ?

Pháp sư im lặng không đáp được.

Chốc lát, Sư lại hỏi :

- Kinh nói : "Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai". Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai ?

- Đến chỗ này tôi mê hẳn.

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ nói cái gì là mê ?

- Thỉnh Thiền sư vì tôi nói.

- Đại đức giảng kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai ?

Pháp sư lễ bái cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo :

- Như Lai là nghĩa Như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải là nghĩa Như của các pháp.

- Đại đức nói, phải cũng chưa phải.

- Văn kinh rõ ràng đâu thể chưa phải ?

- Đại đức Như chăng ?

- Như.

- Cây đá Như chăng ?

- Như.

- Đại đức Như, đồng cây đá Như chăng ?

- Không hai.

- Đại đức cùng cây đá đâu khác ?

Pháp sư không đáp được. Lại khen : "Đây là thượng nhân khó đối đáp được". Giây lâu lại hỏi :

- Thế nào được đại Niết-bàn ?

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

- Thế nào là nghiệp sanh tử ?

- Cầu đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ nhơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

- Thế nào là được giải thoát ?

https://thuviensach.vn

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng, hành thẳng là Vô đẳng đẳng (Phật không ai so bằng gọi là vô đẳng, chư Phật đồng nhau gọi là đẳng. Vô đẳng đẳng là chỉ cho Phật).

Pháp sư khen :

- Thiền sư như Hòa thượng thật là ít có.

Khen xong, Pháp sư lễ tạ lui ra.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi :

- Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật ?

Sư bảo :

- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem ?

Cư sĩ lặng thinh.

Sư nói tiếp :

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ thì hằng trái xa.

*

Có Luật sư hiệu Pháp Minh đến nói :

- Các Thiền sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo :

- Trái lại, các Tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi :

- Tại sao rơi vào không ?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không (duyên hợp không thể), dù là trên tiếng dựng lập danh, cú, văn, thân đâu chẳng phải là không. Tọa chủ bám chặt vào giáo thể, đâu chẳng rơi vào không.

- Thiền sư rơi vào không chăng ?

- Chẳng rơi vào không.

- Sao lại chẳng rơi vào không ?

- Văn tự v.v… đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không.

- Cho biết một pháp không đạt, chẳng gọi là “Tất-đạt”.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt hỏi :

- Lầm chỗ nào ?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn làm sao giảng thuyết ?

- Thỉnh Thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh.

- Đâu chẳng biết “Tất-đạt” là tiếng Phạn sao? (Tất-đạt là tiếng Phạn, nói đủ là Tất-bà-hạt-thích-tha-tất-đà. Trung Hoa dịch là Nhất thiết nghĩa. Xưa dịch âm Tất-đạt là sai, không đủ âm.)

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi :

- Phàm Kinh, Luật, Luận là lời Phật, đọc tụng, y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh ?

- Như chó điên đuổi bóng, sư tử cắn người. Kinh Luật Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.

- Phật A Di Đà có cha mẹ và họ chăng ?

- Phật A Di Đà họ Kiều Thi Ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.

- Xuất phát từ kinh điển nào ?

- Xuất phát từ tập Đà-la-ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

*

Có vị Pháp sư thông Tam tạng đến hỏi :

- Chân như có biến đổi chăng ?

Sư đáp :

- Có biến đổi.

- Thiền sư lầm.

- Đại đức có chân như chăng ?

- Có.

- Nếu không biến đổi quyết định là phàm tăng. Đâu chẳng nghe “Thiện tri thức hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí”. Chân như nếu không

https://thuviensach.vn

biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo, chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi ?

- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thật đúng ?

- Nếu người thấy tánh rõ ràng như hạt minh châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen :

- Nên biết Nam tông (thiền đốn ngộ miền Nam) không thể lường.

*

Đồ đệ đạo Lão đến hỏi :

- Thế gian có pháp nào vượt hơn tự nhiên chăng ?

Sư đáp :

- Có.

- Pháp gì hơn được ?

- Hay biết tự nhiên vậy.

- Nguyên khí là Đạo chăng ?

- Nguyên khí tự nguyên khí, đạo tự đạo.

- Nếu như thế ắt phải có hai ?

- Biết, không hai người.

- Thế nào là tà, thế nào là chánh ?

- Tâm theo vật là tà, vật theo tâm là chánh.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi :

- Hòa thượng tu có dụng công chăng ?

Sư đáp :

- Dụng công.

- Dụng công thế nào ?

- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.

- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của thầy chăng ?

- Chẳng đồng.

- Tại sao chẳng đồng ?

- Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng; khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.

Nguyên im lặng.

*

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi :

- Thiền sư tự biết chỗ sanh chăng ?

Sư đáp :

- Chưa từng tử đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng lìa pháp sanh nói pháp không sanh. Tổ sư nói : “Chính cái sanh tức không sanh”.

- Người không thấy tánh cũng được như vậy chăng ?

- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Vì thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là Pháp tánh, cũng gọi là Pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói : “Nói là pháp tức tâm chúng sanh. Nếu tâm sanh nên tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh thì pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự ”. Người mê chẳng biết Pháp thân không hình tượng, hay ứng vật hiện hình, bèn nói : “Trúc biếc xanh xanh đều là Pháp thân, hoa vàng mịt mịt thảy đều Bát-nhã” (thanh thanh thúy trúc tổng thị Pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã). Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là Pháp thân, Pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức ăn Pháp thân. Những lối nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

- Hư không hay sanh linh tri chăng ? Chân tâm duyên thiện ác chăng ? Người tham dục là đạo chăng ? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chăng ? Người xúc cảnh sanh tâm có định chăng ? Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chăng ? Người ôm lòng khinh người có ngã chăng ? Người chấp không chấp hữu có trí chăng ? Người tầm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật. Những người

https://thuviensach.vn

này hợp đạo chăng ? Thỉnh Thiền sư mỗi mỗi vì đáp.

- Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lăng xăng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tầm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có ?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không thể có.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ lui ra

*

Sư thượng đường dạy chúng :

- Các ngươi may mắn tự khéo giữ cái vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác là mang cùm sa ngục chớ gì ? Mỗi ngày từ sáng đến tối bôn ba nói : “Ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”, như thế càng không dính dáng gì. Chỉ chạy theo thinh sắc biết bao giờ dứt. Bần đạo xưa đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy : “Kho báu nhà của ngươi đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài”. Bần đạo từ đây thảy thôi, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy một pháp có tướng sanh diệt, chẳng thấy một pháp có tướng qua lại, khắp mười phương thế giới không một hạt bụi nào mà chẳng phải của báu nhà mình. Chỉ quan sát kỹ càng tâm mình một thể Tam bảo thường tự hiện trước, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm, tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu biết như thế, chư Phật thường hiện tiền”. Kinh Tịnh Danh nói : “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy”. Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự. Đi ! Chớ đứng lâu. Trân trọng !

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán.

Sư hỏi :

- Các ngươi vì cớ sao ở đây mãi không đi ? Bần đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chăng ? Có việc gì khả nghi, chớ lầm dụng tâm uổng phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các ngươi tùy ý thưa hỏi.

Có vị hiệu Pháp Uyên hỏi :

- Thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Tăng, thế nào là một thể Tam bảo ? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Sư đáp :

- Tâm là Phật chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là Pháp chẳng cần đem pháp cầu pháp. Phật, Pháp hòa hợp không hai là Tăng, tức là một thể Tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không khác”. Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp không thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Ví như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận, chỉ một tâm thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rắn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu thành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ dụng vô đẳng đẳng tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng Chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng tức là thật tướng Pháp thân, thể tánh tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm, tức là công đức Pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên : Trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng (kho vô tận), hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng (kho gốc các pháp), đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng (kho trí tuệ), muôn pháp về Như gọi là Như Lai tạng (kho Như Lai). Kinh nói : “Như Lai đó, tức nghĩa Như của các pháp”. Lại nói : “Tất cả pháp sanh diệt thế gian không có một pháp chẳng về Như ”.

*

Có vị khách hỏi :

- Đệ tử chưa biết Luật sư, Pháp sư, Thiền sư vị nào hơn cả, cúi xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy ?

Sư đáp :

- Luật sư là người mở pháp tạng Tỳ-ni (luật), truyền nề nếp làm mạng sống, thấu suốt Trì Phạm thông đạt Khai Giá, giữ oai nghi để làm mô phạm, phổ cáo ba phen yết-ma để làm nhân sơ khởi cho bốn quả (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán). Nếu chẳng phải là hàng trưởng lão đức dày thì đâu kham đảm trách.

- Pháp sư là người ngồi tòa sư tử, biện luận thông như nước chảy, đối với nhiều người đông chúng soi thấu cổng huyền, mở cửa Bát-nhã nhiệm mầu, bình đẳng bố thí tam luân không tịch. Nếu chẳng phải là hàng long tượng làm sao dám đảm đương.

- Thiền sư là người nắm được then chốt của đạo, thấu suốt nguồn tâm, ra vào co duỗi, tung hoành tùy vật ứng hiện; sự lý thảy đồng, chóng thấy Như Lai, nhổ gốc sâu sanh tử, được Tam-muội hiện tiền.

https://thuviensach.vn

Nếu chẳng phải người an thiền tịnh lự đến chỗ ấy thảy đều mờ mịt.

Tùy căn cơ thọ lãnh pháp tu, ba môn học tuy khác mà được ý quên lời thì đồng Nhất thừa đâu sai biệt. Cho nên kinh nói : "Trong cõi Phật ở mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói, chỉ tạm mượn danh tự, để dẫn đường cho chúng sanh" (Kinh Pháp Hoa).

Khách thưa :

- Hòa thượng thâm đạt ý chỉ của Phật, được biện tài vô ngại.

Lại hỏi thêm :

- Tam giáo Nho, Đạo, Thích là đồng hay khác ?

Sư đáp :

- Người đại lượng dùng đó thì đồng. Kẻ tiểu cơ cố chấp thì khác. Thảy đều từ trên một tánh khởi dụng, tùy căn cơ thấy sai biệt thành ba, mê ngộ do người, chẳng phải tại giáo đồng hay khác.

*

Pháp sư Đạo Quang chuyên giảng Duy Thức đến hỏi:

- Thiền sư dùng tâm nào tu đạo ?

Sư đáp :

- Lão tăng không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu.

- Đã không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu, tại sao mỗi ngày họp chúng khuyên người học thiền tu đạo?

- Lão tăng còn không có chút đất cắm dùi thì chỗ nào họp chúng lại. Lão tăng còn không có lưỡi thì đâu từng khuyên dạy người.

- Thiền sư đối diện mà nói dối.

- Lão tăng còn không có lưỡi khuyên người thì đâu biết nói dối.

- Thật tôi không hiểu lời luận nghị của Thiền sư.

- Lão tăng tự cũng chẳng hội.

*

Pháp sư Chí chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm đến hỏi:

- Tại sao chẳng nhận "Trúc biếc xanh xanh đồng là Pháp thân, hoa vàng mịt mịt thảy đều Bát-nhã" ?

Sư đáp :

- Pháp thân không tướng, ứng hiện trong trúc biếc thành hình, Bát-nhã vô tri đối với hoa vàng mà hiển tướng, chẳng phải trúc biếc hoa vàng kia có Pháp thân Bát-nhã. Kinh nói : "Chân Pháp thân của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước". Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là Pháp thân, trúc biếc lại hay ứng dụng. Tọa chủ hội chăng ?

- Chẳng rõ ý này.

- Nếu người thấy tánh nói phải cũng được, nói chẳng phải cũng được, tùy dụng mà nói, chẳng kẹt phải quấy. Nếu người chẳng thấy tánh nói trúc biếc thì chấp trúc biếc, nói hoa vàng thì chấp hoa vàng, nói Pháp thân thì kẹt Pháp thân, nói Bát-nhã mà chẳng biết Bát-nhã. Do đó mà trở thành tranh luận.

Pháp sư Chí lễ tạ lui ra.

*

Có người hỏi :

- Đem tâm tu hành bao lâu được giải thoát ?

Sư đáp :

- Đem tâm tu hành ví như lấy bùn lỏng rửa nhơ. Bát-nhã huyền diệu vốn tự không sanh, đại dụng hiện tiền chẳng luận thời tiết.

- Phàm phu cũng được như thế chăng ?

- Người thấy tánh thì chẳng phải phàm phu, đốn ngộ thượng thừa thì đã siêu phàm vượt thánh. Người mê luận phàm bàn thánh, người ngộ siêu vượt sanh tử Niết-bàn, người mê nói sự nói lý, người ngộ đại dụng cùng khắp. Người mê cầu đắc cầu chứng, người ngộ không đắc không cầu. Người mê hẹn kiếp xa sẽ chứng, người ngộ chóng thấy liền.

*

Pháp sư giảng kinh Duy-ma đến hỏi :

- Kinh nói : "Lục sư ngoại đạo kia v.v… là thầy của ngươi, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đọa ngươi cũng theo đó mà đọa. Người thí cho ngươi chẳng gọi phước điền, cúng dường cho ngươi đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy pháp, chẳng vào số chúng, trọn chẳng được diệt độ. Ngươi nếu như thế mới nên nhận thức ăn" (Kinh Duy-ma). Thỉnh Thiền sư vì giải thích.

https://thuviensach.vn

Sư đáp :

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là Lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sanh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Ngươi nếu hay chê bai Phật là chẳng đắm cầu Phật, hủy báng Pháp là chẳng đắm cầu Pháp, chẳng vào số chúng là chẳng đắm cầu Tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu được như thế liền được thức ăn thiền duyệt pháp hỷ.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi :

- Có người hỏi Phật đáp Phật, hỏi Pháp đáp Pháp, bảo là pháp môn một chữ, chẳng biết phải chăng ?

Sư đáp :

- Như chim Anh Võ học nói tiếng người, tự nói chẳng đặng, vì không trí tuệ. Ví như đem nước rửa nước, đem lửa đốt lửa, trọn không có nghĩa lý gì.

*

Có người hỏi :

- Ngôn với ngữ là đồng hay khác ?

Sư đáp :

- Là một. Bởi vì lời nói (ngôn) thành câu gọi là ngữ. Vả như biện luận thao thao, ví tợ như nước chảy trong sông lớn, lời hay chồng chập, như hạt châu nghiêng để trong đồ tròn, mở rộng tên vạn tượng như nước chảy, chia chẻ nghĩa nhiều như biển cả, đó là ngữ vậy. Ngôn là một chữ hiện bày của tâm. Ở trong chứa huyền vi, bên ngoài hiện diệu tướng, muôn việc khuấy rối mà chẳng loạn, trong đục lẫn lộn mà thường phân biệt. Vua Tề vẫn còn hổ thẹn lời của Đại phu, Bồ-tát Văn Thù còn khen ngợi câu nói của Tịnh Danh, thì người thường làm sao hiểu nổi.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi :

- Thiền sư thường nói : “Tức tâm là Phật”, không hợp lý. Vả lại, Bồ-tát Nhất Địa phân thân ở trăm thế giới chư Phật, Nhị Địa tăng lên gấp mười. Thiền sư thử hiện thần thông xem ?

Sư đáp :

- Chính mình Xà-lê là phàm hay Thánh ?

- Là phàm.

- Đã là phàm tăng sao lại hỏi cảnh giới như thế ? Kinh nói : “Nhân giả tâm có cao thấp, chẳng y nơi trí tuệ Phật”, đây là thế.

- Thiền sư mỗi ngày bảo : Nếu ngộ đạo thì thân hiện tiền liền được giải thoát, cũng không hợp lý.

- Có người trọn đời làm lành, bỗng nhiên ăn cắp đồ người cầm trong tay, ngay khi ấy thân này phải thân kẻû cắp chăng ?

- Phải.

- Hiện nay thấy tánh rõ ràng, tại sao không được giải thoát ?

- Đời nay hẳn không được, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp (ba vô số kiếp) mới được.

- A-tăng-kỳ kiếp lại có số chăng ?

Nguyên lên giọng bảo :

- Đem kẻ cắp so với giải thoát, được thông đạo lý chăng ?

Sư đáp :

- Xà-lê tự chẳng hiểu đạo, không thể chướng tất cả người hiểu, con mắt mình chẳng mở, không thể chướng tất cả người thấy vật.

Nguyên đổi sắc vừa đi vừa nói :

- Lão già hỗn tạp vô đạo.

Sư bảo :

- Chính đường đi đó là đạo của ông.

*

Pháp sư Tuệ chuyên giảng Chỉ Quán đến hỏi :

- Thiền sư biện biệt được ma chăng ?

Sư bảo :

- Khởi tâm là thiên ma, chẳng khởi tâm là ấm ma, hoặc khởi chẳng khởi là phiền não ma. Trong chánh pháp ta không có việc như thế.

- Nhất tâm tam quán, nghĩa thế nào ?

- Tâm quá khứ thì đã qua, tâm vị lai thì chưa đến, tâm hiện tại thì không trụ, ở trong đó lại dùng tâm nào để quán?

- Thiền sư chẳng hiểu Chỉ Quán.

https://thuviensach.vn

- Tọa chủ hiểu chăng ?

- Hiểu.

- Như Trí Giả Đại sư nói Chỉ để phá Chỉ, nói Quán để phá quán, trụ Chỉ thì chìm trong sanh tử, trụ Quán thì tâm thần loạn. Thế là, phải đem tâm Chỉ tâm, hay khởi tâm Quán để quán ? Nếu có tâm quán là pháp thường kiến, nếu không tâm quán là pháp đoạn kiến, cũng có cũng không là pháp nhị kiến. Thỉnh Tọa chủ xét kỹ nói xem ?

- Nếu hỏi như thế đều không thể nói được.

- Vậy thì đâu từng Chỉ Quán.

*

Có người hỏi :

- Bát-nhã lớn chăng ?

Sư đáp :

- Lớn.

- Lớn bằng chừng nào ?

- Không có ngằn mé.

- Bát-nhã nhỏ chăng ?

- Nhỏ.

- Nhỏ bằng chừng nào ?

- Xem chẳng thấy.

- Chỗ nào là Bát-nhã ?

- Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã ?

*

Pháp sư giảng kinh Duy-ma hỏi :

- Chư Bồ-tát mỗi vị nhập pháp môn Bất nhị, ngài Duy-ma lặng thinh là cứu cánh chăng ?

Sư đáp :

- Chưa phải cứu cánh. Thánh ý nếu tột thì đến quyển ba lại nói việc gì ?

Pháp sư im lặng giây lát, thưa :

- Thỉnh Thiền sư vì tôi nói ý chưa cứu cánh.

Sư bảo :

- Căn cứ trong kinh thì quyển nhất là “dẫn chúng gọi mười vị đại đệ tử trụ tâm”. Quyển hai là “chư Bồ-tát mỗi vị nói nhập pháp môn Bất nhị, dùng lời nói để hiển bày không lời; ngài Văn Thù dùng không lời để hiển bày không lời; ngài Duy-ma chẳng dùng lời chẳng dùng không lời, cho nên lặng thinh để thâu ngôn ngữ ở trước”. Quyển ba là “từ chỗ lặng thinh khởi nói, lại hiển thần thông tác dụng”. Tọa chủ hội chăng ?

- Thật là kỳ quái, đúng thế !

- Cũng chưa đúng thế.

- Tại sao chưa đúng thế ?

- Vả lại, vì để phá tình chấp của người nên nói như thế. Nếu y cứ ý kinh thì chỉ nói sắc tâm không tịch khiến người thấy bản tánh, dạy bỏ hạnh giả vào hạnh thật, chớ nhằm trên ngôn ngữ giấy mực mà thảo luận suy tính, cốt hội được hai chữ Tịnh Danh là đủ. Tịnh là bản thể. Danh là tích dụng. Từ bản thể khởi tích dụng, từ tích dụng trở về bản thể. Thể và dụng không hai. Bản (xưa) và tích (nay) không khác. Do đó, cổ nhân nói : “Bản (xưa) tích (nay) tuy khác, chẳng nghĩ bàn là một vậy. Một cũng chẳng phải một”. Nếu hiểu hai chữ Tịnh Danh là giả hiệu, lại nói cái gì cứu cánh cùng chẳng cứu cánh ? Không trước không sau, chẳng phải gốc chẳng phải ngọn, chẳng phải Tịnh chẳng phải Danh, vì chỉ bày cho chúng sanh bản tánh bất tư nghì giải thoát. Nếu người không thấy tánh, trọn đời chẳng thấy được lý này.

*

Có vị tăng hỏi :

- Muôn pháp trọn không, thức tánh cũng vậy. Ví như bong bóng nước một khi tan thì không hợp lại. Thân này chết chẳng sanh trở lại tức là rỗng không thì chỗ nào mà có thức tánh ?

Sư đáp :

- Bong bóng nhân nước mà có, bong bóng tan đâu thể không nước. Thân nhân tánh mà có, thân chết đâu thể nói tánh diệt.

- Đã nói có tánh, thử đem ra xem ?

- Ông tin có ngày hôm qua chăng ?

- Tin.

- Ông đem ngày hôm qua đến xem ?

- Ngày hôm qua thật là có, nhưng mà hiện giờ không thể đem đến được.

https://thuviensach.vn

- Ngày hôm qua không thể đem đến được, chẳng phải không ngày hôm qua, ông tự không thấy tánh, chẳng phải không có tánh. Nay thấy mặc y, ăn cơm, đi, đứng, ngồi, nằm đối diện mà chẳng biết, đáng gọi là ngu mê. Ông muốn thấy ngày hôm qua thì cùng ngày nay chẳng khác. Đem tánh đi tìm tánh muôn kiếp trọn chẳng thấy, cũng như có người chẳng thấy mặt trời, chẳng phải mặt trời không có.

*

Pháp sư chuyên giảng Thanh Long sớ đến hỏi :

- Kinh nói : “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp”. Thiền sư thế hội như thế nào ?

Sư đáp :

- Vì thể Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp”. Ở trong thể không tịch của Bát-nhã đủ diệu dụng như hà sa, là không việc gì chẳng biết, ấy gọi là “nói pháp”. Cho nên nói : “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp”.

*

Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi :

- Thiền sư tin vô tình là Phật chăng ?

Sư đáp :

Chẳng tin. Nếu vô tình là Phật thì người sống chẳng bằng người chết, lừa chết chó chết lẽ ra hơn người sống. Kinh nói : “Phật thân tức là Pháp thân, từ giới định tuệ mà sanh, từ tam minh lục thông mà sanh, từ tất cả pháp lành mà sanh”. Nếu nói vô tình là Phật, Đại đức hiện giờ chợt chết liền thành Phật rồi.

*

Có Pháp sư hỏi :

- Trì kinh Bát-nhã công đức rất nhiều, Thầy có tin chăng ?

Sư đáp :

- Chẳng tin.

- Nếu vậy sự linh nghiệm truyền lại hơn mười quyển đều không thể tin sao ?

- Người sống giữ hiếu tự có cảm ứng, không phải xương trắng hay có cảm ứng. Kinh là chữ giấy mực, chữ giấy mực tánh nó không, thì chỗ nào có linh nghiệm ? Sự linh nghiệm tại người trì kinh dụng tâm nên thần thông cảm vật. Thử đem một quyển kinh để trên bàn không có người thọ trì, tự nó có linh nghiệm chăng ?

*

Có vị tăng hỏi :

- Chưa biết tất cả danh tướng và pháp tướng, nói cùng với nín, thế nào thông hội liền không có trước sau ?

Sư đáp :

- Khi một niệm khởi xưa nay không tướng không danh, làm sao được nói có trước sau ? Chẳng rõ danh tướng vốn tịnh, vọng chấp có trước sau. Cổng danh tướng khóa, chẳng phải chìa khóa trí thì không thể mở. Hễ nói Trung đạo thì bệnh tại Trung đạo, nói hai bên thì bệnh tại hai bên. Chẳng biết hiện dụng là Pháp thân Vô đẳng đẳng (Phật). Mê ngộ được mất là pháp của người thường, tự khởi sanh diệt, chôn vùi chánh trí. Hoặc đoạn phiền não, hoặc cầu Bồ-đề đều là chối bỏ Bát-nhã.

*

Có người hỏi :

- Luật sư cớ sao chẳng tin thiền ?

Sư đáp :

- Vì lý sâu kín khó hiển bày, danh tướng dễ giữ. Người không thấy tánh nên chẳng tin thiền. Nếu người thấy tánh gọi đó là Phật, người biết Phật mới hay tin vào, Phật chẳng xa người mà người xa Phật. Phật là tâm tạo, mà người mê căn cứ trong văn tự để tìm. Người ngộ nhằm nơi tâm mà giác, người mê tu nhân đợi quả. Người ngộ thấu rõ tâm không tướng, người mê chấp vật giữ cái ngã làm mình. Người ngộ Bát-nhã ứng dụng hiện tiền, người ngu chấp không chấp có sanh kẹt. Người trí thấy tánh liễu tướng linh thông. Hàng căn tuệ (tuệ khô) biện luận mỏi miệng, bậc đại trí thấu suốt bản thể tâm an vui. Bồ-tát chạm vật soi tỏ, Thanh văn sợ cảnh làm mờ tâm. Người ngộ hằng ngày được vô sanh, người mê hiện tiền cách xa Phật.

*

Có người hỏi :

- Thế nào được thần thông ?

Sư đáp :

- Thần tánh linh thông khắp giáp thế giới như cát bụi núi sông đá vách qua lại không ngại, trong sát-na đi muôn dặm, qua lại không dấu vết, lửa không thể đốt, nước không thể chìm. Người ngu tự không tâm trí muốn thân tứ đại này được bay trong hư

https://thuviensach.vn

không. Kinh nói : “Phàm phu chấp tướng tùy nghi vì họ nói : Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu; không tướng tức là tướng thật, tướng thật thì thể nó không, gọi là thân hư không vô biên, muôn hạnh trang nghiêm nên gọi là Pháp thân công đức”. Chính Pháp thân này là gốc của muôn hạnh, tùy công dụng đặt tên, nói thật chỉ có Pháp thân thanh tịnh.

*

Có người hỏi :

- Kẻ nhất tâm tu hành thì nghiệp chướng đời quá khứ được tiêu diệt chăng ?

Sư đáp :

- Người không thấy tánh chưa được tiêu diệt. Nếu người thấy tánh như mặt trời giọi sương tuyết. Lại người thấy tánh, ví như gom cỏ bằng ngọn núi Tu Di chỉ dùng một đóm lửa là cháy rụi. Nghiệp chướng như cỏ, trí tuệ như lửa.

- Thế nào biết được nghiệp chướng hết ?

- Hiện tiền tâm thông thì việc sanh trước sau đều thông. Ví như nhìn thấy Phật trước Phật sau, muôn pháp đồng thời. Kinh nói : “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng vì thành tựu Nhất thiết trí”.

*

Có vị cư sĩ hỏi :

- Thế nào được trụ chánh pháp ?

Sư đáp :

- Cầu trụ chánh pháp là tà. Vì cớ sao ? Vì pháp không có tà chánh.

- Làm sao được thành Phật ?

- Chẳng cần bỏ tâm chúng sanh, cốt đừng ô nhiễm tánh mình. Kinh nói : “Tâm, Phật và chúng sanh cả ba đều không sai biệt”.

- Nếu hiểu như thế được giải thoát chăng ?

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải. Pháp vượt ngoài ngôn ngữ văn tự, chẳng dùng trong câu số mà cầu; pháp chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai, không thể do trong nhân quả mà khế hội; pháp vượt tất cả, không thể so sánh; pháp thân không hình tượng, ứng vật hiện hình, chẳng rời thế gian mà cầu giải thoát.

*

Có vị tăng hỏi :

- Cái gì là Bát-nhã ?

Sư bảo :

- Ngươi nghi cái gì không phải Bát-nhã, thử nói xem ?

- Thế nào được thấy tánh ?

- Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy.

- Thế nào là tu hành ?

- Cốt đừng ô nhiễm tự tánh tức là tu hành, chớ tự lừa dối là tu hành, đại dụng hiện tiền tức là Pháp thân Vô đẳng đẳng (Phật).

- Trong tánh có ác chăng ?

- Trong đây thiện còn chẳng lập.

- Thiện ác đều chẳng lập, đem tâm dùng vào chỗ nào ?

- Đem tâm dùng tâm là đại điên đảo.

- Làm thế nào mới phải ?

- Không làm thế nào, cũng không phải.

*

Có người hỏi :

- Có người chèo thuyền, lườn thuyền cọ chết con ốc con hến, là người chịu tội hay thuyền chịu tội ?

Sư đáp :

- Người thuyền cả hai đều không tâm, tội chính tại ông. Ví như cuồng phong thổi gãy cây hại mạng, mà không có người làm, không có người chịu, nhưng trong thế giới đâu không phải là chỗ chúng sanh chịu khổ.

*

Có vị tăng hỏi :

- Chưa biết “thế thác tình” (gởi tình), “thế chỉ cảnh”, “thế nói nín”, cho đến “thế nhướng mày chớp mắt” v.v…, làm sao được thông hội ở trong khoảng một niệm ?

Sư đáp :

- Không có việc ngoài tánh. Người dụng diệu thì động yên đều diệu. Người tâm chân thì nói nín thảy

https://thuviensach.vn

chân. Người hội đạo thì đi đứng ngồi nằm đều là đạo. Vì mê tự tánh nên muôn lầm phát sanh.

- Thế nào là pháp có tông chỉ ?

- Tùy chỗ kia lập liền có các nghĩa. Ngài Văn Thù nơi gốc vô trụ lập tất cả pháp.

- Chẳng đồng thái hư chăng ?

- Ngươi sợ đồng thái hư chăng ?

- Sợ.

- Cái biết sợ là chẳng đồng thái hư.

- Chỗ nói không thể đến, làm sao được hiểu ?

- Nay chính khi ngươi nói, nghi chỗ nào chẳng đến.

*

Có hơn mười vị Túc đức đồng đến hỏi :

- Kinh nói : "Phá diệt Phật pháp", chưa biết Phật pháp có thể phá diệt chăng ?

Sư đáp :

- Phàm phu ngoại đạo bảo Phật pháp có thể phá diệt, người Nhị thừa bảo Phật pháp không thể phá diệt, trong chánh pháp của tôi không có hai cái thấy này. Nếu luận về chánh pháp chẳng những phàm phu ngoại đạo, cho đến hàng Nhị thừa chưa đến vị Phật cũng là người ác.

- Pháp chân, pháp huyễn, pháp không, pháp chẳng không mỗi thứ có chủng tánh chăng ?

- Pháp tuy không có chủng tánh, ứng vật đều hiện. Tâm huyễn nên tất cả pháp đều huyễn, nếu có một pháp chẳng huyễn thì huyễn ắt có định. Tâm không, nên tất cả đều không, nếu có một pháp chẳng không thì nghĩa không chẳng lập. Khi mê thì người theo pháp, lúc ngộ thì pháp do người. Như sum la vạn tượng đến không là tột, trăm sông các dòng đến biển là tột. Tất cả Hiền Thánh đến Phật là tột. Mười hai phần kinh, năm bộ Tỳ-ni (luật), năm Vi-đà luận (luận) đến tâm là tột. Tâm là gốc diệu của tổng trì, là nguồn lớn của muôn pháp, cũng gọi là kho đại trí tuệ, vô trụ Niết-bàn, trăm ngàn muôn tên thảy là tên khác của tâm mà thôi.

- Thế nào là huyễn ?

- Huyễn không có tướng nhất định, như vòng lửa quay, như thành Càn-thát-bà, như người gỗ bằng máy, như sóng nắng, như hoa giữa hư không, đều không có pháp thật.

- Sao gọi là thầy đại huyễn ?

- Tâm gọi là thầy đại huyễn. Thân là thành đại huyễn. Danh tướng là đồ ăn mặc của đại huyễn. Thế giới nhiều như cát bụi không có việc gì ngoài huyễn. Phàm phu chẳng biết huyễn, nơi nơi mê nghiệp huyễn. Thanh văn sợ cảnh huyễn, mờ tâm vào tịch diệt. Bồ-tát biết pháp huyễn, đạt thể huyễn, chẳng câu nệ tất cả danh tướng. Phật là thầy đại huyễn, xoay bánh xe pháp đại huyễn, thành Niết-bàn đại huyễn, chuyển sanh diệt huyễn, được chẳng sanh chẳng diệt, chuyển cõi ô uế như cát bụi thành pháp giới thanh tịnh.

*

Có vị tăng hỏi :

- Tại sao chẳng chịu tụng kinh, mà gọi là "khách ngữ" (kẻ học nói) ?

Sư đáp :

- Như chim Anh Võ chỉ học tiếng người mà không hiểu ý người. Kinh là truyền ý Phật, chẳng nhận được ý Phật mà chỉ tụng, ấy là người học ngữ. Do đó nên chẳng chịu tụng kinh.

- Không thể lìa văn tự ngôn ngữ mà riêng có ý ?

- Ngươi nói như thế cũng là học ngữ.

- Đồng là ngôn ngữ sao Thầy chẳng nhận lời tôi ?

- Ngươi hãy lắng nghe, trong kinh có đoạn văn rất rõ ràng "Ta nói ra là nghĩa ngữ mà chẳng phải văn, chúng sanh nói ra là văn ngữ mà chẳng phải nghĩa, người được ý vượt ngoài lời, người ngộ lý vượt ngoài văn tự, pháp vượt ngôn ngữ văn tự, đâu thể nhằm trên câu văn mà cầu". Thế nên, người phát Bồ-đề thì được ý quên lời, ngộ lý mà lờ kinh, cũng như được cá quên nôm, được thỏ bỏ bẫy.

*

Có Pháp sư hỏi :

- Niệm Phật là "hữu tướng Đại thừa", ý Thiền sư thế nào ?

Sư đáp :

- Vô tướng vẫn chẳng phải Đại thừa, huống là hữu tướng. Kinh nói : "Phàm phu chấp tướng" tùy nghi vì họ nói.

- Nguyện sanh Tịnh độ, chưa biết thật có Tịnh độ chăng ?

- Kinh nói : "Muốn được Tịnh độ phải tịnh tâm kia, tùy tâm kia tịnh tức Phật độ tịnh". Nếu tâm thanh

https://thuviensach.vn

tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là Tịnh độ. Ví như sanh trong nhà Quốc vương, nhất định nối nghiệp Quốc vương. Phát tâm hướng Phật đạo là sanh nơi cõi Phật tịnh. Tâm kia nếu chẳng tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là uế độ. Tịnh và uế độ là tại tâm chẳng phải tại cõi nước.

- Mỗi ngày nghe nói đạo, chưa biết người nào hay thấy ?

- Người có tuệ nhãn hay thấy.

- Rất thích Đại thừa làm sao học được ?

- Ngộ là được, chẳng ngộ là chẳng được.

- Làm sao được ngộ ?

- Phải quán kỹ.

- Giống vật gì ?

- Giống không vật.

- Thế nào là rốt ráo Không ?

- Không chẳng rốt ráo.

- Thế nào là Hữu ?

- Hữu mà không tướng.

- Chẳng ngộ làm sao ?

- Đại đức tự chẳng ngộ, chẳng phải tại người làm chướng ngại.

- Phật pháp ở nơi ba mé (trong ngoài giữa) chăng ?

- Thấy tại vô tướng chẳng ở ngoài nơi ấy, ứng dụng không cùng, chẳng ở tại trong, chặng giữa không có chỗ trụ, ba mé không thể được.

- Câu đáp này rất hỗn tạp.

- Chính khi Thầy nói hai chữ "hỗn tạp" là ở trong ở ngoài chăng ?

- Đệ tử xét nghiệm trong ngoài không dấu vết.

- Nếu không dấu vết thì biết rõ lời nói từ trước đến giờ không có hỗn tạp.

- Thế nào được làm Phật ?

- Tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật.

- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh có vào chăng ?

- Như hiện nay chính khi làm ác lại có lành chăng ?

- Không.

- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh cũng như thế.

- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thế nào ?

- Tạo dụng Phật là tánh Phật, tạo dụng kẻ cướp là tánh cướp, tạo dụng chúng sanh là tánh chúng sanh. Tánh không hình tướng, tùy dụng đặt tên. Kinh nói : "Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt" (kinh Kim Cang).

*

Có vị tăng hỏi :

- Thế nào là Phật ?

Sư đáp :

- Rời ngoài tâm thì không có Phật.

- Thế nào là Pháp thân ?

- Tâm là Pháp thân, nghĩa là hay sanh muôn pháp nên gọi là Pháp giới thân. Luận Khởi Tín nói : "Nói là pháp đó, nghĩa là tâm chúng sanh, tức y tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa".

- Thế nào là nói có quyển kinh lớn trong hạt bụi nhỏ?

- Trí tuệ là quyển kinh lớn. Kinh nói : "Có quyển kinh lớn lượng bằng thế giới tam thiên đại thiên, ở trong một hạt bụi nhỏ". Một hạt bụi là một niệm tâm trần vậy. Cho nên nói "trong một niệm trần nói ra hà sa bài kệ, người đời tự chẳng biết".

- Sao gọi là thành đại nghĩa ? Sao gọi là vua đại nghĩa?

- Thân là thành đại nghĩa. Tâm là vua đại nghĩa. Kinh nói : "Người đa văn giỏi về nghĩa, mà chẳng giỏi về nói năng, nói năng là sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt, nghĩa không hình tướng, ngoài lời nói năng. Tâm là quyển kinh lớn, tâm là vua nghĩa lớn. Nếu người chẳng biết tâm rành rõ thì không gọi là giỏi nghĩa, chỉ là người học ngữ.

- Kinh Bát-nhã nói : "Độ chín loài chúng sanh đều vào Vô dư Niết-bàn", lại nói "thật không chúng sanh được diệt độ", hai đoạn văn kinh này làm sao thông hội ? Người xưa và người nay đều nói "thật độ chúng sanh mà không chấp tướng chúng sanh". Tôi vẫn còn nghi, thỉnh thầy vì tôi giải nghi.

- Chín loài chúng sanh trong một thân đầy đủ, tùy tạo nghiệp tùy thành quả. Vô minh là noãn sanh (sanh bằng trứng), phiền não bao bọc ở trong là thai sanh (sanh bằng bào thai), nước ái đượm

https://thuviensach.vn

nhuần là thấp sanh (sanh chỗ ẩm ướt), chợt khởi phiền não là hóa sanh (từ loài này hóa sanh loài khác). Ngộ liền là Phật, mê gọi là chúng sanh. Bồ-tát chỉ dùng tâm niệm niệm làm chúng sanh. Nếu thấu rõ niệm niệm nơi tâm, thể nó đều không, gọi là độ chúng sanh. Người trí căn cứ trên bản tế (tâm) của mình mà độ. Lúc chưa thành hình, chưa thành hình đã không, thì biết thật không chúng sanh được diệt độ.

Có vị tăng hỏi :

- Ngôn ngữ là tâm chăng ?

Sư đáp :

- Ngôn ngữ là duyên chẳng phải tâm.

- Lìa duyên cái gì là tâm ?

- Lìa ngôn ngữ không tâm.

- Lìa ngôn ngữ đã không tâm, vậy cái gì là tâm ?

- Tâm không hình tướng, chẳng lìa ngôn ngữ, chẳng phải chẳng lìa ngôn ngữ, tâm thường lặng lẽ, ứng dụng tự tại. Tổ sư nói : “Nếu thấu rõ tâm phi tâm, mới hiểu tâm tâm pháp”.

*

Có vị tăng hỏi :

- Thế nào là định tuệ đồng học ?

Sư đáp :

- Định là thể, tuệ là dụng, từ định khởi tuệ, từ tuệ về định, như nước với sóng, một thể lại không có trước sau, gọi là định tuệ đồng học. Phàm kẻ xuất gia chớ tìm lời theo câu, đi đứng ngồi nằm đều là tánh dụng của ngươi, thì có chỗ nào cùng đạo không tương ưng? Hãy tự nhất thời thôi dứt đi, nếu chẳng theo gió ngoại cảnh thì nước tánh thường tự lặng lẽ.

Vô sự, trân trọng !

☸

https://thuviensach.vn

THIỀN TÔNG TRỰC CHỈ

A. MẬT TRUYỀN THAM THIỀN YẾU PHÁP

Hạ thủ công phu tu thiền, điều cốt yếu thứ nhất phải lập chí vững chắc. Bởi vì chí là vị nguyên soái của khí lực. Nếu người lập chí vững chắc, như thống lãnh trăm vạn quân, uy thế dậy trời, còn việc gì chẳng thành. Người hay sợ khó là tại lập chí không vững. Người chạy theo cảnh cũng tại lập chí không vững. Người nghe chê khen bèn dời đổi, giữa đường tự lùi, trước siêng sau lười, đều là chí không vững. Tôi thường tuyển đọc sách Tâm pháp, mở đầu sách đã thấy nói : “Lập chí nếu vững đổi khó thành dễ”. Nay đối với công phu tu thiền cũng như thế.

Chí vững thì sự ắt thành, tôi mượn việc đời để bàn điều này, ví như vua Việt phục thù vua Ngô, Trương Lương trả hận nước Hàn, Địch Nhân Kiệt tái hưng nhà Đường, thảy đều do chí quyết định mà việc được thành công đúng sở nguyện. Phật Pháp cũng như thế.

Ngạn ngữ nói : “Người nam không chí như sắt lụt không cứng, người nữ không chí như cỏ thối không tươi”. Công phu tu thiền chí này rất là tối yếu.

Đại sư Trung Phong ca rằng :

Cũng không khó cũng không dễ,

Chỉ quý nam nhi có thật chí,

Thật chí sức đạo mới vững mạnh,

Sức mạnh tiến đạo như trò chơi.

Đây là phương pháp ứng nghiệm vậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền hoàn toàn ở chỗ giác ngộ. Cần biết, phàm phu một niệm giác, tức một niệm là Phật. Phật một niệm chẳng giác, tức một niệm là phàm phu. Bởi vì giác tức là Phật, Phật tức là giác. Phật với phàm phu chỉ tại giác cùng chẳng giác mà thôi.

Tâm người có giác tức là có Phật. Giác hay mở cửa lục độ, hay vượt qua kiếp hải ba a-tăng-kỳ, khắp làm lợi ích như cát bụi, khuếch trương phước tuệ, được sáu thứ thần thông, tròn đầy quả Phật trong một đời. Cảnh khổ trong địa ngục, nào vạc dầu sôi, sông băng, nghe đến giác liền biến thành hương lâm (rừng hương); uống nước đồng sôi, nuốt hoàn sắt nóng, nghe đến giác thảy đều sanh Tịnh độ.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, tôi có một câu diệu quyết, chỉ bốn chữ Kiên Trì Chánh Giác. Cốt biết tín lực là kiên, nghĩa là kiên cố không biến đổi. Niệm lực là Trì, nghĩa là nắm giữ lâu mấy cũng không chán. Chánh giác là tròn sáng soi khắp, không lệch chẳng thiếu. Người hay phát Chánh giác thì bản tánh tự nhiên hiển lộ, tất cả vọng tâm chẳng đợi đuổi dẹp mà tự hàng phục. Ví như ánh sáng mặt trời vừa soi thì tối tăm hết sạch. Đây tuy bốn chữ, kỳ thật chỉ một chữ Giác. Một chữ Giác này đều do Định Tuệ mà được.

Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Niệm khởi liền giác, giác nó liền không. Diệu pháp tu hành chỉ tại nơi đó. Ví như biết là giấc mộng thì không còn mê.

Người biết được cái giác này, cần yếu chấn khởi tinh thần như vị tướng quân đang ở trong trận, như vị quan tòa tại pháp đình, không được dính một mảy hôn trầm.

*

Hạ thủ công phu tu thiền cần phải lập chí cho vững, lại cần “thường hằng”. Nếu không thường hằng phần nhiều đến giữa đường bỏ cuộc, hoặc được chút ít rồi tự dừng, đều là tự bỏ. Thật đáng tiếc !

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ gián đoạn. Nếu siêng tu một tháng đã lên bậc Thượng thừa, chỉ có gián đoạn năm, mười ngày thì bậc Thượng thừa kia chẳng biết ở đâu ? Lại chẳng được vịn vào sự siêng năng của tháng trước mà sanh ỷ lại.

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ hôn trầm tán loạn. Cái hôn trầm tán loạn này đều do chính mình lập chí không vững, lòng tin đạo không thiết tha mà đến như thế. Thật là đáng tiếc !

Hạ thủ công phu tu thiền hoàn toàn tại “tự tham tự ngộ”. Dù cho thân thiết như cha con thầy bạn đều không thể thay thế được, cũng không phải như kỹ nghệ ở thế gian có thể truyền trao cho được. Ví như người khác ăn cơm thì chỉ người ấy bụng được no, chớ bụng mình vẫn đói. Đại sư Huệ Tư nói : “Nguồn đạo chẳng xa, tánh biển chẳng cách, chỉ chính mình cầu, chớ từ nơi người mà tìm, tìm cũng chẳng được, dù được cũng chẳng chân”. Đây có thể gọi là cầu người chẳng bằng cầu nơi mình vậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền ngày đêm hai mươi bốn giờ đều là giờ dụng công phu. Nếu canh năm ngủ

https://thuviensach.vn

thức dậy, hoặc gần sáng dậy sớm, áp dụng công phu, thì công phu này kết quả gia bội. Cần biết, lúc trời rựng sáng là khí trời đất thanh sảng, cần phải nắm lấy, không nên thả trôi qua ngày.

*

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng cần canh năm ngủ, canh ba dậy, chỉ sợ một ngày nóng mà mười ngày lạnh thôi.

*

Hạ thủ công phu tu thiền cần biết, ở trần thế có rất nhiều cảnh ác, như sanh già bệnh chết, lo buồn khốn khổ, dàm danh khóa lợi, gió sợ sóng hoảng, dù có chút ít vui vẻ cũng chỉ là hoa đốm giữa hư không chẳng thật, tạm thời không lâu. Cốt phải khán cho thấu triệt, mới biết Phật pháp là việc cứu ta ra khỏi biển khổ, mới là mừng rỡ vui vẻ.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, nếu được mừng rỡ vui vẻ thì tự nhiên thay đổi dụng công, tự nhiên tinh tấn chẳng lười. Được mừng rỡ vui vẻ rồi, cần phải xem các việc khổ sở sanh già bệnh chết của người đời đều là cái gương ta chẳng dụng công, vậy tại sao dám lơ là ?

*

Hạ thủ công phu tu thiền, rất sợ nói lời vô ích, chăm nom việc vô ích. Nói lời vô ích, chăm nom việc vô ích đều khiến tâm người tán loạn, tinh thần dao động, không có lợi lại có hại. Lại đem thời giờ quý báu thả trôi sông. Thật là đáng tiếc !

*

Hạ thủ công phu tu thiền, nếu khi dụng công nhiều thì khó khỏi nhọc nhằn, cần phải đi bách bộ thong thả, đi thong thả để nuôi dưỡng tinh thần, đợi tinh thần thơ thới rồi lại khởi dụng công thì tự nhiên sáng suốt giác ngộ. Nếu tinh tấn đến khổ nhọc lừ đừ, đã lừ đừ lại khổ nhọc dụng công, thì không những tánh mờ tối chẳng lanh sáng, mà lại thân thể yếu đuối, bệnh tật phát sanh. Khi bệnh tật phát sanh thì công phu hết, thế là muốn mau mà trở thành chậm.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, một ngày qua phải thấy là một ngày tinh tấn. Nếu là lơ thơ lững thững, dù trải qua trăm kiếp ngàn đời cũng không có ngày được thành công. Người xưa khi dụng công, đốt một cây hương, thấy cây hương tàn rồi, liền tự nhắc rằng : “Công phu như trước không có thêm bớt, một ngày bao nhiêu cây hương, một năm bao nhiêu cây hương ? Năm tháng dễ qua, ngày giờ không đợi người, việc lớn chưa sáng, ngày nào mới xong ?” Do đó, đau xót hối tiếc, lại thêm phần cố gắng. Nhà nho Châu Văn Công nói : “Chớ bảo ngày nay chẳng học còn có ngày mai, chớ bảo năm nay chẳng học còn có năm tới, ngày tháng trôi qua, năm chẳng đợi người. Than ôi ! Già rồi, lỗi bởi tại ai ?” Công phu tu tập Phật pháp cũng như Nho học này, chỉ hai chữ Thời Tập là thành tựu một đời, chỉ bốn chữ “Hãy đợi ngày mai” là sai lầm một đời.

*

Hạ thủ công phu tu thiền tuy không thể dừng chậm, mà cũng không thể quá gấp. Ví như người đi bộ giỏi, mỗi ngày có thể đi bộ được một trăm dặm, mà chỉ đi bộ bảy tám mươi dặm, thì khí lực còn thừa, gân cốt không mỏi; nếu ỷ vào sức mạnh đi hơn trăm dặm tự nhiên phải gắng đi thật nhanh, ắt sanh mỏi mệt, thì ngày mai không thể đi nổi. Người hạ thủ công phu thường thường sanh bệnh hoạn đều do như thế.

*

Hạ thủ công phu tu thiền nếu thân thể nhọc nhằn, cần phải dùng sức chuyển động hai vai đến trước lại sau, lên xuống vài chục lần thì thân thể điều hòa, huyết mạch lưu thông, tinh thần sảng khoái, chẳng sanh các bệnh. Đây là phương pháp Lộc Lô Song Quan của nhà tu dưỡng, nó cũng hay đuổi được khí lạnh.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, hoặc có người hỏi : “Chỉ lấy tham ngộ làm chủ, đâu cần bảo dưỡng thân thể ?”. Tôi sẽ đáp : Đây là mượn giả để tu thật. Ví như nấu trà, nếu không có lò lửa thì trà đâu thể tự chín, vả lại lò hư lửa tắt thì sức lạnh càng thêm. Việc nhỏ chẳng tốn bao nhiêu công, mà e việc lớn không nhất định thành, trái lại đến phí thời giờ, không kết quả. Người sáng tự hiểu đó.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, ban ngày tinh tấn không biếng trễ, chẳng cần phải nói, phàm mỗi tối dụng công chỉ hơn một canh, không cần quá lâu. Nếu người quá nửa đêm không ngủ thì máu không trở về gan, hôm khác sanh bệnh là do tại đó. Lại có một hạng người hay mài luyện không nằm, đâu không biết công phu tu hành Phật pháp chẳng phải tại ngủ cùng không ngủ.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, đi đứng nằm ngồi đều có thể dụng công. Hoặc ngồi lâu rồi cần phải đi đứng, hoặc đi lâu rồi cần phải ngồi lại, chẳng chuyên ngồi.

https://thuviensach.vn

Có người học ngồi luôn không nằm, Lục Tổ dạy : "Sống đây ngồi chẳng nằm, chết đi nằm chẳng ngồi, chỉ một đầu xương thúi, sao lấy làm công khóa ?" Đây thật rõ ràng về lẽ ngồi nằm vậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền tối yếu phải phá tâm sanh tử cứng chắc, xem xét thế giới thân tâm đều là giả duyên không thật. Nếu không phát minh được đại sự sẵn đủ của mình, thì tâm sanh tử không thể phá. Tâm sanh tử đã không phá được, thì con quỉ vô thường niệm niệm chẳng dừng làm sao đuổi được. Phải lấy một niệm này làm hòn gạch gõ cửa. Ví như đang ngồi trong đống lửa lớn cố tìm lối thoát ra, chạy quanh một bước cũng không được, dừng lại một bước cũng không được, sanh một niệm khác cũng không được, trông người khác cứu cũng không được. Chính khi ấy, cần phải chẳng ngại lửa mạnh, chẳng kể thân mạng, chẳng trông người cứu, chẳng sanh niệm khác, chẳng chịu tạm dừng, nhắm trước chạy thẳng, chạy ra rồi mới là người giỏi.

*

Hạ thủ công phu tu thiền cần lấy một chữ Tử dán ở trên trán, xem thân thể máu thịt này như đã chết đi, chỉ cốt thấu rõ một niệm. Một niệm hiện tiền, như được cây Ỷ Thiên trường kiếm, nếu chạm mũi nhọn của nó không thể được, nếu cà nhám cọ lụt thì kiếm ấy bỏ đi vậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ say mê cảnh tịnh, nó khiến người chìm chỗ khô lặng mà không biết. Cốt hiểu rằng cảnh động nhiều người chán, cảnh tịnh đa số không sanh chán. Bởi vì người đời một bề ở chỗ ồn náo, nên thích hợp với cảnh tịnh, như ăn kẹo ăn đường, như người mệt lâu thích ngủ, tự nhiên tham trước mà không tự biết, cần phải mau mau phá dẹp.

Ngoại đạo dạy người khiến thân tâm đoạn diệt hóa thành cây khô tro lạnh, cũng từ nơi tịnh cảnh mà vào. Nếu lâu năm chầy tháng, khô lại càng khô, lặng lại càng lặng, sa vào chỗ không biết, thì cùng cây khô tro lạnh khác gì ? Người hạ thủ công phu ở chỗ cảnh tịnh, cốt để phát minh một đoạn đại sự ở trong y áo của mình mà lâu rồi không biết, nay nhờ ở cảnh tịnh mới được. Cái đại sự đó tìm nơi tướng tịnh trọn không thể được, thế mới là được vậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, thiết yếu tại định tuệ. Cần biết, định với tuệ như đồng một vật bên trong và bên ngoài, là hai mà không phải hai, chia rời không được. Khi định sanh thì hôn trầm cũng theo đó mà sanh, nếu hôn trầm sanh thì định mất. Khi tuệ sanh thì tán loạn cũng theo đó mà sanh, nếu tán loạn sanh thì tuệ mất. Ta có diệu pháp điều trị, cần phải định lóng sáng thì định với tuệ mới thành công. Cần phải tuệ an tường, thì tuệ với định mới thành công. Hai cái này lìa nó không được, hợp cũng không được, lẫn nhau thành một mới thật là diệu pháp. Khéo biết pháp này thì thành đạo không khó.

Người cầu minh tâm kiến tánh, thành Phật thành Tổ, chỉ ở trên định tuệ dụng công. Biết được cái diệu của định tuệ thì dễ như trở bàn tay, bằng không biết cái diệu của định tuệ thì khó như lên trời. Khó hay dễ đều tại chính mình đảm đang lấy.

Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định. Ví như ngọn đèn với ánh sáng, ngọn đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của ngọn đèn. Hai cái đều lẫn nhau hiển bày, không nên thiên trọng một cái.

Chính khi tuệ thì định ở trong tuệ, chính khi định thì tuệ ở trong định. Tên tuy có hai, thể vốn không khác. Chỉ có định mà không tuệ liền theo đó bị hôn trầm, chỉ có tuệ mà không định liền theo đó bị tán loạn. Cần phải gồm hai, không thể chia rời.

Ở đoạn trên, tôi nói phương pháp điều trị định tuệ đã xong, vẫn còn ngại có người chưa rõ. Giờ đây, tôi giải lại cho rõ. Tôi gọi hôn trầm tức người đời gọi là vô ký. Tôi gọi tán loạn tức người đời gọi là vọng tưởng. Cần biết định thì phần nhiều hay sanh vô ký, tuệ thì phần nhiều hay sanh vọng tưởng. Định tuy hay trị vọng tưởng mà trở lại sanh vô ký. Tuệ tuy hay trị vô ký mà trở lại sanh vọng tưởng. Ngày nay thực tập công phu, chỉ cần định có tuệ, cốt đừng nhập cái định hôn trầm vô ký; chỉ cần tuệ có định, cốt đừng nhập cái tuệ tán loạn vọng tưởng. Là hai mà chẳng hai, định tuệ dung hòa, thì công phu mới tăng trưởng.

Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai truyền diệu pháp Chỉ Quán. Nghĩa là chỉ mà quán đó, tịnh mà minh đó, khiến động mà được tịnh, tịnh mà được sáng. Sáng thì chiếu, chiếu thì một vậy. Đây thật là chỉ đường giác cho quần sanh. Cốt nên biết, tôi nói pháp định tuệ là Đại sư nói pháp Chỉ Quán, đâu cần gì cầu Phật pháp khác.

Người khi rời bỏ cuộc đời, nếu có công phu định tuệ, ắt được lên thế giới Cực Lạc. Diệu pháp này lúc bình nhật cần phải tập cho thuần thục. Bậc minh triết nói : "Người đời trọn ngày hôn tán, khi sắp chết làm sao được định tuệ. Người học đạo trọn ngày định tuệ, khi sắp chết đâu thể hôn tán". Nếu đợi khát nước mới đào giếng thì đâu cứu được !

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất khẩn yếu ở một chữ Thiết. Chữ Thiết rất có sức mạnh. Nếu chẳng Thiết thì lười biếng sanh. Lười biếng sanh thì buông lung

https://thuviensach.vn

phóng ý không chỗ nào chẳng đến. Nếu thật dụng tâm chân thiết thì buông lung lười biếng do đâu được sanh. Nên biết, một chữ Thiết nếu hay dán dính trên thân thì khỏi lo tâm sanh tử chẳng phá, khỏi lo chẳng đến địa vị Phật Tổ. Bỏ chữ Thiết này riêng cầu Phật pháp, đều là si cuồng ngoại đạo.

Một chữ Thiết là lời rất thân thiết, như dụng tâm thân thiết thì không kẽ hở, do đó các thứ tà ma không thể xâm nhập. Như dụng tâm thân thiết tự nhiên không sanh suy tính, có niệm không gián cách thì chẳng rơi vào ngoại đạo.

Một chữ Thiết đâu những lìa lỗi, liền đó vượt khỏi ba tánh thiện, ác, vô ký. Một câu thoại đầu dụng tâm thậm thiết thì không nghĩ thiện, dụng tâm thậm thiết thì không nghĩ ác, dụng tâm thậm thiết thì không rơi vào vô ký. Thoại đầu thiết thì không trạo cử, thoại đầu thiết thì không hôn trầm. Chỉ cốt chánh giác hiện tiền thì các ma tự lui, chánh giác phi thiết chẳng sanh.

*

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng sợ chết không được sống, chỉ sợ sống không được chết. Nếu thật nghi tình kết tụ ở một chỗ, cảnh động chẳng đợi đuổi mà tự đi, vọng tâm chẳng đợi tịnh mà tự tịnh, sáu căn ở ngoài cửa tự nhiên rỗng suốt hết, ra dấu liền đến, gọi lên liền đáp, lo gì chẳng sống?

*

Hạ thủ công phu tu thiền cốt phải ngay thẳng cao vót, chẳng gần nhân tình. Nếu đáp ứng theo tình cảm thì thực hành công phu chẳng tiến. Không những chẳng tiến mà lâu ngày chầy tháng sẽ trôi theo thế tục, rất là đáng tiếc ! Ví như chính mình bận việc thì đâu thể có công coi sóc việc người. Ngay thẳng cao vót chính là Chánh đẳng Chánh giác.

*

Hạ thủ công phu tu thiền điều thứ nhất là Chánh giác. Chánh giác là phút giây nào cũng chiếu soi lại cái linh minh của chính mình, không thể buông nó chạy đi. Nếu cái linh minh đi rồi, thì thân này chỉ là cái thây chết có hơi thở. Lại là hôn trầm không niệm, rơi vào ngoan không khô lặng. Tuy là vận dụng công phu khổ nhọc mà không có mảy may lợi ích.

Hạ thủ công phu tu thiền tu tập được tiến lên, như người gánh nặng ngàn cân, buông cũng chẳng rớt, giống như người tìm một vật quan trọng bị rơi mất, nếu tìm không được thề chẳng thôi nghỉ. Trong đó chỉ không nên sanh chấp trước tính toán. Nếu chấp thì thành bệnh, trước thì thành ma, tính toán thì thành ngoại đạo. Thật được nhất tâm nhất ý, giống hệt người tìm vật đã mất thì ba thứ (chấp, trước và tính toán) vỡ tan không còn dính mắc. Nên nói, sanh tâm động niệm đều trái với pháp thể.

*

Hạ thủ công phu tu thiền khi đề khởi thoại đầu cốt phải rõ ràng sáng sủa, giống in như con mèo rình chụp chuột. Người xưa nói : “Chẳng chém được đứa mọi thề không thôi”. Nếu chẳng vậy, là ngồi trong nhà quỉ, mờ mờ mịt mịt, qua rồi một đời, có chỗ nào lợi ích ?

Mèo rình chuột mở tròn đôi mắt, bốn chân chực sẵn, chỉ cốt chụp chuột đến miệng mới được, dù có gà chó ở bên cạnh đều không để mắt ngó. Người tham thiền cũng như thế, chỉ là chăm chú cốt suốt lý này, dù có tám cảnh xen lẫn ở trước cũng không để mắt nhìn, vừa có niệm khác, chẳng những không bắt được chuột, mà mèo cũng chạy mất.

*

Hạ thủ công phu tu thiền không nên ở trên công án của tiền nhân mà suy nghĩ, thêm sự giải thích. Dù mỗi mỗi hiểu qua cùng với chính mình cũng không dính dáng gì. Cần yếu biết mỗi câu mỗi lời của tiền nhân như đống lửa lớn, gần nó không được, xúc chạm cũng không được, huống là ngồi nằm trong ấy, lại ở trong đó phân lớn phân nhỏ, nói trên nói dưới, thì có chỗ nào lợi ích ?

Việc ấy không cùng giáo lý hợp, do đó những vị tu tập Đại thừa đã lâu, vẫn không hiểu không biết, huống là các hàng Tiểu thừa Thanh văn Duyên giác? Bậc Tam hiền Thập thánh đâu không thông giáo lý, mà nghe nói một việc này, Tam thừa còn tan mật, Thập thánh phải kinh hồn. Bậc Bồ-tát Đẳng giác thuyết pháp như mây như mưa, độ chúng sanh không thể nghĩ bàn vào vô sanh pháp nhẫn, vẫn gọi là sở tri ngu, cùng đạo còn trái, huống là những bậc khác ? Bởi vì việc này từ chỗ phàm phu chóng đồng Phật thể, người thật khó tin. Người tin được là hàng pháp khí, người không tin chẳng phải pháp khí. Những người tu hành muốn vào Tông thừa này ắt từ tin mà vào.

Một chữ Tin có cạn có sâu, có tà có chánh, không thể không biện biệt. Phàm vào pháp môn có ai mà nói chẳng tin. Nhưng, chỉ tin pháp môn mà không tin tâm mình là tin cạn. Các hạng Bồ-tát Đại thừa còn chẳng đủ lòng tin, như kinh Hoa Nghiêm sớ nói : “Thấy có người hay nói pháp, có chúng nghe pháp, còn chưa vào cửa tin”. Như nói tức tâm tức Phật thì ai bảo là chẳng tin. Song, nếu có người hỏi : “Ông là Phật chăng ?” liền bị phá dẹp không thể thừa đương. Kinh Pháp Hoa nói : “Tột nghĩ chung suy xét, không thể lường trí Phật”. Sở dĩ có tâm tột nghĩ xét, là do lòng tin chẳng đủ vậy. Có đủ lòng tin này là tin sâu.

https://thuviensach.vn

Tin tâm mình tức là Phật, gọi là tin chánh. Ngoài tâm chấp pháp, gọi là tin tà. Tin tức tâm là Phật, cốt phải thấu rõ tâm mình, bước đi trên đất thật ấy đến chỗ chẳng nghi, mới gọi là tin chánh. Mù mờ ngờ vực bướng nói tâm tức là Phật mà thật không biết tự tâm, tức là tin tà.

Người xưa hái rau gánh củi vẫn định, cuốc đất cày ruộng vẫn định, khi làm công kia việc nọ vẫn định, đâu phải ngồi lâu kềm vững khiến tâm chẳng khởi, nhiên hậu mới là định. Nếu như thế, gọi là định tà, không phải chánh ý của Phật pháp.

Lục Tổ bảo : "Na-già thường tại định, không lúc nào chẳng định". Phải thấy tột bản thể mới tương ưng với định này. Đức Thích-ca từ Đâu Suất hạ sanh, giáng thần trong hoàng cung, vào núi tuyết, thấy sao mai mọc, mở đường dạy chúng, chưa từng ra khỏi định này. Nếu chẳng vậy, đã bị cảnh động lôi cuốn, đâu gọi là định. Trong cảnh động tìm chỗ khởi không có, trong cảnh tịnh tìm chỗ khởi cũng chẳng có. Cảnh động đã không chỗ khởi thì lấy cái gì làm cảnh ? Hội được ý này thảy đều là một thể định, đầy dẫy tràn trề, không dư không che đậy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền không nên dính mắc thế pháp. Trong Phật pháp còn không dính một điểm, huống là thế pháp. Nếu thoại đầu hiện tiền chân chánh thì dẫm xuống nước chẳng thấy lạnh, chạm vào lửa chẳng biết nóng, trong rừng gai chông nằm ngang đi thẳng chẳng thấy chướng ngại. Được vậy, mới có thể ở trong thế pháp đi ngang chạy dọc. Bằng không, hoàn toàn bị cảnh duyên lôi cuốn, dù muốn được công phu thành một khối, trải nhiều năm cũng không thể được.

*

Hạ thủ công phu tu thiền không nên tầm văn trục cú ghi lời nhớ câu, không những vô ích mà còn làm chướng ngại công phu. Nắm công phu chân thật mà trở thành duyên lự.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ so sánh, đem tâm tính toán, cùng đạo trái xa, dù thực hành đến Phật Di Lặc ra đời vẫn không dính dáng. Nếu là người nguyện phát nghi tình, dù sự vật đầy bít hư không vẫn không biết có danh tự hư không, như ngồi trong núi bạc vách sắt, chỉ cầu được con đường sống. Nếu không được con đường sống, thì làm sao được an ổn. Chỉ thực hành công phu như thế, thời tiết đến tự nhiên có thành.

Gần đây, có một số tà sư dạy người, không do cố gắng dụng công. Lại nói : "Cổ nhân chưa từng dụng công phu". Lời nói này rất độc, làm mê lầm kẻ hậu học, sẽ vào địa ngục vậy.

Thiền sư Đại Nghĩa làm bài minh tọa thiền nói :

Chớ tin rằng đạo chẳng cần tham,

Thánh trước chăm chăm làm chỉ nam.

Dù rằng gác cũ nhàn điền địa,

Một phen gầy dựng thật gian nan.

Nếu chẳng cần tham cứu mà bảo được lý, đây là Di Lặc trời sanh, Thích-ca tự nhiên. Bọn này thật là đáng thương xót vậy. Bởi vì tự họ chẳng hiểu tham cứu, hoặc thấy người xưa một hỏi một đáp liền lãnh ngộ, bèn đem cái hiểu biết của tình thức để giải thích, là dối gạt người. Hoặc bị cơn bệnh ngặt, liền kêu la om sòm, những cái hiểu lúc đương thời đem dùng không được. Hoặc đến lúc sắp chết, như con cua bỏ vào chảo nước sôi, tay chân rối loạn, bấây giờ hối hận chẳng kịp.

Thiền sư Hoàng Bá nói :

Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,

Đầu dây nắm chặt giữ lập trường.

Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,

Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.

Lời này thật rất thân thiết. Nếu đem bài kệ này luôn luôn cảnh sách công phu thì tự nhiên thực hành được tiến bộ. Như người đi con đường trăm dặm, đi một bước là gần một bước, không đi thì đứng nguyên chỗ cũ. Dù người ấy nói được sự nghiệp ở quê hương rõ ràng rành rẽ, trọn không đến nhà, làm sao được việc lớn ấy.

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ suy nghĩ làm thơ, làm kệ, làm văn phú v.v… Nếu làm thành thi kệ thì gọi thi nhân, làm văn phú giỏi thì gọi văn nhân, cùng với tham thiền toàn không dính líu.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, gặp phải cảnh duyên thuận nghịch, chỗ làm người động niệm, liền phải biết để phá. Chỉ đề khởi thoại đầu không cho cảnh duyên xoay chuyển. Có người mới vừa được thành, liền nói: "Chẳng cần chống". Ba chữ này làm lầm người, học giả không thể không xét.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, nghi tình chưa phá như đến hố sâu, như đi trên băng, mảy may mất niệm là tan thân mất mạng. Vì nghi tình chưa phá thì đại lý

https://thuviensach.vn

không sáng, một hơi thở không trở lại thì đời này còn bị thân trung ấm lôi kéo, chưa khỏi theo nghiệp thức mà đi, sửa đầu đổi mặt chẳng hiểu chẳng biết. Bởi thế, nên trên nghi lại thêm nghi, đề khởi thoại đầu, chưa sáng quyết định phải sáng, chưa phá quyết định phải phá. Ví như bắt kẻ trộm, cần phải thấy nó.

*

Hạ thủ công phu tu thiền cần phải Khẩn, cần phải Chánh, cần phải Miên Mật, cần phải Dung Hoát. Thế nào là Khẩn ? Mạng người tại hơi thở, đại sự chưa sáng, một hơi thở không trở lại, đường trước mờ mờ chưa biết về đâu, thì không thể chẳng Khẩn. Cổ Đức nói : “Như dây gai thấm nước, một bước gấp một bước”. Thế nào là Chánh ? Người học phải đủ con mắt lựa pháp, một ngàn bảy trăm Tổ sư đều là mô phạm, nếu sai một hào ly thì vào đường tà. Kinh nói : “Chỉ đây một việc thật, còn hai thì chẳng chân”. Thế nào là Miên Mật ? Lông mày cùng hư không kết chặt, mũi kim găm chẳng lủng, nước rưới chẳng ướt, chẳng cho một tí kẽ hở. Nếu có một tí kẽ hở thì ma cảnh theo kẽ hở chui vào. Cổ Đức nói : “Một phút chẳng hiện có, giống như người chết”. Thế nào là Dung Hoát ? Thế giới rộng một trượng thì gương xưa (cổ kính) rộng một trượng, gương xưa rộng một trượng thì lò lửa rộng một trượng, quyết định không cố chấp ở một chỗ. Nắm chặt đầu rắn chết, cũng không kẹt ở hai đầu, mênh mông lênh láng. Cổ đức nói : “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư ”. Thật đến chỗ Dung Hoát thì trong không thấy có thân tâm, ngoài không thấy có thế giới, mới được lối vào. Bốn thứ này chẳng phải có thứ lớp trước sau, cần phải đồng hành.

Khẩn mà không chánh thì uổng dụng công. Chánh mà không Khẩn thì không thể vào. Đã vào cần phải Miên Mật mới được tương ưng. Đã tương ưng phải Dung Hoát mới làm hóa cảnh.

*

Hạ thủ công phu tu thiền không được có một mảy niệm khác. Đi đứng ngồi nằm luôn luôn đề khởi câu thoại đầu đã tham. Phát khởi nghi tình, hẳn phải giải quyết cái ấy cho xong xuôi. Nếu có một mảy may niệm khác, người xưa gọi đó là tạp độc nhập tâm, đâu những hại thân mạng, mà nó hại cả tuệ mạng. Người học không thể không cẩn thận.

Tôi nói niệm khác không phải chỉ pháp thế gian, trừ ngoài câu thoại đầu tâm đang tham cứu, tất cả việc tốt trong Phật pháp đều gọi là niệm khác. Lại, không những việc trong Phật pháp, mà ở trên tâm thể sanh thủ, xả, chấp, buông đều là niệm khác.

*

Hạ thủ công phu tu thiền đối với tất cả sự vật trên đời, nào là đáng yêu đáng ghét đáng mừng đáng buồn, các thứ tình cảm suy nghĩ thảy đều dẹp hết. Chỉ còn cái chánh giác của ta, chẳng đoái hoài những việc khác. Lại, cốt yếu làm một người vô dụng, mặc tình người đến bắt bẻ ta, ta chỉ làm kẻ vô tri vô lý; mặc tình người đến cười chê ta, ta cũng chỉ làm kẻ vô tri vô lý. Ta cốt soi xét cái chánh giác chính mình, không dám biếng trễ để qua thời giờ.

*

Hạ thủ công phu tu thiền, khi thực hành đa số người nói : “Thực hành không tiến”. Chính chỗ thực hành không tiến này, lại gắng thực hành. Như người không biết đường phải cố gắng tìm đường. Không thể nói : “Tìm đường không được, nên bỏ việc tìm đường”. Nếu tìm đường đã được, quý ở chỗ phải đi, đi thẳng đến nhà mới thôi. Không nên ở trên đường dừng nghỉ không đi, thì trọn không có ngày đến nhà.

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ cái tâm lanh lợi, tâm lanh lợi là thứ thuốc kỵ. Người phạm chút ít thuốc kỵ này, thì dù có chân dược hiện tiền cũng không thể cứu được. Nếu thật là người tham thiền thì có mắt như mù, có tai như điếc, khi tâm niệm vừa khởi in như vin vào núi bạc vách sắt. Người được vậy thì công phu mới được tương ưng.

*

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng sợ sai lầm, mà chỉ sợ không biết sai lầm. Mặc dù hành ở chỗ sai lầm, nếu có một niệm biết sai lầm, bèn là nền tảng thành Phật thành Tổ, là con đường ra khỏi sanh tử, là món đồ sắc bén phá lưới ma. Phật Thích-ca trong pháp ngoại đạo mỗi mỗi đều chứng qua, chỉ không chịu ngồi trong hang ổ ấy. Dùng bốn chữ biết sai liền bỏ là từ phàm phu tiến đến quả vị Phật. Ý này đâu riêng trong pháp xuất thế, ở trong pháp thế gian nếu có chỗ sai lầm, chỉ cần dùng một câu biết sai liền bỏ là được thành người tốt đẹp ở thế gian. Nếu kẻ cố ôm cứng chỗ sai lầm cho là phải, không chịu biết sai, dù có Phật sống hiện ở trước, cũng không thể nào cứu được người ấy.

Hạ thủ công phu tu thiền không nên tránh chỗ ồn tìm chỗ vắng, lim dim nhắm mắt, ngồi trong hang quỉ cho là kế sanh sống. Người xưa nói : “Ngồi dưới núi tối, chìm trong nước chết thì cứu được việc gì ?” Chỉ cần ngay trong cảnh duyên thực hành kỳ được, mới là chỗ đắc lực. Một câu thoại đầu để trên trán, đi đứng nằm ngồi, mặc y, ăn cơm, tiếp người đợi khách cần yếu thấu suốt được chỗ tột cùng của một câu thoại đầu. Một sáng, khi rửa mặt rờ được chót mũi, mới biết lâu nay nó rất gần, thế

https://thuviensach.vn

là được tỉnh lực. Thật được thế rồi, mới hoàn toàn không uổng phí công phu.

*

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ nhận thức thần làm Phật sự. Hoặc nhướng mày nheo mắt, lắc đầu xoay mặt cho là có ít nhiều kỳ đặc. Nếu bám vào thức thần để làm việc, chắc chắn sẽ rơi vào ngoại đạo không nghi. Quả là chạy trên đường lạc lầm, rất đáng tiếc vậy !

*

Hạ thủ công phu tu thiền chỉ tại dụng tâm trên một công án, không nên trên tất cả công án giải hội. Nếu giải được, trọn là giải hội, không phải là ngộ. Kinh Pháp Hoa nói : “Pháp ấy không phải chỗ suy nghĩ phân biệt hay đến được”. Kinh Viên Giác nói : “Lấy suy nghĩ làm tâm, xét lường cảnh giới Viên giác của Như Lai, như đem lửa đom đóm đốt núi Tu Di, trọn không thể được”. Ngài Động Sơn nói : “Nghĩ đem tâm ý học huyền tông (Thiền tông), giống hệt đi hướng tây mà mặt hướng đông”. Phàm người đào bới công án, cần phải dưới da có máu, biết hổ thẹn mới được.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ rơi vào Không. Song thoại đầu hiện tiền làm sao Không được ? Đây chỉ sợ rơi vào Không, mà chẳng được Không, huống là được thoại đầu hiện tiền ?

✍

B. CHỈ CHUNG MẬT TRUYỀN PHẬT PHÁP :

Đức Thích-ca bỏ nhà đi học đạo, nhiều luận giả bàn rằng : “Ngài phế bỏ luân lý kỷ cương”. Họ đâu biết, chính Ngài chưa từng bỏ vậy. Như sau khi thành Phật, Ngài nghĩ đến độ vua cha và độ bà Ma-da, kế độ Da-du-đà-la, La-hầu-la và sau độ A-nan v.v… Đó là luân lý vua tôi cha con vợ chồng anh em đều chưa từng bỏ. Thế mà, bảo rằng Ngài phế bỏ luân lý kỷ cương được sao ?

Song, muốn nói phế bỏ là căn cứ vào hàng Tỳ-kheo mà nói, chớ hàng Tể quan cư sĩ đều không bỏ nhiệm vụ Quốc gia, mà vẫn học đạo tu chân, thì đâu thể nói phế bỏ luân lý kỷ cương ?

Giả như, Phật dạy những người không sáng suốt, chỉ biết ham nuôi miệng bụng, chẳng xét đến việc trì trai giữ giới, quý người khinh vật, chặt chém các loài động vật đồng như cây cỏ, chẳng biết các loài bàng sanh (động vật) đều gọi là chúng sanh, đều có Phật tánh. Dùng gấm lụa để làm đồ trang sức đẹp, không biết giết muôn mạng côn trùng để làm sáng đẹp thân bọt bèo, đáng tiếc vậy. Trăm vị trân tu lấy làm ngon lành, không biết đã nấu nướng bao nhiêu sanh mạng của loài thủy tộc thú cầm, để dồn đầy lỗ ghẻ đói, tội rất lớn. Bẫy chim săn thú trùm khắp núi rừng, đánh lưới giăng câu dẫy đầy biển cả, bò heo nai dê bán đầy chợ búa, cá tôm cua trạnh bày các nẻo đường, làm theo thói quen an nhiên chẳng sợ, không biết kết oán mang nợ, đền trả không cùng.

Ca hay múa giỏi, đàn nhạc thanh tao, gái yêu trai mến, lòng thích ý ưa, anh hiền hào kiệt xem nghe mê mệt, đâu biết biển dục không bờ, nó vốn cội nguồn sanh tử.

Gặp hội trúng thời tranh danh giành lợi, dặm tắt vinh hoa, đường dài phú quý, người bậc trung trở lên thảy đều mắc kẹt, không biết nó vô thường như huyễn hóa bọt nổi, lại là gốc trầm luân.

Trói buộc tình duyên, mến thương cốt nhục, khổ vui đầy tâm, niệm sanh tử cột chặt, không biết có giải thoát vậy. Vọng phân nhân ngã kết thành ân oán, không biết có bình đẳng vậy. Lại chỉ bàn việc hiện tại, họ đâu biết thân đời sau do nhân quả thiện ác, mà trải qua ngàn đời muôn kiếp chịu quả báo không cùng. Phật pháp rất rõ ràng rành rẽ đến thế, những người trái phạm như xưa tuy nhiều, song người vâng dạy tu hành cũng chẳng ít. Phật pháp làm cây cầu cho thế đạo đâu chẳng lớn sao ?

Nho là pháp thế gian, dùng làm kỷ cương danh giáo để gìn giữ việc sanh tiền, Phật là pháp xuất thế, dùng để nuôi luyện tánh linh, mong đời sau được tiến lên. Hai bên vốn không hại nhau, ngại gì cả hai chẳng đồng còn.

*

Có kẻ bảo : “Người học Phật đem tâm cầu tâm, ấy là lấy tâm dụng tâm, in tuồng hai tâm”. Họ không biết rằng tâm là linh minh lặng lẽ viên dung vô ngại, bao gồm muôn pháp, trùm hết mười phương, rất linh rất diệu, tâm chỉ một mà thôi, chớ không có hai. Bởi nó viên dung vô ngại, nên ngoài quán trăm vật, chỉ một tâm này, trong quán một tâm cũng chỉ một tâm này. Ngoài quán trăm vật gọi là phóng quang, trong quán một tâm gọi là phản chiếu. Hay phóng quang lại hay phản chiếu là lý do tâm này linh diệu. Mặt trăng hay soi vạn vật mà không thể soi trở lại mặt trăng, gương hay soi vạn tượng cũng không thể soi trở lại gương. Do đó hai cái sáng này đều không có linh vậy.

Tâm hay quán vạn vật, lại hay phản chiếu tâm linh chính mình. Tâm mình là nhiễm hay tịnh, là Thánh hay phàm thì tâm tự biết đó, ấy tức là đem tâm quán tâm. Không phải bảo bị quán là một tâm, hay quán là một tâm. Tâm đã hay quán trăm vật bên ngoài, lại quán tâm ở bên trong. Cái dụng của mắt tai công năng một chỉ là một không thể hai, lấy một làm một đó là căn cứ trên hình tướng. Tâm hay một

https://thuviensach.vn

mà cũng hay muôn, lấy muôn làm một, đó là thần. Thế là, tâm hay quán tâm.

Phàm muốn tâm được tịnh, bỏ nhiễm thì được tịnh. Cái gì hay làm thế ? Tâm vậy. Gọi đó là "đem tâm quán tâm" thì được, gọi đó là "đem tâm cầu tâm" cũng được, gọi đó là "lấy tâm dụng tâm" thì không được. Nếu nói : "lấy tâm quán tâm là hai tâm" thì đem tâm giác trăm vật, tức phải là trăm tâm vậy.

Luận giả bảo : "Người học Phật chỉ chú trọng hướng nội, còn nghĩa bên ngoài thì chưa được nghe". Người học Phật chú trọng hướng nội là phải. Bởi vì người học Phật dùng Chỉ dứt tâm lăng xăng, gọi là lặng lẽ; dùng Quán để trừ mờ tối, gọi là tỉnh táo. Chỉ mà thường Quán thì Chỉ không phải vô ký. Quán mà thường Chỉ thì Quán không phải loạn tưởng. Định như quả đất tám gió thổi chẳng động. Tuệ như mặt trăng sáng soi khắp vạn vật không sót. Lấy tuệ làm định thì thể định trong sáng. Lấy định làm tuệ thì dụng tuệ lặng lẽ. Chỉ Quán làm nhân, Định Tuệ làm nghiệp. Công do trước giữ giới luật, oai nghi thanh tịnh; chú trọng do hướng nội, có thể nói rất thích hợp với Nho giáo.

Song, thân tâm đều kiện toàn, hạnh giải được tương ưng. Bên trong tu trí quán, bên ngoài oai nghi nghiêm chỉnh. Bố-tát yết-ma (Bố-tát là họp chúng tụng giới và chỉ lỗi cho những người có phạm sám hối. Yết-ma là hòa hợp chúng để tuyên bố một việc gì, nếu toàn chúng đều ưng thuận mới được làm.) là tôn trọng pháp tắc của Phật đế lại. Sáu độ muôn hạnh là trang nghiêm Phật sự. Nói không sát, làm thương hại các loài bò bay máy cựa là phạm tội sát. Nói không trộm, mũi ngửi lén mùi hương của hoa dưới hồ, là phạm tội trộm. Nói chẳng dâm, cách vách nghe tiếng khua vòng xuyến khởi tâm, là phạm tội dâm. Nói chẳng tham thì một cọng rau một mũi kim cũng không dám tham. Nói chẳng sân thì các bộ phận trong thân bị cắt xẻo cũng không dám giận. Nói chẳng si là Đẳng giác Như Lai, dù còn một phần vô minh chưa phá cũng gọi là si. Nghĩa ở bên ngoài là nghiêm là mật vậy. Kẹt cứng ở chỗ khô khan đó là hàng Tiểu thừa Độc giác, không phải là môn Viên đốn Đại thừa. Sơ lược để rồi buông lung là cuồng thiền phóng dật. Trái giới luật Bồ-tát là tội tại người học, chớ Phật có tổn giảm gì ?

Phương pháp Phật dạy nghiêm nhặt như thế, đây đều là từ kim khẩu của Phật truyền lại, chép rành trong kinh, văn thể rõ ràng, đâu thể nói rằng phương pháp phi nghĩa.

Luận giả bảo : "Nho giáo cầu phóng tâm giống như Phật giáo nói nhập định. Nhưng, Phật giáo đến chỗ này bèn như tâm chết không chủ tể". Câu nói này in tuồng đúng mà thật là sai. Phóng tâm là tâm chạy ngàn muôn dặm, không thắng được cái chớp nhoáng lăng xăng của nó, tìm bắt nó còn chưa chắc nắm được trong tay. Định tâm là tâm nhiếp vào một cảnh, rồi tự lặng lẽ an ổn, dần dần tự nhiên phát tuệ sáng. Nói định tâm như chết, tức là không biết định vậy.

Phật giáo nói Chỉ ắt gồm có Quán. Nói lặng ắt gồm có soi. Có Không Như Lai tạng thì một pháp chẳng lập. Có Bất Không Như Lai tạng thì muôn pháp đầy đủ. Như chỉ có một vầng trăng mà rọi bóng trên muôn lượn sóng; muôn lượn sóng mỗi lượn có một bóng mặt trăng, mà mặt trăng chỉ có một. Một vị nước mưa cam lồ mà cứu được muôn loài. Muôn loài, mỗi loài có một thứ nước mưa, mà trên nước mưa chỉ có một vị.

Khi tâm khởi dụng thiên đường thì có dục giới, sắc giới, vô sắc giới, tột đến hoa hương đài. Khởi dụng địa ngục thì có cột đồng giường sắt. Biến thành hoa tạng thì vua quan do Bồ-tát ứng hiện, con ốc con hến con cáp là đại sĩ hóa thân, các thứ tác dụng, các thứ sự nghiệp, thảy đều từ trong tịnh định mà hiện. Bảo là tâm chết có thể được sao ?

*

Luận giả bảo : "Phật nói là Tánh, chính Thánh nhân nói là Tâm. Phật nói là Tâm, chính Thánh nhân nói là Ý. Phật nguyên không nhận được lý này, bèn nhận hiểu biết vận động, hay xem hay nghe, hay nghĩ hay động là chính lý". Câu nói này rất lầm. Phật giáo nói tâm tánh nguyên chỉ là một vật. Trong khoảng trời đất có một cái thanh tịnh rộng lớn lóng lặng tròn sáng, gọi là Tánh. Chỗ tánh linh thông gọi là Tâm. Tánh như thể sáng của gương, tâm như dụng chiếu soi của gương. Tuy nói có hai, kỳ thật chỉ là một vật. Không chỗ nào chẳng gồm ở trong, gọi chung là Tánh. Tánh mà linh thông bèn gọi là Tâm. Như núi sông đất cát cỏ cây ngói gạch đều có tánh. Chỉ tánh người hay linh thông tri giác, mới gọi là tâm. Núi sông đất cát cỏ cây ngói gạch chỉ gọi là tánh, không gọi là tâm. Phật sở dĩ nói tâm là cái thanh tịnh lóng lặng tròn sáng gọi nó là bản giác, là Bát-nhã, là Tỳ-lô tánh hải, là Mâu-ni bảo châu.

Nói Ý chính là thức thần của tâm người, là gốc của sanh tử. Phật sở dĩ viên tu diệu ngộ vì quyết chuyển thức thần này trở thành trí tuệ, nên gọi chuyển phàm thành Thánh. Bởi vì phàm phu cùng Thánh nhân vốn đồng đủ tâm tánh này. Phàm phu mê chân theo vọng, do đó trí tuệ hóa làm thức thần. Thánh nhân phá vọng về chân, do đó thức thần chuyển thành trí tuệ.

Ý là cái bị Phật quở trách. Vì thế, bảo "Phật nói Tâm, chính Thánh nhân nói Ý", lời này lỗi lầm rất lớn vậy.

Phật trở về chân, thì hiểu biết vận động xem nghe nói động, hay xem hay nghe, hay nói hay động, thảy đều là tánh. Phàm phu theo vọng, thì hiểu biết

https://thuviensach.vn

vận động xem nghe nói động, hay xem hay nghe hay nói hay động, thảy đều là vọng. Bảo rằng : "Phật chỉ nhận được hay xem nói động chính là tánh", đâu không phải là ngu ? Cái hay xem hay nghe hay nói hay động, gọi nó chẳng phải tánh thì không được. Bảo rằng Phật nói "Tánh thanh tịnh lóng lặng tròn sáng chỉ tại xem nghe nói động mà được tên" lại có lẽ phải ư ?

Phàm nói tánh là Như Lai hội một tánh vào một tông chung. Nói lý là Như Lai nói muôn lý nơi sự vật. Lý rất rộng rãi, ngang trùm pháp giới. Lý rất tinh vi, chia chẻ một mũi nhọn cũng khó chen vào. Nhị thừa phá kiến hoặc tư hoặc, tột lý vẫn còn thô. Bồ-tát phá vô minh, cùng lý rất tinh. Bậc Đẳng giác còn một phần vô minh chưa phá, thì lý còn có ngại. Vào bậc Diệu giác, về sau một chân thấu tột, muôn dặm rỗng suốt mà nói chẳng nhận được chữ lýù đó là lời gì. Phàm lý có tự nhiên, an bài đã cách xa. Lý có mỗi nơi, vùa gom tức trái. Chẳng an bài mà có, chẳng vùa gom mà hợp, đây là Phật lý rất chí diệu.

*

Trí tuệ chuyển hóa làm thức thần. Tri kiến càng nhiều thì tánh linh càng mờ. Mặc người nói lý khúc chiết, ngữ ngôn vi diệu, trọn là ở trong nhà quỉ tìm kế sống, trêu đùa tinh hồn. Đâu biết dẹp hết danh ngôn, quét sạch nghĩa lý, đem tất cả cội gốc lý lẽ bình nhật, một lúc lật đổ hết sạch, mà trung gian chỉ biết huân quán Bát-nhã, lặng lẽ tỉnh táo bỗng nhiên như luồng điện chớp, hoa sen chợt nở, gọi là đại ngộ. Bởi vì câu thoại đầu của nhà thiền chánh diệu, chính không có ý vị, bỏ phân biệt được tự tại, chuyển thức thần thành Bát-nhã. Cần biết, Lục Tổ là người tiều phu, không biết một chữ mà được chứng ngộ. A-nan là người đa văn tổng trì, do đa văn quét sạch, sau mới ngộ chân không, bởi có lý do vậy.

*

Luận rằng : "Phật chỉ nhận được nhân tâm, không nói đến đạo tâm". Đâu biết chỗ Phật rất quở trách là nhân tâm, chỗ rất tu là đạo tâm. Có thiện không ác là đạo Phật tâm thì các ác sạch hết muôn thiện đồng về. Có tịnh không nhiễm là đạo Phật tâm thì một mảy bụi không dính, muôn đức tròn sạch. Có thể có dụng, ấy là đạo Phật tâm thì lặng mà thường soi, soi mà thường lặng. Lấy không trụ tánh tướng làm tông, lấy sự lý vô ngại làm nguyên tắc, Phật toàn là giác, giác toàn là đạo. Nhân tâm gọi là thức thần, gọi là pháp nhiễm, là sáu căn vọng dụng, là tám thức thịnh hành, là cội gốc sanh tử, là hạt giống trong tam đồ. Sở dĩ Phật chuyên cần tu hành vì trừ riêng tâm này. Bảo rằng : "Phật chỉ nhận được nhân tâm", thật là không biết Phật đó vậy.

*

Phật nói không niệm, là không vọng niệm, chánh niệm chẳng dẹp bỏ, trí Bát-nhã hiện còn. Ngoại đạo nói không tưởng, chánh niệm bị dẹp bỏ, không có trí Bát-nhã huân quán vậy.

*

- Định hay sanh tuệ, tuệ cũng hay sanh định chăng ?

- Tuệ sanh định lại nhanh hơn định sanh tuệ. Định sanh tuệ như nước lóng đứng các vật thảy soi hình. Tuệ sanh định như ánh sáng ngọn đèn, một phen thắp lên thì tối tăm liền hết. Diệu Hỷ nói : "Người nói tĩnh (lặng) rồi mới ngộ, ta nói ngộ rồi mới tĩnh (lặng). Khi chưa ngộ thì tâm thức lăng xăng, khi ngộ rồi mới khẳn niêm một chỗ".

*

- Vô tình là Phật chăng ?

- Vô tình là Phật.

- Người chết lẽ ưng là Phật ?

- Nói vô tình là vô phàm tình, chẳng phải vô Thánh tình.

- Sao gọi là Thánh tình ? Sao gọi là phàm tình ?

- Không phân biệt phải quấy, đối trên tất cả cảnh, tất cả pháp, chẳng chấp chẳng trước, ấy gọi là Thánh tình. Có phân biệt phải quấy, đối trên tất cả cảnh sanh chấp trước, ấy gọi là phàm tình. Không phàm tình, có Thánh tình, có tình mà cũng vô tình vậy.

☸

https://thuviensach.vn

TIỂU SỬ

Thiền sư Oánh Sơn là Tổ khai sơn chùa Tổng Trì núi Chư Nhạc, là cháu nối pháp đời thứ tư của Thiền sư Đạo Nguyên khai Tổ tông Tào Động ở Nhật Bản. Sư tục danh là Thiệu Cẩn, họ Đằng Nguyên, hiệu Oánh Sơn, sanh ngày mùng 8 tháng 10 niên hiệu Văn Vĩnh thứ năm. Thuở nhỏ, Sư có tư cách lạ thường, lớn lên không thích ở trần tục. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia với Hòa thượng Cô Vân chùa Vĩnh Bình. Năm ấy, Hòa thượng Cô Vân khuyên Sư y chỉ với Thiền sư Triệt Thông Nghĩa Giới. Năm 18 tuổi, Sư bắt đầu đi du phương, trước nương học với Thiền sư Tịch Viên, kế tham học với các ngài Bảo Giác chùa Vạn Thọ, Huệ Hiểu chùa Bạch Vân v.v... sau học tông Thiên Thai với ngài Duệ Sơn, tham cứu diệu chỉ thiền môn với Quốc sư Pháp Đăng, song Sư vẫn chưa thấy đủ, Sư trở về hầu hạ Thiền sư Nghĩa Giới, ngày đêm tham vấn không biết mệt mỏi. Một hôm Thiền sư Nghĩa Giới thượng đường nói câu "Bình thường tâm thị đạo", nghe qua Sư hoát nhiên triệt ngộ, lúc ấy hai mươi bảy tuổi. Năm sau, Sư vào thất đắc pháp nơi Thiền sư Nghĩa Giới.

Từ đây về sau, Sư chuyên cần hóa đạo, khai sáng chùa Thành Mãn ở A Ba, chùa Tổng Trì, chùa Vĩnh Quang ở Năng Đăng (Đông Kinh), chùa Tịnh Trụ ở Gia Hạ. Sau Sư trụ trì chùa Đại Thừa ở Gia Hạ, chấn hưng tông phong. Niên hiệu Nguyên Hưởng năm đầu vào mùa thu, Đề Hồ Thiên Hoàng hâm mộ danh đức của Sư, xin giải mười điều nghi vấn, Sư tấu đáp rành rẽ, vua rất đẹp ý ban thưởng tử y. Tháng 9, vua sắc tứ ba chữ lớn Tổng Trì Tự và đặc thăng Sư Nhất Đẳng Tăng Cang tại chùa Đại Quan.

Hai năm sau, Sư vâng lệnh vua tổ chức đạo tràng xuất thế cho tông Tào Động, được vua ban thưởng tử y. Sư truyền pháp tịch cho môn đệ là Nga Sơn Thiệu Thạc, rồi lui về chùa Vĩnh Quang.

Niên hiệu Chánh Trung năm thứ hai vào tháng 8, Sư có chút bệnh. Ngày 15, Sư sai thị giả tập họp đồ chúng để dặn bảo. Dặn bảo xong, Sư cầm viết biên bài kệ rồi ngồi kiết già thị tịch. Kệ rằng :

Tự canh tự chủng nhàn điền địa,

Kỷ độ mại lai, mãi khứ tân,

Vô hạn linh miêu phiền mậu xứ,

Pháp đường thượng kiến sáp thiêu nhân.

Dịch:

Mảnh đất an nhàn tự gieo trồng,

Buôn qua bán lại biết bao lần,

Mầm linh nảy nở khôn cùng tận,

Cày cấy vẫn còn trên pháp đường.

Sư thọ năm mươi tám tuổi, được bốn mươi sáu tuổi đạo, linh cốt chia bốn chùa Đại Thừa, Vĩnh Quang, Tịnh Trụ, Tổng Trì xây tháp thờ phụng.

Đệ tử nối pháp của Sư là Minh Phong, Nga Sơn, Vô Nhai, Khổn Am, Cô Phong, Trân Sơn v.v...

Ngoài tác phẩm Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, Sư còn trước tác Truyền Quang Lục, Oánh Sơn Thanh Quy, Tam Căn Tọa Thiền Thuyết, Tín Tâm Minh Niêm Đề v.v...

Về sau, Thôn Thượng Thiên Hoàng khen ngợi công lao Sư, ban hiệu "Phật Tử Thiền sư", Đào Viên Thiên Hoàng ban hiệu "Hoằng Đức Viên Minh Quốc sư". Minh Trị Thiên Hoàng lại ban hiệu "Thường Tế Đại sư" và tông Tào Động sau này gọi Sư là Thái Tổ.

TỌA THIỀN DỤNG TÂM KÝ

Quốc sư Viên Minh hiệu Oánh Sơn ở Chùa Tổng Trì Tuyển

Phàm tọa thiền thẳng khiến người mở sáng tâm địa, an trụ chỗ bổn phận. Chỗ ấy gọi là "bản lai diện mục" (mặt thật xưa nay), cũng gọi là "bản địa phong quang" (chỗ đất mát mẻ sáng suốt). Thân tâm đều quên mất, ngồi nằm đồng xa lìa. Cho nên không nghĩ thiện, không nghĩ ác, siêu cả phàm thánh, vượt khỏi xét bàn của mê ngộ, rời bờ mé Phật và chúng sanh. Thế nên, bỏ hết muôn việc, buông sạch các duyên, tất cả không làm, sáu căn không tạo tác. Cái ấy là cái gì? – Chưa từng biết tên, không phải thân, không phải tâm, muốn suy nghĩ thì suy nghĩ bặt, muốn nói năng thì nói năng cùng, như ngu như ngây, núi cao không bày đảnh, biển sâu không thấy đáy không đối duyên mà chiếu. Mắt sáng ngó xuyên cả mây, không suy nghĩ mà thông, biết khắp mà không nói, ngồi trong trời đất riêng bày toàn thân, không phải chỗ suy tính của đại nhân, lặng lẽ tợ hồ người chết. Không có cái gì che lấp được mắt, không một mảy bụi dính được chân, thì chỗ nào có bụi bặm ? Vật gì làm chướng ngại ? Nước trong vốn không trên dưới, hư không trọn không trong ngoài, trong trẻo sáng suốt, tự chiếu thần diệu, sắc không chưa phân, cảnh trí đâu lập, từ xưa đến nay chung ở đã nhiều kiếp mà không có tên. Đức Tam Tổ gọi là tâm, ngài Long Thọ gọi là thân. Nó biểu hiện tánh, tướng và thể

https://thuviensach.vn

của chư Phật. Tướng mặt trăng tròn sáng này không thiếu khuyết, không dư thừa. Tức tâm này là Phật, tự mình sáng chiếu thấu xưa suốt nay, được cái biến tướng của ngài Long Thọ, thành Tam-muội của chư Phật. Tâm vốn không hai tướng, thân lại có hình tướng khác. Duy tâm hay duy thân, không nói khác hay đồng. Tâm biến thành thân, thân hiện bày tướng phần của tâm. Một lượn sóng vừa khởi muôn lượn sóng tiếp dậy, tâm thức vừa khởi muôn pháp đua nhau sanh. Bởi thế, tứ đại ngũ uẩn hòa hợp, tứ chi ngũ căn hiện thành, cho đến ba mươi sáu vật, mười hai nhân duyên tạo tác đổi dời lần lượt tiếp nối, chỉ do các pháp hợp thành mà có. Sở dĩ tâm như nước biển, thân như sóng mòi, ngoài nước biển không có một lượn sóng, ngoài sóng mòi không có một giọt nước. Nước và sóng không riêng, động và tịnh không khác. Cho nên nói : “Chết sống đến đi người chân thật, tứ đại ngũ uẩn thân không hoại”.

Nay tọa thiền chính là vào biển Phật tánh, tức là nêu bày cái thể chư Phật, cái diệu tịnh minh tâm saün có chóng hiện tiền. Một phần sáng suốt xưa nay được hoàn toàn viên chiếu. Nước biển không thêm bớt, sóng mòi cũng không lui sụt. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện ra đời là chỉ thẳng chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, mà có diệu thuật tịch tĩnh vô lậu đó là tọa thiền. Tọa thiền tức là cái Tam-muội chư Phật tự thọ dụng, cũng gọi là Tam-muội vua Tam-muội. Nếu một khi an trụ trong Tam-muội này, liền mở sáng tâm địa, khéo biết cửa chánh vào Phật đạo.

Người muốn mở sáng tâm địa phải buông bỏ những cái hiểu biết tạp nhạp, ném quăng cả thế pháp và Phật pháp, chặt đứt tất cả vọng tình, hiện thành một tâm chân thật, mây mê mờ quét sạch thì mặt trăng tâm mới sáng soi. Phật nói : “Nghe (văn), suy nghĩ (tư) như ở ngoài cửa, tọa thiền chính là trở về ngồi an ổn trong nhà”. Thật vậy, nếu nghe suy nghĩ các kiến giải chưa dứt, tâm địa còn ràng buộc, cho nên như ở ngoài cửa; chỉ có tọa thiền bỏ hết tất cả không còn chỗ nào chẳng thông, nên tợ người trở về ngồi an ổn trong nhà. Ngũ cái phiền não là từ vô minh khởi, vô minh là không rõ biết mình, mà tọa thiền là rõ biết mình. Mặc dù đoạn ngũ cái mà chưa đoạn vô minh không phải là Phật Tổ; nếu muốn đoạn vô minh, tu tập tọa thiền là bí quyết. Cổ nhân nói : “Vọng dứt thì tịch sanh, tịch sanh thì trí hiện, trí hiện thì thấy chân”. Nếu muốn diệt tận vọng tâm, phải thôi nghĩ thiện ác, lại tất cả công việc đều buông bỏ hết, tâm không nghĩ, thân không việc, ấy là chỗ dụng tâm bậc nhất vậy.

Khi các vọng duyên hết thì vọng tâm cũng theo đó mà diệt. Vọng tâm nếu diệt thì cái thể bất biến hiện bày, rõ ràng thường biết, không phải pháp tịch diệt, không phải pháp động tác. Song, các thứ kỹ nghệ, pháp thuật, thuốc thang, bói tướng đều phải xa lìa, huống là những việc ca, múa, kỹ nhạc, tranh cãi, cười giỡn, danh tướng, lợi dưỡng ắt không nên gần. Những thứ văn thơ thi phú, tuy nó là nhân duyên tịnh tâm, nhưng chớ ham tạo tác. Văn chương bút nghiên đều ném đi không dùng. Ấy là lối bậc nhất của người hành đạo, là pháp thiết yếu của người điều tâm.

Y phục đẹp và dơ đều không nên mặc. Mặc y phục đẹp thì sanh tham, lại sợ trộm cướp, cho nên là chướng nạn của người hành đạo. Nếu đủ nhân duyên có, hoặc được người cúng dường mà không thọ dụng, đó là cái nếp đẹp của xưa nay. Giả sử đã saün có thì chớ quan tâm, trộm cướp có lấy cũng không tìm kiếm hối tiếc. Y phục dơ và cũ phải giặt sạch vá lành rồi sẽ mặc. Không giặt sạch đất mồ hôi đóng mà mặc thì thân phát bệnh lạnh, lại là nhân duyên chướng đạo. Tuy nhiên không cần thân mạng, nhưng mặc không đủ, ăn không đủ, ngủ không đủ, ba việc ấy không đủ đều là nhân duyên lui sụt. Tất cả thức ăn, vật sống, vật cứng, vật tổn hại, vật ô uế đều không nên ăn; nếu ăn ruột kêu, thân tâm nóng nảy, ngồi thiền bứt rứt. Tất cả thức ăn ngon không nên ưa thích, không những thân tâm phiền loạn, mà lại niệm tham khó dứt. Ăn chỉ để sống không nên đắm mê mùi vị. Nếu ăn no ngồi thiền liền là nhân duyên phát bệnh. Sau bữa ăn không nên ngồi liền, đợi qua một lúc rồi sẽ ngồi. Phàm Tỳ-kheo ắt phải ăn có chừng mực tiết độ. Ăn có chừng mực tiết độ là ăn có phần hạn. Trong ba phần chỉ ăn hai phần còn dư một phần. Tất cả thuốc phong, mè, khoai mài v.v... nên thường uống. Đó là yếu thuật điều thân vậy.

Khi tọa thiền không nên nương dựa tường, vách, ghế và đồ ngăn che, lại không nên ngồi chỗ gió mạnh, chỗ cao trống, các thứ đó đều là nhân duyên phát bệnh. Nếu khi ngồi thân hoặc như nóng, lạnh, nhám, trơn, cứng, mềm, nặng, nhẹ, hoặc biết kinh sợ đều là do hơi thở không điều hòa. Phương pháp điều hòa hơi thở, tạm hả miệng ra tùy hơi thở dài cho ra dài, hơi thở ngắn cho ra ngắn, dần dần điều nó, hơi hơi theo nó, khi những cái xúc chạm đến tự nhiên điều hòa, sau rồi lỗ mũi thong thả thở.

Nếu tâm hoặc như trầm, phù, mê, lanh, hoặc trông thấy ngoài thất, hoặc thấy trong thân, hoặc thấy thân Phật, thân Bồ-tát, hoặc khởi hiểu biết, hoặc rành rõ Kinh Luận, những thứ kỳ dị, những tướng lạ lùng v.v... thảy đều là bệnh do niệm và hơi thở không điều hòa. Nếu khi bị bệnh, ngồi an tâm trên hai bàn chân. Nếu khi tâm hôn trầm, an tâm trên mé tóc, hoặc giữa chặng mày. Nếu khi tâm tán loạn, an tâm tại chót mũi, hoặc tại đơn điền. Lúc bình thường tọa thiền an tâm trong lòng bàn tay trái. Nếu tọa thiền đã thuần thục không cần an tâm mà tâm vẫn không tán loạn. Lại những loại sách gia huấn của cổ nhân tuy chiếu sáng lòng người, nhưng không nên xem nhiều, viết nhiều và học nhiều vì đều là nhân duyên loạn tâm.

https://thuviensach.vn

Phàm khi thân tâm nhọc nhằn mệt mỏi đều là nhân duyên phát bệnh. Chỗ nạn lửa, nạn nước, nạn gió, nạn giặc và bên mé biển, bên quán rượu, bên lầu xanh, chỗ đàn bà góa, thiếu nữ, bên kỹ nhạc đều chớ nên ngồi. Quốc vương, đại thần, nhà quyền thế, người đa dục, người danh vọng, người cãi giỡn cũng không nên gần. Phật sự lớn, kinh doanh to tuy là rất thiện, người chuyên toạ thiền cũng không nên làm. Không nên ưa thuyết pháp giáo hóa, vì tán tâm loạn niệm từ đó mà sanh. Không nên ưa đông người, tham đệ tử, không nên làm việc nhiều, học nhiều. Chỗ rất sáng, rất tối, rất lạnh, rất nóng, cho đến chỗ người dạo chơi, giỡn hớt đều không nên ngồi.

Trong tòng lâm, chỗ thiện tri thức, núi sâu, hang thẳm nên dừng ở. Mé nước, núi xanh là chỗ kinh hành. Bên dòng suối, dưới cội cây là chỗ lóng tâm. Hằng quán vô thường là nhân duyên kích phát đạo tâm. Nệm dày trải ngồi mới yên ổn. Đạo tràng phải thanh khiết, thường thắp hương cúng hoa thì Hộ pháp, Thiện thần, Phật, Bồ-tát ảnh hưởng gia hộ. Nếu thờ tượng Phật, Bồ-tát, La-hán thì tất cả ma quỉ không dám phá hại. Thường trụ tâm nơi đại từ, đại bi, công đức toạ thiền vô lượng hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Chớ sanh cao mạn, ngã mạn, pháp mạn, đó là pháp của ngoại đạo phàm phu. Nghĩ thệ đoạn phiền não và thệ chứng Bồ-đề. Chỉ chuyên ngồi thiền tất cả đều không làm, ấy là yếu thuật tham thiền.

Thường nên rửa mắt và rửa chân, thân tâm nhàn tịnh, oai nghi tề chỉnh. Nên bỏ thế tình, cũng đừng chấp đạo tình. Tuy không bỏn xẻn giáo pháp, mà không thỉnh thì chớ nói. Giữ ba lần thỉnh, bốn lần từ, mười lần muốn nói, chín lần thôi. Khóe miệng lên meo như chiếc quạt mùa đông, như cái linh treo trên hư không mặc tình gió bốn phương thổi. Đó là tác phong của kẻ đạo nhân vậy. Chỉ lấy pháp mà không tham người, dụng đạo mà không cống cao mình, ấy là chỗ dụng tâm bậc nhất.

Toạ thiền không can hệ đến Giáo, Hạnh, Chứng mà gồm cả ba đức này. Chứng là lấy đợi ngộ làm qui tắc, không phải tâm toạ thiền. Hạnh là sự thực hành thật tiễn, không phải tâm toạ thiền. Giáo là đoạn ác tu thiện, cũng không phải tâm toạ thiền. Trong thiền tuy có lập giáo mà không phải giáo lý thường. Nghĩa là chỉ thẳng, truyền đạo riêng, hết thảy toàn nói câu thoại đầu, nói không có chương cú, chỗ ý tận lý cùng. Một lời nói trùm hết mười phương, không mảy may nào chưa bày hiện. Thế thì, không phải giáo lý chân chánh của Phật Tổ sao ? Hoặc tuy nói Hạnh lại là cái hạnh vô vi. Nghĩa là thân không làm, miệng không thầm tụng, tâm không suy xét, sáu căn tự thanh tịnh, tất cả không ô nhiễm, không phải mười sáu hạnh của Thanh văn, không phải mười hai hạnh của Duyên giác, không phải lục độ vạn hạnh của Bồ-tát, tất cả không làm, cho nên gọi là Phật. Chỉ an trụ trong Tam-muội chư Phật tự thọ dụng, dong chơi bốn hạnh an lạc của Bồ-tát, đâu không phải cái hạnh thâm diệu của Phật Tổ ư ? Hoặc tuy nói chứng, không chứng mà chứng, là Tam-muội vua của Tam-muội, Tam-muội vô sanh trí phát hiện, Tam-muội nhất thiết trí phát hiện, Tam-muội tự nhiên trí phát hiện, là cửa sáng mở bày trí tuệ của Như Lai, là pháp môn phát xuất hạnh đại an lạc, vượt khỏi cách thức Thánh và phàm, ra ngoài sự xét lường mê ngộ, đâu không phải chứng cái bản hữu Đại giác sao ?

Toạ thiền không can hệ đến giới, định, tuệ, mà gồm cả ba môn học này. Giới là ngừa quấy ngăn ác. Toạ thiền quán toàn thể không hai, buông hết muôn việc, thôi bỏ các duyên, không quan tâm đến Phật pháp và thế pháp, sự quyến luyến của đạo tình và thế tình đều quên sạch, không phải quấy, không thiện ác, đâu còn có cái gì mà phải ngăn ngừa ? Đây là giới tâm địa vô tướng vậy. Định là quán tưởng. Toạ thiền thì quên cả thân tâm, xa lìa mê ngộ, không biến không động, không làm không mê muội, như ngu như ngây, như núi như biển, hai tướng động và tịnh hoàn toàn không sanh, định mà không có tướng định, không có tướng định nên gọi là đại định. Tuệ là giản trạch hiểu biết. Toạ thiền thì cái hiểu biết tự diệt, hằng quên tâm thức, khắp thân là mắt tuệ, không có giản trạch hiểu biết, thấy rõ Phật tánh vốn không mê lầm, ngồi dứt ý căn liền được rỗng rang thấu suốt, ấy là tuệ mà không có tướng tuệ, không có tướng tuệ nên gọi là đại tuệ. Những giáo pháp một đời đức Phật nói đều thu gồm trong giới, định, tuệ; nay toạ thiền không giới nào mà chẳng giữ, không định nào mà chẳng tu, không tuệ nào mà chẳng thông. Hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn đều nương thần lực toạ thiền. Thần thông, diệu dụng, phóng quang, thuyết pháp trọn do toạ thiền vậy. Tham thiền cũng là toạ thiền.

Muốn toạ thiền trước nên chọn chỗ yên tịnh, đệm hoặc nệm lót ngồi phải dày, trải chỗ không có gió, khói vào và mưa mù lọt vô, gìn giữ bao bọc hai đầu gối, chỗ ngồi phải thanh khiết. Tuy xưa có nhiều vị ngồi trên tòa Kim cang hay trên bàn thạch, nhưng đều có vật lót ngồi. Chỗ toạ thiền nên ban ngày không sáng lắm, ban đêm không tối lắm, mùa đông thì ấm, mùa hạ thì mát, ấy là diệu thuật vậy. Buông bỏ tâm ý thức, dứt hết niệm tưởng quán, chớ mong làm Phật, đừng nghĩ thị phi, khéo gìn giữ quí tiếc ngày giờ như cứu lửa cháy đầu. Như Lai ngồi thẳng, Đạt-ma ngồi xây mặt vào vách tại chùa Thiếu Lâm nhồi thành một khối đều không việc gì khác. Ngài Thạch Sương toan làm cây khô bị Thái Bạch trách là ngồi ngủ. Không dùng thắp hương, lễ bái, niệm Phật, tu sám, xem kinh, trì tụng, chỉ chú trọng toạ thiền mới được.

Đại để khi toạ thiền nên đắp ca-sa. Bồ đoàn không phải trùm hết bàn ngồi mà chỉ phân nửa ở sau xương cùng và cái mông, đó là pháp Phật Tổ

https://thuviensach.vn

đã ngồi. Hoặc ngồi bán già hoặc ngồi toàn già. Cách ngồi toàn già, trước kéo chân mặt để lên đùi trái, kéo chân trái để lên đùi mặt, nới rộng dây lưng cổ áo, gìn giữ cho tề chỉnh. Kế lấy tay mặt để lên bàn chân trái, tay trái để lên bàn chân mặt, hai đầu ngón tay cái ngay nhau và tay sát vào thân, chỗ đối đầu hai ngón tay cái nên ngay rún. Ngồi thân ngay thẳng không được nghiêng bên trái hay bên phải và cong tới trước hay ễnh lại sau. Lỗ tai và bả vai, chót mũi và rún nhất định ngay nhau. Lưỡi để lên ổ gà, hơi thở thông hai lỗ mũi, môi và răng vừa khít, mắt nên mở rõ không to, không híp lại. Như thế điều thân rồi, kế đến điều hơi thở. Phải hả miệng thở hơi một vài lần. Kế ngồi yên chuyển thân bảy tám lần, từ thô đến tế ngay thẳng mà ngồi. Bấy giờ suy nghĩ cái tột cùng không suy nghĩ. Suy nghĩ thế nào ? Nghĩa là không suy nghĩ, đó là yếu pháp tọa thiền. Thẳng phá dẹp phiền não thân chứng Bồ-đề.

Nếu muốn xuất định, trước lấy hai bàn tay vẫn để ngửa, để lên hai đầu gối, động thân bảy tám lần từ tế đến thô, hả miệng thở hơi, duỗi hai tay chống đất nhẹ nhẹ đứng dậy, bước đi chậm chậm, nên chuyển phía thuận và đi theo phía thuận.

Trong lúc ngồi, nếu có hôn trầm đến, thường nên động thân, hoặc mở mắt to, hoặc an tâm trên đảnh, nơi mé tóc, giữa chặng mày. Nếu chưa tỉnh, lấy tay xoa áp vào hai mắt, hoặc xoa khắp thân; vẫn chưa tỉnh, đứng dậy đi kinh hành, cần phải đi phía thuận, kinh hành khoảng trăm bước hôn trầm ắt phải tỉnh. Phương pháp đi kinh hành, một hơi hít vô thở ra bước một bước, đi mà như không đi, vắng lặng không động. Đi kinh hành như thế nếu chưa tỉnh, lấy nước rửa hai con mắt và vỗ trên đảnh, hoặc tụng bài tựa Bồ-tát giới, dùng các phương tiện cho hết buồn ngủ. Phải quán sự sanh tử là trọng đại, vô thường mau gấp, đạo nhãn chưa sáng ngủ nghỉ làm gì ? Hôn trầm vừa đến nên phát nguyện : “Nghiệp tập đã dày nên nay bị hôn trầm che đậy, mờ mịt này đến bao giờ tỉnh ? Nguyện Phật Tổ duỗi lòng đại bi nhổ cái khổ mê muội nặng nề cho con !”

Nếu khi tâm tán loạn, an tâm nơi chót mũi và đơn điền, đếm hơi thở ra vào. Vẫn còn chưa hết, đề khởi chiếu cố công án. Như “Ấy vật gì ở đâu đến”, “Con chó không có Phật tánh”, “Hòn núi Tu Di ở Vân Môn”, “Cây bá của Triệu Châu” v.v... không cần thấm nhuần hương vị của câu nói, thế là thích hợp. Vẫn còn tán loạn, tưởng mình khi tắt thở, hai mắt nhắm nghiền, người cứng đờ, lấy đó làm công phu tọa thiền. Hoặc tưởng khi còn trong bào thai chưa sanh, trước khi chưa khởi một niệm, lấy đó làm công phu thực tập. Hai cái không này được sanh thì tán loạn ắt dứt.

Sau khi xuất định, không để ý mà vẫn hiện oai nghi, được vậy tức thành công án; không cố tâm xoay lại mà thành tu chứng, công án được thành; đó là tin tức báo điềm trước, là nhân duyên bờ mé kia của không kiếp. Cái then chốt thiết yếu máy linh của Phật Tổ chỉ một việc này. Cần phải thôi đi, dứt đi, mát lạnh rười rượi đi, một niệm ngàn năm đi, tro lạnh cây khô đi, lò hương miếu cổ đi, một mảnh lụa trắng đi. Rất mong ! Rất mong !

https://thuviensach.vn

THAM THIỀN YẾU CHỈ

I. ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TIÊN CỦA SỰ THAM THIỀN.

Mục đích tham thiền là cầu được minh tâm kiến tánh. Muốn thế, phải gạn lọc các thứ nhiễm ô của tự tâm, thấy rõ mặt thật của tự tánh. Nhiễm ô tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh là đức tướng trí tuệ Như Lai. Đức tướng trí tuệ Như Lai, chư Phật và chúng sanh đồng có đủ, không hai không khác. Nếu rời vọng tưởng chấp trước là chứng được đức tướng trí tuệ Như Lai của mình; phải thế là Phật, không phải thế là chúng sanh. Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê muội đắm chìm trong sanh tử, nhiễm ô đã lâu, không thể trong chốc lát thoát được vọng tưởng, thật thấy bản tánh, vì thế nên phải tham thiền. Điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền là trừ diệt vọng tưởng. Phương pháp trừ vọng tưởng như thế nào? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói phương pháp rất nhiều, nhưng rất giản lược chẳng qua một chữ hết, hết là Bồ-đề. Thiền tông do Tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, sau đến đức Lục Tổ, tông phong bủa khắp sáng chiếu cổ kim. Câu rất khẩn yếu mà đức Tổ sư Đạt-ma và Lục Tổ khai thị cho môn đồ là "Trừ sạch các duyên, một niệm không sanh". Trừ sạch các duyên tức là vạn duyên buông hết. Hai câu: "Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh" chính là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền. Hai câu ấy nếu thực hiện không được, tham thiền chẳng những nói không thành công mà vào cửa cũng không thể được. Bởi vì vạn duyên còn ràng buộc, niệm niệm mãi sanh diệt, ông làm sao tham thiền được?

"Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh" là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền, dĩ nhiên chúng ta đã biết. Nhưng phải làm thế nào mới có thể thực hiện được? Có hai cách:

1- Bậc thượng, một niệm hằng dứt, thẳng đến vô sanh liền chứng Bồ-đề, không còn một mảy may ràng buộc.

2- Bậc thứ, dùng lý trừ sự, biết rõ tự tánh xưa nay vẫn thanh tịnh, phiền não Bồ-đề, sanh tử Niết-bàn đều là giả danh không can dự gì đến tự tánh của ta. Muôn sự muôn vật đều là việc chiêm bao, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng. Sắc thân tứ đại của ta đây và sơn hà đại địa ở trong tự tánh như hòn bọt ngoài bể cả, mặc tình sanh diệt không ngại gì bản thể. Ta không nên theo sự sanh, trụ, dị, diệt của tất cả cái huyễn hóa ấy mà khởi ưa, chán, thủ, xả. Toàn thân buông hết như người chết không khác, tự nhiên căn, trần, thức, tâm tan biến; tham, sân, si, ái diệt sạch. Mọi việc đau nhức, khổ vui, đói lạnh, no ấm, vinh nhục, sanh tử, họa phước, kiết hung, chê khen, được mất, an nguy, khó dễ v.v… nơi thân một mực đẩy chúng ra ngoài. Có thế mới mong buông hết. Một buông, tất cả đều buông, mãi mãi buông gọi là vạn duyên buông hết. Vạn duyên buông hết rồi, vọng tưởng tự tiêu, phân biệt không khởi, các chấp trước hằng xa lìa. Khi ấy, một niệm không sanh, tự tánh sáng suốt, toàn thể hiện bày. Được vậy là điều kiện tham thiền đã đầy đủ, lại dụng công chân thật tham cứu mới có thể được minh tâm kiến tánh.

Hằng ngày thường có các vị tu thiền đến hỏi câu thoại đầu. Phàm là pháp vốn không phải pháp, một khi rơi vào ngôn ngữ tức không phải thật nghĩa. Biết được một tâm này xưa nay là Phật, ngay đó vô sự muôn việc hiện thành, nói tu nói chứng đều là ma thuyết. Đức Đạt-ma sang Trung Hoa "Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật". Chỉ bày rành rõ tất cả chúng sanh đều là Phật. Thẳng đó nhận được tự tánh thanh tịnh này, tùy thuận không nhiễm ô, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm tâm không khởi vọng, ấy là hiện thân thành Phật; chẳng cần dụng tâm dụng lực, cũng chẳng cần tạo tác thi vi, không nhọc một mảy may suy nghĩ nói năng. Do đó, nói thành Phật là việc rất dễ dàng, rất tự tại, đạt được là tại nơi ta, không phải cầu bên ngoài. Tất cả chúng sanh trên thế giới này, nếu thật không cam chịu trường kiếp trầm luân trong tứ sanh lục đạo, hằng đắm chìm nơi bể khổ, muốn thành Phật được thường, lạc, ngã, tịnh, phải tin lời chân thật của Phật Tổ "buông hết tất cả, không nghĩ nhớ thiện ác", mỗi người khả dĩ liền đó thành Phật. Chư Phật, Bồ-tát và lịch đại chư vị Tổ sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh, không phải là không bằng cứ, đâu phải chỉ hứa nguyện suông.

Đã nói ở trên, pháp vốn như vậy, Phật Tổ lắm phen dạy rõ căn dặn kỹ càng, là chân ngữ thật ngữ, không một mảy hư dối. Phật do lòng đại từ bi không nệ tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội chìm đắm trong biển khổ sanh tử, vừa ra lại vào, luân chuyển không dừng, mê lầm điên đảo, trái tánh giác hợp vọng trần. Ví như vàng ròng bỏ vào hầm phẩn, không những chẳng dùng được mà lại nhơ nhớp quá lắm. Ngài bất đắc dĩ nói ra tám muôn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ chẳng đồng của chúng sanh dùng đối trị tham, sân, si, ái v.v… tám muôn bốn ngàn bệnh tập khí vi tế. Như vàng đã dính các thứ nhơ nhớp, mới dạy người dùng sạn, bàn chải, nước, vải v.v… để mài giũa, chùi rửa nó. Sở dĩ Phật nói pháp, mỗi môn đều là diệu pháp, đều có thể liễu thoát sanh tử, thành Phật đạo. Chỉ có vấn đề hợp cơ hay không hợp cơ, không cần phân biệt pháp môn cao hay thấp. Pháp môn lưu truyền ở Trung Hoa rất phổ thông là Tông, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Năm pháp môn này tùy căn tánh và chỗ hứng thú của mỗi người thực hành môn nào cũng tốt. Quan trọng là trong một môn được thâm nhập, trải thời gian lâu không đổi thay, như vậy khả dĩ thành tựu.

Về Tông môn chủ trương tham thiền, tham thiền cốt "Minh tâm kiến tánh", cần tham suốt được cái "bản lai diện mục của mình", nên nói: "Giác ngộ tự tâm,

https://thuviensach.vn

thấy suốt bản tánh". Pháp môn này phát nguyên từ hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca Diếp cười chúm chím, đến Tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, về sau chỗ hạ thủ công phu đã từng thay đổi. Các bậc Thiền đức trước đời Đường, đời Tống phần nhiều nghe một lời, hoặc nửa câu được ngộ đạo. Thầy trò truyền nhau chẳng qua dùng tâm ấn tâm, không có một thật pháp. Ngày thường thưa hỏi, trả lời cũng chẳng qua tùy cách phá chấp, theo bệnh cho thuốc mà thôi. Từ đời Tống về sau, người học đạo căn tánh yếu ớt cạn hẹp, nói được mà làm không được. Ví như nói "buông hết tất cả", "không nghĩ thiện ác", thảy đều buông mà không hết, không nghĩ thiện thì nghĩ ác. Đến thời đại này Tổ sư bất đắc dĩ dùng biện pháp lấy độc trừ độc, dạy người học tham công án hay khán thoại đầu. Thậm chí thiết tha cắn chặt một câu "Tử thoại đầu", dạy phải nghiến ngầm cấp bách không một sát-na lơi lỏng, giống như con chuột khoét rương cắn mãi một chỗ, chưa phủng thì không dừng. Dạy như vậy, mục đích lấy một niệm trừ muôn niệm. Kỳ thật, đó cũng là một biện pháp bất đắc dĩ, như mụt nhọt độc trong thân, nếu không dùng dao mổ thì bệnh khó lành. Công án của cổ nhân rất nhiều, sau này chuyên dạy khán thoại đầu, khán "Mang thây thúi ấy là gì?", khán "Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật xưa nay của ta?". Gần đây, các nơi phần nhiều dùng một câu thoại đầu khán "Niệm Phật là gì?". Kỳ thật, những câu thoại đầu đều cùng một loại, đều rất bình thường không có gì kỳ lạ đặc biệt. Có thể ta nói: khán "Niệm kinh là gì?", khán "Trì chú là gì?", khán "Lễ Phật là gì?", khán "Đi đường là gì?", khán "Ngủ mới thức là gì?"… đều cùng một loại như nhau. Sau chữ gì là đáp án, nó vốn là tâm. Thoại (lời nói) từ tâm khởi, tâm là đầu của thoại. Niệm từ tâm khởi, tâm là đầu của niệm. Muôn pháp đều từ tâm khởi, tâm là đầu của muôn pháp. Kỳ thật, thoại đầu tức là niệm đầu, trước niệm chính là tâm. Nói thẳng, trước khi một niệm chưa sanh là thoại đầu. Do đây, chúng ta biết khán thoại đầu tức là quán tâm. Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay tức là tâm. Khán trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay là quán tâm. Tánh cũng tức là tâm. Câu "Phản văn văn tự tánh" (xoay cái nghe nghe tự tánh) là phản quán quán tự tâm. Câu "Viên chiếu thanh tịnh giác tướng" (chiếu khắp tướng giác thanh tịnh), thanh tịnh giác tướng tức là tâm, chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật, niệm Phật tức là quán Phật, quán Phật tức là quán tâm. Sở dĩ nói "khán thoại đầu" hoặc nói "khán niệm Phật là gì ", đều là quán tâm, quán chiếu giác thể tự tâm thanh tịnh, là quán chiếu Phật tánh của mình. Tâm tức là tánh, tức là giác, tức là Phật, không có hình tướng chỗ nơi, trọn không thể được, sẵn vậy thanh tịnh, khắp cả pháp giới, không ra không vào, không qua không lại, chính là xưa nay hiện thành Pháp thân Phật thanh tịnh. Hành nhân thu nhiếp lục căn "khán từ chỗ một niệm mới sanh", soi xét một câu thoại đầu này, khán đến chỗ tự tâm thanh tịnh ly niệm. Lại tiến lên, càng thầm kín dày dặc, lặng lẽ yên tịnh, tuy tịch mà chiếu, thẳng đó ngũ uẩn đều không, thân tâm đều vắng lặng, hoàn toàn không có một việc. Từ đây ngày đêm đi đứng ngồi nằm như như không động, càng lâu công phu càng dày liền được thấy tánh thành Phật, vượt qua mọi khổ ách. Xưa Tổ sư Cao Phong nói: "Người học đạo hay khán một câu thoại đầu, như gieo hòn gạch xuống hồ sâu muôn trượng, rơi thẳng tận đáy, được vậy trong bảy ngày, nếu không khai ngộ, Lão tăng xin dâng thủ cấp". Bạn đồng tham thiền! Câu nói của người xưa là chân ngữ, thật ngữ, không phải lời nói dối trá lừa đảo đâu!

Nhưng, tại sao người hiện thời khán thoại đầu rất nhiều, mà không có mấy người ngộ đạo? Ấy là do người hiện thời căn cơ không bằng người xưa, cũng tại người học đạo đường lối tham thiền khán thoại đầu đa số không rành rõ. Có người tham đông hỏi tây, cầu nam thỉnh bắc, kết quả chỉ là loạn động đến già, một câu thoại đầu vẫn không rành rõ, không biết thế nào là thoại đầu thì làm sao khán thoại đầu? Một đời chỉ chấp trước ngôn cú, danh tướng, dụng tâm tại thoại vĩ (đuôi lời nói) mà thôi. Hoặc có người khán "Tham Phật là gì?", hoặc "Chiếu cố thoại đầu", khán qua khán lại, tham tới tham lui cùng câu thoại đầu đông tây chạy ngược nhau. Như vậy, làm sao hội ngộ được cái vô vi đại đạo bản nhiên này? Làm sao đến được cái vương vị tất cả không thọ? Hoặc có người bỏ mạt vàng vào con mắt, con mắt bị mù, làm sao được phóng quang sáng suốt? Đáng thương thay! Đáng thương thay! Có những người hảo tâm xuất gia chí nguyện phi phàm, mà kết quả chỉ một bề nhọc công vô ích, rất đáng thương xót! Người xưa nói: "Thà đành ngàn năm không ngộ, không cam một ngày sai lầm".

Người tu hành ngộ đạo dễ mà khó, khó mà dễ, giống như vặn nút đèn điện, biết thì khoảng khảy móng tay đèn cháy sáng trưng, cái đen tối muôn năm liền hết, không biết thì vặn máy hỏng đèn hư, phiền não càng tăng trưởng. Có một ít người tham thiền khán thoại đầu bị ma phát điên, thổ huyết, mắc bệnh, bởi vì lửa vô minh quá to, chấp nhân ngã thật dày, đó là những gương rất rõ ràng. Sở dĩ người dụng công cốt khéo điều hòa thân tâm, cần phải tâm bình khí hòa, không chướng ngại, không nhân ngã, đi đứng ngồi nằm khéo hợp với máy huyền diệu.

Pháp tham thiền xưa nay không có phân biệt, chỉ do công phu tu tập, sơ tham có khó và dễ, lão tham cũng có khó và dễ. Cái khó của người sơ tham là thế nào? – Vì thân tâm không thuần thục, đường lối chưa rành rõ, dụng công không đến nơi, nếu trong tâm không chấp cấp bách thì bị bệnh ngủ gật qua ngày, kết quả thành: "năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba không tham". Cái dễ là sao? - Chỉ cần đầy đủ tín tâm, tâm lâu bền và vô tâm. Tín tâm, một là tin tâm ta đây xưa nay là Phật,

https://thuviensach.vn

cùng chư Phật mười phương và chúng sanh không khác; hai là tin pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói mỗi pháp đều được liễu sanh thoát tử và thành Phật đạo. Tâm lâu bền, phải tuyển chọn nhất định một pháp, trọn đời thực hành, cho đến đời sau và đời sau nữa đều như thế hành trì. Nếu là tham thiền thì cứ như thế mà tham, nếu niệm Phật thì cứ như thế mà niệm, nếu trì chú thì cứ như thế mà trì, nếu học giáo lý thì cứ từ văn, tư, tu mà thực hành. Dù tu một pháp môn nào cũng lấy giới làm căn bản. Nếu đúng như vậy mà thực hành sau này nhất định thành công. Qui Sơn Lão nhân nói: "Nếu có người hay thực hành pháp này (tham thiền) ba đời không lui sụt, quả vị Phật quyết định có ngày". Vĩnh Gia Lão nhân nói: "Nếu dùng vọng ngữ lừa chúng sanh, hằng đọa địa ngục Bạt Thiệt số kiếp như cát bụi". Vô tâm chính là buông hết tất cả, giống hệt như người chết, trọn ngày tùy chúng làm việc mà không khởi một điểm phân biệt chấp trước, thành một vị đạo nhân vô tâm. Người sơ tham đầy đủ ba tâm ấy rồi, nếu tham thiền khán thoại đầu, nên khán "Niệm Phật là gì?". Ông tự thầm niệm ít tiếng "A Di Đà Phật", khán cái niệm Phật đó là gì? Một niệm ấy từ chỗ nào phát khởi? Nên biết, một niệm ấy không phải từ miệng ta khởi, cũng không phải từ thân thịt ta khởi. Nếu từ thân miệng ta khởi, khi ta chết rồi thân miệng vẫn còn sao không thể niệm? Phải biết, một niệm này là từ tâm ta khởi, tức từ chỗ tâm niệm khởi phải chăm chăm nhìn thẳng nơi đó, như mèo rình chuột, toàn thể tinh thần tập trung vào một chỗ này, không có niệm thứ hai. Chỉ cần giữ trung bình giữa hoãn và gấp, không cho gấp quá sẽ phát bệnh chướng. Đi đứng ngồi nằm đều giữ như vậy, lâu ngày công phu đầy đủ, thời tiết nhân duyên đến, một phen xúc chạm quả dưa chín cuống rụng bỗng nhiên đại ngộ. Khi ấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết, thẳng đến chỗ không nghi ngờ, như thấy chữ Thập đầu đường đi thẳng về nhà gặp cha rất an vui.

Cái khó dễ của người lão tham thế nào? - Lão tham là người đã gần gũi thiện tri thức, dụng công nhiều năm, đã trải qua một phen luyện lọc thân tâm thuần thục, đường lối rành rõ, dụng công một cách tự tại không thấy cay đắng. Cái khó của bậc Thượng tọa lão tham chính là dừng trụ trong chỗ tự tại sáng suốt, nghỉ trong Hóa thành không đến Bảo sở. Hay tịnh không hay động, không thể được cái chân thật thọ dụng; thậm chí gặp cảnh sanh tình thủ xả như xưa, ưa chán cũng hiện rõ. Vọng tưởng thô và tế vẫn nguyên vẹn bền chắc, chỗ dụng công như hòn đá ngâm nước lạnh không có tác dụng, lâu dần cũng sanh mỏi mệt, trọn không thể đắc quả khởi dụng. Thượng tọa lão tham! Biết được cái khốn khó này rồi, lập tức đề khởi câu thoại đầu cũ, phấn chấn tinh thần, đầu sào trăm trượng lại bước vượt lên, thẳng đến đảnh núi cao chót vót mà đứng, tận đáy biển sâu thăm thẳm mà đi, buông tay tung hoành, cùng gặp gỡ chư vị Phật Tổ, những cái khốn khó đâu còn, không dễ là gì?

Thoại đầu tức là nhất tâm, cái nhất tâm này của chúng ta không phải ở trong, ngoài và chặng giữa, mà cũng ở trong, ngoài và chặng giữa, như hư không không động mà khắp tất cả chỗ. Sở dĩ thoại đầu không nên đem lên trên, cũng không nên đè xuống dưới. Đem lên trên thì dẫn khởi tán loạn, đè xuống dưới thì rơi vào hôn trầm, trái với tánh chất bản tâm, đều không phải là Trung đạo. Các vị sợ vọng tưởng, cho hàng phục vọng tưởng là rất khó khăn. Tôi xin thưa quí vị, không nên sợ vọng tưởng cũng không cần phí sức hàng phục vọng tưởng. Các vị chỉ cần nhận ra vọng tưởng, không chấp trước nó, không tùy thuận nó, cũng chẳng cần xua đuổi nó, chỉ không cho tiếp tục thì vọng tưởng tự lìa. Nên nói: "Vọng khởi liền biết, biết vọng liền lìa". Nếu khéo lợi dụng vọng tưởng khởi công phu, khán "Vọng tưởng này từ chỗ nào phát sanh?". Vọng tưởng không tánh chính nó là không, tức là tâm tánh vốn không của ta, tự tánh thanh tịnh pháp thân Phật ngay đây được hiện tiền. Xét thật mà nói, chân vọng một thể, chúng sanh và Phật không hai, sanh tử Niết-bàn, phiền não Bồ-đề đều là bản tâm bản tánh, không cần phân biệt, không cần ưa chán, không cần thủ xả. Tâm thanh tịnh này xưa nay là Phật, không nhận một pháp, làm gì có nhiều mối? Tham!

✍

II. THIỀN ĐƯỜNG CHỈ DẠY.

DẪN LỜI DẠY.

Chư vị hằng ngày đến thỉnh tôi chỉ dạy khiến tôi rất hổ thẹn. Chư vị ngày ngày nhọc nhằn cuốc đất, bửa củi, gánh gạch làm việc quên cả sớm chiều, mà vẫn không quên tâm niệm cầu giải thoát. Hạt giống thiết tha vì đạo ấy khiến mọi người đều cảm động. Hư Vân này hổ thẹn không đạo không đức, nói không đến đâu lấy gì chỉ dạy, chỉ lượm lặt những lời dạy của cổ nhân để đáp lại lời khẩn cầu của chư vị mà thôi.

B. PHƯƠNG PHÁP NHẬP MÔN DỤNG CÔNG.

Phương pháp dụng công tu hành rất nhiều, hiện tại chỉ tóm lược chỉ bày:

1. ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC KHI TU TẬP:

a) Tin sâu nhân quả. – Không luận người nào, nếu muốn dụng công tu tập trước cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thực hành càn bướng, không những tu hành chẳng thành công mà tam đồ cũng khó tránh. Cổ đức nói: "Muốn biết nhân đời trước hãy xem sự lãnh thọ của đời này, muốn biết quả đời sau hãy nhìn sự gây tạo hiện tại". Lại nói: "Giả sử đã tạo nghiệp trăm ngàn kiếp vẫn không mất, khi nhân duyên hội ngộ quả báo trở lại tự chịu". Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhân địa không

https://thuviensach.vn

ngay, quả báo cong vạy". Cho nên gieo nhân lành kết quả lành, gieo nhân ác gặt quả ác, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu là đạo lý tất nhiên vậy.

Nói đến nhân quả tôi xin thuật hai câu chuyện xưa để chứng minh:

Chuyện vua Lưu Ly giết dòng họ Thích.

Trước đức Phật Thích-ca ra đời, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một làng chài lưới, trong làng có cái hồ to. Khi ấy, trời hạn nước cạn, bao nhiêu cá trong ao bị người làng bắt ăn hết, sau cùng còn lại một con cá thật to cũng bị người làm thịt luôn. Trong làng chỉ có một đứa bé lâu nay không ăn thịt cá, hôm ấy đến thấy con cá to lấy cây gõ trên đầu nó ba cái rồi đi. Sau này khi đức Thích-ca ra đời, vua Ba-tư-nặc rất kính tin Phật pháp, cưới con gái dòng họ Thích làm vợ, sanh được một Thái tử đặt tên Lưu Ly. Lúc thơ ấu, Lưu Ly ở bên ngoại tại thành Ca-tỳ-la-vệ học, một hôm nhân giỡn chơi trèo lên tòa của Phật ngồi, bị người họ Thích rầy mắng kéo lôi xuống, nên ôm lòng uất hận. Đến khi Lưu Ly lên làm vua, xuất đại binh đánh thành Ca-tỳ-la-vệ, bắt hết dân cư trong thành giết sạch, chính khi ấy đức Thích-ca nhức đầu ba ngày. Các vị đệ tử lớn của Phật cầu xin Phật tìm cách giải cứu dòng họ Thích. Phật nói: "Định nghiệp khó chuyển". Tôn giả Mục Liên dùng sức thần thông lấy bình bát đến thâu năm trăm người dòng Thích-ca đem để trên không trung; khi giặc qua, Ngài đem xuống thả ra, không ngờ khi trút bát thấy tất cả đều biến thành máu. Các đệ tử lớn đến thưa hỏi Phật, Phật đem việc xưa dân trong làng ăn cá thuật lại: Con cá lớn ngày xưa là vua Lưu Ly hiện nay, quân đội của vua Lưu Ly đều là những con cá nhỏ trong hồ. Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ bị giết đều là người ăn cá ngày xưa. Thân Phật chính là đứa bé gõ đầu cá ba cái ngày xưa, nên hiện tại bị quả báo nhức đầu ba ngày. Vì định nghiệp khó tránh nên năm trăm người dòng họ Thích tuy được Tôn giả Mục Liên cứu thoát, cũng không bảo tồn được tánh mạng. Sau này vua Lưu Ly bị đọa địa ngục. Oan oan tương báo không biết bao giờ hết được. Nhân quả thật đáng sợ vậy.

Chuyện ngài Bá Trượng độ Hồ Ly.

Bá Trượng Lão nhân một hôm vào nhà giảng, giảng xong các thính giả ra hết, chỉ còn lại một ông già không lui đi. Ngài Bá Trượng hỏi: "Ông còn muốn hỏi gì?". Ông ấy thưa: "Con là Dã hồ tinh không phải là người, đời trước con vốn làm Đường đầu (Trụ trì) ở đây, nhân có người học, hỏi con: 'Bậc đại tu hành lại rơi vào luật nhân quả chăng?'. Con đáp: 'Không rơi nhân quả'. Do đó con bị đọa lạc làm Dã hồ tinh đã năm trăm năm, không có cách nào thoát thân, mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho!". Ngài Bá Trượng bảo: "Ngươi hỏi lại ta". Ông ấy bèn hỏi: "Bạch Hòa thượng! Bậc đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng?". Tổ Bá Trượng đáp: "Không lầm nhân quả". Ông già nghe câu này liền đại ngộ. Ông lễ tạ thưa: "Nay nương lời đáp thay của Hòa thượng khiến con siêu thoát thân Dã hồ, con ở hang sau núi, mong Hòa thượng lấy lễ tống táng theo nhà sư cho con". Hôm sau, Tổ Bá Trượng lại hang sau núi, lấy gậy bới ra có xác con hồ tinh, bèn dùng lễ theo nhà sư mà an táng.

Chúng ta nghe hai câu chuyện xưa này càng biết rõ nhân quả đáng sợ, tuy thành Phật vẫn khó khỏi quả báo nhức đầu. Sự báo ứng một mảy may không sai lạc, định nghiệp thật khó trốn tránh. Chúng ta gắng cẩn thận, gắng dè dặt chớ có gây nhân.

b) Nghiêm trì giới luật. – Dụng công tu hành trước nhất phải trì giới. Giới là cội gốc quả vô thượng Bồ-đề, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, nếu không trì giới mà tu hành thì không thể được. Trong kinh Lăng Nghiêm dạy rõ bốn món thanh tịnh, dạy chúng ta rằng: "Không trì giới mà tu chánh định không thể thoát khỏi trần lao, dù hiện tiền có nhiều trí tuệ, nhiều thiền định cũng rơi vào tà ma ngoại đạo". Đó nên biết, trì giới là trọng yếu, người trì giới Long Thiên ủng hộ, ma ngoại kính sợ. Người phá giới, bọn quỉ gọi là giặc lớn, nó quét dấu chân của người ấy. Ngày xưa tại nước Kế Tân, gần bên đất già lam có một con độc long thường khi ra nhiễu hại dân chúng địa phương. Có năm trăm vị A-la-hán nhóm họp một chỗ dùng sức thiền định đuổi nó đi, rốt cuộc không hiệu quả gì cả. Sau có một vị Tăng, không cần nhập thiền định chỉ đến gần con độc long nói một câu: "Hiền thiện ! Hãy tránh xa chỗ này đi". Con độc long liền đi mất. Các vị A-la-hán hỏi vị Tăng ấy: "Ông dùng thần thông gì đuổi được con độc long?". Vị Tăng đáp: "Tôi không dùng sức thiền định, chỉ do cẩn thận đối với giới, gìn giữ giới khinh cũng như giới trọng". Chúng ta tưởng tượng sức thiền định của năm trăm vị La-hán mà không bằng một vị Tăng nghiêm trì giới luật.

Hoặc có người bảo: "Lục Tổ nói tâm bình đâu cần trì giới, hạnh thẳng nào dụng tham thiền". Tôi xin hỏi ông: Tâm ông đã bình, hạnh ông đã thẳng chưa? Giả sử có người con gái đẹp lõa thể đến ôm ông, ông có thể không động tâm chăng? Có người vô lý mạ nhục đánh đập ông, ông có thể không sanh tâm sân hận chăng? Ông đã đạt được chỗ không phân biệt oán thân, thương ghét, nhân ngã, phải quấy chưa? Cẩn thận khi làm được mới nói những lời to ấy, nếu làm không được mà nói chỉ là nói suông.

c) Tín tâm kiên cố. – Có ý dụng công tu tập trước cần phải có lòng tin bền chặt. Lòng tin là đầu của Đạo, là mẹ các công đức. Bất luận làm việc gì không có lòng tin thì làm không xong. Chúng ta cốt liễu thoát sanh tử, điều cần thiết phải có lòng tin bền chặt. Phật nói: "Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng chấp trước không thể chứng được". Phật lại dạy các thứ

https://thuviensach.vn

pháp môn để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta nên tin lời Phật nói không hư dối, tin chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Sở dĩ chúng ta chưa được thành Phật, đều do chưa triệt để dụng công đúng như pháp mà thôi. Ví như chúng ta tin đậu nành làm đậu hũ được, nếu ta không ra công nấu đậu hũ thì đậu nành tự nó không thể biến thành đậu hũ. Nếu chúng ta đi nấu đậu hũ mà để thạch cao không đúng lượng, đậu hũ cũng không thể thành. Nếu ta nấu đúng pháp, để thạch cao đúng lượng quyết định sẽ thành đậu hũ. Người tu hành cũng như thế, không dụng công tu tập cố nhiên không thành Phật, dụng công không đúng pháp Phật cũng không thể thành. Nếu người tu tập đúng pháp, không lui không hối, quyết định người này sẽ thành Phật. Cho nên, chúng ta phải tin sâu chính mình xưa nay là Phật; lại tin sâu y giáo pháp Phật dạy tu hành quyết định thành Phật. Vĩnh Gia Thiền sư nói: "Chứng thật tướng không nhân pháp, sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ, nếu dùng lời vọng dối chúng sanh, tự chuốc địa ngục (Bạt Thiệt) trần sa kiếp". Ngài Vĩnh Gia vì lòng từ bi, cốt định chắc lòng tin cho người đời sau, nên phát lời thệ rộng lớn như vậy.

d) Quyết định pháp môn tu hành.- Lòng tin đã đủ, lại nên chọn một pháp môn để tu trì, cần phải không được sớm Tần chiều Sở. Bất luận niệm Phật cũng tốt, trì chú cũng tốt, tham thiền cũng tốt, điều cần thiết là nhận định một pháp môn thẳng đó tiến tu hằng không lui sụt. Ngày nay chưa thành công, ngày mai vẫn tiến hành như thế; năm nay chưa thành công, năm tới vẫn tiến hành như thế; đời này chưa thành công, đời sau vẫn tiến hành như thế. Qui Sơn Lão nhân nói: "Đời đời nếu không lui sụt, quả Phật quyết định có ngày". Có một số người làm mà không chú ý quyết định, ngày nay nghe vị thiện tri thức này nói niệm Phật hay, liền niệm Phật được vài ngày; ngày mai nghe vị thiện tri thức kia nói tham thiền hay, lại tham thiền vài ngày, sang đông tìm tây, một đời kiếm tìm đến chết mà không được một chút kết quả, rất uổng thay!

2. PHƯƠNG PHÁP THAM THIỀN:

Pháp môn dụng công tuy nhiều mà chư Phật, Tổ sư đều cho tham thiền là vô thượng diệu môn. Trên hội Lăng Nghiêm Phật dạy Bồ-tát Văn Thù chọn môn viên thông, ngài Văn Thù chọn môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm là bậc nhất hơn cả. Chúng ta cần "Phản văn văn tự tánh" (xoay cái nghe nghe tự tánh) chính là tham thiền. Trong thiền đường này cũng nên giảng một pháp tham thiền.

a) Tọa thiền nên biết. – Bình thường nhật dụng đều là hành đạo, như vậy chỗ nào không phải là đạo tràng, cần gì thiết lập thiền đường, cũng không phải tọa thiền mới là thiền. Nói thiền đường, nói tọa thiền chẳng qua vì chúng ta là chúng sanh trong thời mạt pháp chướng sâu, tuệ cạn mà tạm thiết lập.

Tọa thiền cần hiểu rõ cách điều dưỡng thân tâm. Nếu không khéo điều, hại nhỏ là sanh bệnh, hại to là bị ma, thật đáng tiếc vậy. Trong thiền đường đi kinh hành, hoặc tọa thiền chỗ dụng ý chính là điều thân tâm. Phương pháp điều thân tâm rất nhiều, nay chọn lọc những điều cần yếu lược nói:

Khi ngồi kiết già phải theo thứ tự, giữ tự nhiên và ngồi ngay thẳng. Không được để ý ễnh lưng thẳng lên, nếu ễnh thẳng lưng hơi nóng xông lên tụ lại lâu ngày, con mắt sanh nhiều ghèn, miệng hôi, đầu nóng, không muốn ăn uống, quá lắm đến thổ huyết. Lại không được để lưng cong đầu cúi nhiều, nếu vậy dễ sanh hôn trầm. Như biết khi hôn trầm tới, mở mắt to ra, ễnh lưng một cái và động nhẹ nhẹ hai bên hông, hôn trầm tự nhiên tiêu diệt.

Nếu dụng công cấp bách quá, khi nghe trong lòng bứt rứt nên bỏ hết mọi việc và xả luôn cả dụng công, dừng nghỉ độ năm mười phút, dần dần thư thái, nhiên hậu đề khởi dụng công. Nếu không như vậy, dồn chứa lâu ngày biến thành tánh nóng nảy dễ sân, thậm chí phát cuồng bị ma.

Tọa thiền khi có chút thọ dụng (thấy cảnh giới lạ) cảnh giới phát hiện rất nhiều nói không thể hết, chỉ ta không chấp trước cảnh giới ấy thì nó không làm ngại ta được. Lời tục nói: "Thấy quái ta không quái, quái tự mất". Trông thấy yêu ma quỉ quái đến nhiễu hại ta, ta không cần quan tâm đến nó, cũng không sợ nó hại. Chính thấy đức Phật Thích-ca đến rờ đầu thọ ký, ta cũng không quan tâm đến, chẳng nên sanh vui mừng. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Không khởi tâm cho mình chứng Thánh, là cảnh giới lành, khởi tâm cho mình chứng Thánh, tức lạc quần tà".

b) Hạ thủ công phu - biết chủ khách.- Hạ thủ công phu thế nào ư? Trên hội Lăng Nghiêm ngài Kiều Trần Như nói hai chữ Khách Trần, chính là chỗ sơ tâm chúng ta hạ thủ công phu vậy. Ngài nói: "Ví như người hành khách dừng nghỉ nơi quán trọ, hoặc ngủ hoặc ăn, ăn ngủ xong gói hành lý ra đi, đi không trở về nghỉ lại. Nếu thật người chủ thì không đi đâu. Như thế suy xét, không ở lại gọi là khách, ở lại gọi là chủ. Bởi không ở lại nên nghĩa là khách. Lại như buổi sáng trời tạnh, mặt trời vượt lên, ánh sáng soi qua các kẽ hở, soi rõ các vi trần trong hư không, vi trần diêu động, hư không yên lặng. Yên lặng là Không, diêu động là nghĩa Trần". Khách và trần dụ vọng tưởng, chủ và hư không dụ tự tánh. Người chủ thì thường ở, không phải như khách hoặc đi hoặc đến, đó là dụ tự tánh thường trụ vốn không theo vọng tưởng chợt sanh chợt diệt. Nên nói: "Chỉ tự vô tâm với vạn vật, ngại gì vạn vật thường nhiễu loạn". Tính chất vi trần tự diêu động vẫn không làm ngại được cái yên lặng của hư không. Dụ vọng tưởng tánh nó sanh diệt vẫn không

https://thuviensach.vn

làm ngại được tự tánh như như bất động. Nên nói: "Một tâm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi lầm".

Trong đây chữ Khách so phần thô, chữ Trần so phần tế. Người mới phát tâm trước nhận rõ Chủ và Khách, tự không bị nó kéo lôi; tiến lên nhận rõ ràng Không và Trần, vọng tưởng không thể làm chướng ngại. Nên nói: "Biết được, không phải oán". Người hay xét kỹ lãnh hội được chỗ này, sự dụng công tu hành rất chóng tiến.

c) Thoại đầu cùng nghi tình. - Thời xưa Tổ sư chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Như cách an tâm của Tổ Đạt-ma, lối bàn kiến tánh của Lục Tổ, chỉ cần thẳng đó thừa nhận là xong, không có khán thoại đầu. Đến các Tổ sư sau này thấy tâm người không bằng cổ nhân, không thể tử tâm như khối đất, mà luôn tráo trở lăng xăng, mọi người chỉ đếm của báu cho kẻ khác mà lầm nhận là của mình. Bởi thế nên các Ngài riêng lập môn đình (cảnh riêng) và mỗi vị chỉ ra một phương pháp, do đó mới dạy người học khán thoại đầu.

Thoại đầu rất nhiều, như: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?" hay "Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật của ta?" v.v… nhưng phổ thông hơn cả là câu "Niệm Phật là gì?".

Thế nào là thoại đầu? Thoại là lời nói, trước lời nói là đầu. Như niệm A Di Đà Phật là thoại, trước khi chưa niệm là thoại đầu. Nên nói thoại đầu là cái mé chưa sanh một niệm. Một niệm vừa sanh đã thành thoại vĩ (đuôi lời nói). Cái mé chưa sanh một niệm đó gọi là "không sanh"; không loạn động, không mê muội, không đắm nơi tịnh, không rơi vào không, gọi là "không diệt". Luôn luôn chăm chú trở lại chiếu soi cái "không sanh không diệt" ấy, gọi là "khán thoại đầu" hoặc "chiếu cố thoại đầu".

Khán thoại đầu trước cần phải khởi nghi tình, đó là chỗ nương nhờ của pháp khán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi niệm Phật là gì? Người người đều biết chính mình niệm. Nhưng là miệng niệm hay tâm niệm? Nếu thật miệng niệm, khi ngủ mê vẫn có miệng sao không niệm? Nếu thật tâm niệm, tâm hình dáng thế nào, lại không có chỗ nơi sờ mó? Nhân chỗ không rõ này, trên chữ gì phát khởi niệm nghi nhẹ nhàng tế nhị, không cho thô, càng tế càng tốt. Tùy thời tùy chỗ chăm chú chiếu cố quyết chí nơi niệm nghi này, giống như dòng nước không có chỗ đoạn, không sanh hai niệm. Nếu niệm nghi còn thì không cần để ý đến nó, niệm nghi nếu mất lại nhẹ nhàng đề khởi lên. Khi mới dụng tâm thì trong tịnh, trong động so sánh rất đắc lực. Nhưng cốt không sanh tâm phân biệt, không quan tâm đến đắc lực hay không đắc lực, không chú ý trong động hay trong tịnh, ta chỉ nhất tâm, nhất ý dụng công là tốt.

Bốn chữ Niệm Phật là gì, rất quan trọng tại chữ gì, ngoài ra ba chữ kia chẳng qua là để nói cho to mà thôi. Như "mặc áo, ăn cơm là gì?", "đại tiểu tiện là gì?", "phá vô minh là gì?", "hay hiểu biết là gì?", bất luận đi đứng ngồi nằm một khi đề chữ gì lên là dễ phát niệm nghi, không cần suy nghĩ xét nét để ý mới có. Cho nên chữ gì trong câu thoại đầu thật tại là một diệu pháp của tham thiền. Nhưng không phải đem một chữ gì, hoặc bốn chữ niệm Phật là gì coi như danh hiệu Phật mà niệm; cũng không phải suy nghĩ xét nét câu niệm Phật là gì mà cho là nghi tình. Có một số người đem bốn chữ niệm Phật là gì ra niệm suốt ngày không dừng miệng, như thế chi bằng niệm A Di Đà Phật công đức còn hơn. Có một số người nghĩ quanh tính quẩn, tìm đông kiếm tây cho đó là nghi tình, đâu biết rằng càng nghĩ càng tính vọng tưởng càng nhiều, giống như người muốn lên lại bị rơi xuống, cần phải biết vậy.

Người sơ tâm phát niệm nghi rất thô, chợt dứt chợt nối, chợt chín chợt sống, đều không được nghi tình, chỉ gọi là Tưởng. Lần lần thu nhiếp được tâm cuồng loạn, niệm đầu cũng kềm giữ được chút ít, mới gọi là Tham. Lại tiến dần dần công phu thuần thục không nghi mà tự nghi, không biết mình đang ngồi ở chỗ nào, cũng không biết có thân tâm thế giới, chỉ riêng niệm nghi hiện tiền không gián đoạn, đó gọi là nghi tình. Thật tế mà nói, lúc đầu chưa kể là dụng công chỉ đả phá vọng tưởng, đến khi chân nghi hiện tiền mới là giai đoạn chân chánh dụng công. Giai đoạn này như qua cửa ải lớn rất dễ vào đường tẽ.

Giai đoạn này rất thanh tịnh và vô hạn khinh an, nếu mất một ít giác chiếu bèn rơi vào trạng thái mê muội nhẹ nhàng. Nếu khi ấy có bậc sáng suốt ở bên, một phen nhìn qua liền biết người ấy đang mắc tại cảnh giới này, lấy một hương bản đập xuống, lập tức đầy trời mây mù tan hết, rất nhiều người nhân đây được ngộ đạo.

Chính khi rất thanh tịnh rỗng rang ấy, nếu nghi tình không còn bèn rơi vào vô ký, ngồi như cây như đá, hoặc gọi hòn đá ngâm nước lạnh. Đến khi đó cần phải đề khởi, đề khởi tức là giác chiếu (giác là không mê, tức là tuệ; chiếu là không loạn, tức là định) chăm chú một niệm ấy, lặng lẽ chiếu soi, như như không động, sáng sủa không mê, rành rõ thường biết, như lạnh nóng rút hơi, một mạch liên tục không dứt.

Dụng công đến chỗ này cần có con mắt Kim cang không đề khởi thêm, nếu đề khởi thì đã đầu lại thêm đầu. Xưa có vị tăng hỏi Triệu Châu Lão nhân rằng: "Một vật khi không đem đến làm thế nào?". Châu đáp: "Buông hết đi!". Tăng thưa: "Một vật không đem đến, buông hết cái gì?". Châu bảo: "Buông không xuống thì gánh lên!". Chính là nói giai đoạn này vậy. Trong cảnh sáng sủa mát mẻ này như người uống nước lạnh nóng tự biết, không

https://thuviensach.vn

phải nói năng có thể đến được. Người đến chỗ này tự nhiên sáng suốt, người chưa đến được có nói cũng vô ích. Nên nói: “Trên đường gặp kiếm khách nên trình kiếm, không phải nhà thơ chớ tặng thơ”.

d) Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh.- Hoặc có người hỏi: “Câu phản văn văn tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm sao được gọi là tham thiền?” - Tôi mới nói chiếu cố thoại đầu chính là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm hồi quang phản chiếu cái “không sanh không diệt” (thoại đầu). Phản văn văn tự tánh cũng là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm phản văn văn tự tánh. Hồi chính là Phản, không sanh không diệt là Tự tánh. Văn và chiếu, tuy lúc xuôi dòng theo thinh theo sắc, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, phân biệt rõ ràng; nhưng khi ngược dòng trở lại quán tự tánh không chạy theo thinh sắc, chính là một cái tinh minh, Văn và Chiếu đâu phải hai thứ. Chúng ta cần biết, nói rằng “Chiếu cố thoại đầu”, “Phản văn tự tánh” tuyệt đối không phải dùng mắt xem, dùng tai nghe. Nếu dùng mắt xem, hoặc dùng tai nghe, ấy là đã chạy theo thinh sắc, bị vật chuyển gọi là xuôi dòng. Nếu chăm chú trong một niệm “không sanh không diệt”, không đuổi theo thinh sắc, gọi là ngược dòng. Ấy là “Chiếu cố thoại đầu”, cũng là “Phản văn tự tánh”.

e) Tâm thiết tha vì sanh tử cùng phát tâm lâu dài. - Tham thiền rất cần tâm thiết tha vì sanh tử và phát tâm lâu dài. Nếu đối với sự sanh tử không thiết tha thì nghi tình không phát, công phu khó đạt. Nếu không phát tâm lâu dài, một nóng mười lạnh thì công phu cũng không thành phiến. Chỉ cần có tâm thiết tha lâu dài thì chân nghi mới phát. Khi chân nghi phát thì trần lao phiền não không dứt cũng tự dứt. Khi thời tiết nhân duyên đến tự nhiên nước tụ thành ngòi.

Tôi xin thuật lại một việc cũ chính mắt tôi thấy cho các ông nghe. Lúc trước, đời Thanh khoảng năm Canh Tý, Liên quân tám nước vào kinh đô, tôi theo chân vua Quang Tự và Từ Hy Thái hậu chạy giặc. Giữa đường gặp một đoạn phải chạy bộ về Thiểm Tây, mỗi ngày chạy mấy mươi cây số, luôn mấy ngày không có cơm. Trên đường gặp một ông già đem dâng vua Quang Tự một miếng khoai rừng, ăn xong vua hỏi người ấy: “Thứ gì ăn ngon lắm vậy?” Các ông thử tưởng, Hoàng đế ngày thường rất kiểu cách, rất oai phong, đâu từng đi bộ hơn mấy bước, chưa từng đói quá nửa bụng, chưa từng ăn hết một miếng khoai rừng. Đến lúc này, kiểu cách chẳng có, oai phong không còn, lội bộ cũng được, bụng đói cũng chịu, ăn rễ rau cũng ngon. Vì sao mà ông bỏ hết được? – Vì Liên quân đuổi bắt ông, ông nhất tâm chạy chết. Đến sau được nghị hòa, ông ngự giá về kinh, kiểu cách lại khởi, oai phong lại hiện, đi bộ không nổi, bụng đói không được, cái gì không ngon thì nuốt không trôi. Sở dĩ thế, tại khi này ông buông không hết, vì Liên quân không còn đuổi bắt ông, ông không có tâm chạy chết. Giả sử ông thường đem cái tâm chạy chết ấy mà tu hành thì thế nào không thành công; đáng tiếc ông không có tâm lâu dài, gặp thuận cảnh thái độ cũ lại bộc khởi.

Các vị đồng tham thiền! Bọn quỉ vô thường luôn luôn theo đuổi sanh mạng chúng ta, không bao giờ chúng chịu “nghị hòa”. Chúng ta cần phải phát tâm thiết tha lâu dài để giải thoát vòng sanh tử. Tổ Cao Phong Diệu nói: “Người tham thiền cần yếu khắc định ngày thành công, giống như người rơi xuống giếng sâu ngàn trượng từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng muôn ngàn tư tưởng chỉ chăm chăm một việc mong ra khỏi giếng, trọn không có niệm thứ hai. Người thực hành được như vậy, hoặc ba ngày, năm ngày, bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong ngày nay phạm tội đại vọng ngữ hằng đọa trong địa ngục Bạt Thiệt”. Cao Phong Lão nhân vì lòng đại bi thiết tha sợ e chúng ta không phát tâm tha thiết lâu dài, nên phát lời thề nặng này để bảo chứng cho chúng ta.

g) Dụng công có hai thứ khó và dễ. - Người dụng công có hai thứ khó và dễ:

1.- Sơ dụng tâm khó dễ

2.- Lão dụng tâm khó dễ

1.- Sơ dụng tâm khó dễ.

Sơ dụng tâm khó - Tâm trộm không chết.

Cái thông bệnh của người sơ dụng tâm là vọng tưởng, tập khí buông không hết, vô minh, cao mạn, tật đố, chướng ngại, tham, sân, si, ái, lười biếng, ăn ngon, phải quấy, nhân ngã đầy dẫy trong bụng, làm sao tương ưng với đạo? Hoặc có người là công tử hay ca sĩ xuất gia tập khí không quên, một chút khổ nhọc chịu không nổi, một miếng không ngon nuốt chẳng vô, làm sao dụng công tu hành? Người này không chịu tưởng nhớ đức Bổn Sư Thích Ca là hạng nào đi xuất gia mà chịu khó khổ được như vậy? Hoặc có người biết chút ít văn tự bèn tầm chương trích cú đem những lời nói của cổ nhân ra phân tích, rồi cho mình là hiểu hoàn toàn sanh đại ngã mạn; nhưng đến khi bệnh nặng thì rên xiết suốt ngày, hoặc đến lúc sắp lâm chung thì tay co chân rút, bình sanh chỗ hiểu biết không thực hành được một điểm, đến khi hấp hối ăn năn sao kịp?

Hoặc người có chút đạo tâm lại không hiểu rõ chỗ hạ thủ công phu. Có người sợ vọng tưởng cố trừ mà trừ không được, trọn ngày buồn rầu bực tức tự hận nghiệp chướng nặng nề, nhân đó thối thất đạo tâm. Hoặc có người quyết cùng vọng tưởng chiến đấu, chăm bẳm chống tay xông hơi, ưỡn ngực trừng mắt giống vẻ mặt hầm hầm của tên giám sát, quyết cùng vọng tưởng một còn một mất, họ đâu biết như vậy, vọng tưởng đã đuổi không được, trở

https://thuviensach.vn

lại mang bệnh thổ huyết, phát cuồng. Hoặc có người sợ rơi vào không, đâu ngờ trước đã sanh ra quỉ; không vẫn là không chẳng động, ngộ lại ngộ chẳng đến. Hoặc có người khởi tâm cầu ngộ, ngờ đâu cầu ngộ đạo mong thành Phật đều là đại vọng tưởng; cát không phải là cơm, cầu đến bao nhiêu năm quyết định cũng không ngộ. Hoặc có người chợt được yên tịnh một vài cây hương bèn sanh vui mừng, ấy chỉ là con rùa đen mù tìm bọng cây, ngẫu nhiên đụng nhằm chẳng phải là công phu thật, ma vui mừng sớm đã nhập vào tâm vậy. Hoặc có người trong chỗ yên tịnh biết được thanh tịnh rất thích, trong chỗ động thì mất thanh tịnh, nhân đó tránh chỗ ồn náo tìm chỗ yên tịnh, ấy là đã sớm làm quyến thuộc của hai thứ ma vương động tịnh. Các người như vậy thật rất là nhiều. Kẻ sơ dụng tâm không thấu rõ đường lối tu tập thật là khó. Có giác mà không chiếu thì tán loạn không thể "đến nhà". Có chiếu mà không giác lại "ngồi chết chìm trong nước chết".

b- Sơ dụng tâm dễ - Buông xuống chỉ để một niệm.

Dụng công tuy nói khó, nhưng hiểu rõ đường lối lại rất dễ. Tại sao sơ dụng tâm là dễ? – Không có gì khéo, buông hết liền được. Buông hết cái gì? – Buông hết tất cả vô minh phiền não. Làm sao buông hết được? – Chúng ta coi thân này như chết vậy. Ông thử chửi thây chết bao nhiêu câu, nó cũng không phát giận, đánh mấy gậy nó cũng không chống cự, lúc sống ưa phá vô minh bây giờ cũng không phá, lúc sống ưa danh lợi khi này cũng không màng, lúc sống nhiều thứ tập nhiễm khi này không có, cái gì cũng không phân biệt, cái gì cũng bỏ hết. Chư vị đồng tham thiền! Chúng ta mang xác thân này một phen hơi thở ra không trở lại bèn thành thây chết. Chúng ta sở dĩ buông không hết, chỉ do xem thân này là trọng, sanh nhân ngã phải quấy thương ghét thủ xả. Nếu nhận định thân này như thây chết, không quý trọng nó, không chấp nó là ngã thì có cái gì buông không hết? Chỉ cần buông được hết, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm, động tịnh rảnh rang bận rộn, toàn thân trong ngoài chỉ là một niệm nghi, bình thản không dứt niệm nghi, không chen niệm nào khác. Một câu thoại đầu như nương Ỹ Thiên trường kiếm, ma đến ma chết, Phật đến Phật chết, không sợ vọng tưởng thì có cái gì phá hại ta được? Có cái gì phân động phân tịnh, có cái gì chấp hữu chấp không? Như quả thật sợ vọng tưởng, ấy là chồng thêm một lớp vọng tưởng. Biết mình thanh tịnh, thế là đã không thanh tịnh. Sợ rơi vào không, chính đã rớt trong có. Tưởng thành Phật, đã vào đường ma. Nên nói: "Bửa củi gánh nước đâu không phải diệu đạo, cày ruộng cuốc đất đều là thiền cơ". Không phải trong khi ngồi kiết già mới gọi là dụng công tu hành.

2.- Lão dụng tâm khó dễ.

Lão dụng tâm khó – Đầu sào trăm thước không thể tiến bước.

Thế nào là lão dụng tâm khó? Lão dụng tâm đến giai đoạn chân nghi hiện tiền, có giác có chiếu vẫn thuộc sanh tử, không giác không chiếu lại rơi vào không vọng, đến cảnh giới này thật là khó. Đa số người đến chỗ này vượt qua không khỏi, đứng trên đầu sào trăm thước không có cách nào tiến bước. Có một số người nhân đến cảnh giới này, trong định phát chút ít tuệ hiểu sơ lược một ít công án của cổ nhân, liền bỏ hết nghi tình, tự cho là đại triệt đại ngộ, ngâm thi vịnh phú, nhướng mày chớp mắt, xưng là thiện tri thức, thật không biết mình đã rơi vào bè đảng của ma. Lại có người hiểu lầm ý nghĩa câu của Đạt-ma Lão nhân nói: "Ngoài dứt các duyên, trong tâm không xao động, tâm như vách tường có thể vào đạo" và câu của Lục Tổ nói: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa", bèn cho ngồi như cây như đá là hay tuyệt. Hạng người này cho Hóa thành là Bảo sở, nhận xứ người cho là quê hương, thật là chỗ Bà tử đốt am và mắng "Các ngươi là người chết".

Lão dụng tâm dễ - Cứ miên mật đi !

Thế nào là lão dụng tâm dễ? – Đến lúc này chỉ cần không tự mãn, không bỏ nửa chừng, thầm thầm kín kín dụng công, trong thầm kín lại thầm kín, trong vi tế lại vi tế, khi thời tiết đến đáy thùng tự bể (đại ngộ). Nếu không tự bể, nhờ thiện hữu tri thức nhổ đinh rút chốt cho.

Đại sĩ Hàn Sơn có bài tụng:

Chót vót trên đảnh núi,

Bốn phía không mé bờ.

Ngồi tịnh chả ai biết,

Suối lạnh vầng trăng soi.

Trong suối vốn không trăng,

Trời xanh trăng xa thẳm.

Ngâm một bài ca này,

Trong ca thiền chẳng có.

Hai câu đầu nói cái chân thường bày hiện, không thuộc một cái gì, sáng chiếu khắp đại địa không một mảy chướng ngại. Bốn câu kế nói chân như diệu thể phàm phu hẳn không thể biết, ba đời chư Phật cũng tìm không được chỗ nơi của ta, nên nói: "chả ai biết". Ba câu "Suối lạnh vầng trăng soi v.v…" là Lão nhân dùng phương tiện thí dụ cảnh giới ấy. Hai câu rốt sau, sợ người nhận lầm ngón

https://thuviensach.vn

tay là mặt trăng, nên đặc biệt cảnh giác chúng ta "phàm có nói năng không phải là thiền".

3. KẾT LUẬN:

Chính tôi mới nói ở trên cũng là gỡ rối chỉ đường mà thôi. Phàm có nói năng đều không phải thật nghĩa. Cổ đức tiếp độ người, nếu không đánh thì nạt, đâu có vẽ bày lăng xăng vầy. Chẳng qua người nay không thể sánh với người xưa, miễn cưỡng dùng tay chỉ mặt trăng. Chư vị đồng tham thiền! Cứu cánh ngón tay là gì? Mặt trăng là gì? Hãy tham đi!

✍

III. LỜI NHẮC KHI THAM THIỀN.

Tâm tức là Phật, Phật tức là giác. Một cái giác tánh này chúng sanh và Phật bình đẳng không sai biệt; rỗng lặng trọn không có một vật, không thọ một pháp, không thể tu chứng; sáng suốt mà đầy đủ muôn đức, diệu dụng hằng sa không nhờ tu chứng. Chỉ vì chúng sanh mê muội trầm luân sanh tử trải qua rất nhiều số kiếp, tham, sân, si, ái, vọng tưởng chấp trước nhiễm ô đã sâu dày, bất đắc dĩ mới nói tu nói chứng. Thế nên, nói "tu" cổ nhân cho là một việc chẳng lành, không cách nào hơn mới tạm dùng vậy thôi.

Thứ nói nhập thất. Quý vị nhập thất trải qua hai mươi mốt ngày. Trong hai mươi mốt ngày xét ra thân tâm có phần thuần thục, dụng công sánh với trước được dễ dàng. Quý vị cố gắng đừng để nhân duyên qua mất. Cần yếu trong hai mươi mốt ngày làm sao cho được nước rút đá lộ, phát minh tâm địa mới khỏi cô phụ cái cơ duyên khó gặp này.

Hơn hai mươi ngày nay, quý vị từ sáng đến tối thức sớm ngủ trễ, nỗ lực dụng công, kết quả không ngoài bốn thứ cảnh giới:

1.- Có người đường lối không thông, câu thoại đầu khán không đến, mơ mơ màng màng theo chúng ngủ gật, không bị vọng tưởng lăng xăng thì bị hôn trầm lôi kéo.

2.- Có người khán đến câu thoại đầu, có chút ít hiểu bèn chấp chặt, chỉ là nắm chết cứng hòn gạch gõ cửa, niệm chấp câu thoại đầu "Niệm Phật là gì?", thành ra niệm thoại đầu, cho như thế là khởi nghi tình được khai ngộ. Đâu biết đó là dụng tâm tại thoại vĩ. Nó là pháp sanh diệt không thể đến được chỗ một niệm không sanh, tạm dùng còn khả dĩ, nếu chấp cho là cứu cánh thật pháp thì mong gì có ngày ngộ đạo? Gần đây trong thiền tông sở dĩ không có người đạt đạo, phần nhiều do lầm dụng tâm tại thoại vĩ.

3.- Có người hiểu khán thoại đầu, hay chiếu cố đến hiện tiền một niệm không sanh. Hoặc hiểu niệm Phật là tâm, tức từ chỗ một niệm phát khởi này thẳng khán đến tâm tướng vô niệm. Theo dõi lần đến chỗ tịch tịnh, những vọng tưởng thô đã dứt, được khinh an, liền có các cảnh giới phát hiện. Hoặc không biết thân tâm mình đang ngồi chỗ nào. Hoặc biết thân được nhẹ nhàng có thể bay bổng lên trên. Hoặc thấy người, vật đẹp đáng yêu nên sanh tâm hoan hỷ. Hoặc thấy cảnh giới đáng sợ, khởi tâm kinh khủng. Hoặc khởi tâm dâm dục v.v… nhiều thứ không phải một, cần biết đó đều là ma, chấp nó bèn thành bệnh.

4.- Có người nghiệp chướng nhẹ nhàng, đường lối rành rõ, dụng công đúng cách, tiến đúng phương pháp, tâm được thanh tịnh sáng suốt, tất cả vọng tưởng đều dứt, thân tâm tự tại không có cảnh giới nào khác. Đến chỗ này chấn khởi tinh thần theo đường lối trước dụng công, chỉ phải chú ý "cây khô trước hang nhiều lối tẽ". Có khi đến chỗ này, rồi dừng trụ trong hôn trầm. Có khi đến chỗ này được chút ít tuệ giải, rồi làm thi làm văn, tự cho là đầy đủ, khởi cống cao ngã mạn.

Bốn cảnh giới trên đều là bệnh, tôi sẽ chỉ quý vị phương thuốc đối trị.

a) Như người câu thoại đầu khán không đến, nhiều vọng tưởng hôn trầm, ông nên khán lại chữ gì trong câu "Niệm Phật là gì?". Khán đến khi nào vọng tưởng hôn trầm còn ít, chữ gì không quên, liền khán đến chỗ một niệm mới phát khởi. Ở đó đợi đến lúc một niệm không khởi tức là được không sanh. Hay khán đến một niệm không sanh, gọi là chân khán thoại đầu.

b) Người chấp chặt câu "Niệm Phật là gì?", dụng tâm tại thoại vĩ, lấy pháp sanh diệt cho là phải, cũng nên theo ý tứ tôi đã chỉ ở trên, tức là nhắm chỗ một niệm phát khởi, khán đến một niệm không sanh.

c) Người quán vô niệm đã được tịch tịnh khinh an mà gặp những cảnh giới khác lạ, ông nên chiếu cố câu thoại đầu cũ, một niệm không sanh, Phật đến Phật chết, ma đến ma chết, một bề không để ý đến, tự nhiên vô sự không rơi vào chúng tà.

d) Người vọng niệm đã dứt, thanh tịnh sáng suốt thân tâm tự tại, nên như cổ nhân nói: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?". Do một bề tiến đến chỗ cùng cực, thẳng tiến lên ngọn núi cao chót vót đứng, xuống tận đáy biển sâu thăm thẳm đi, lại buông tay ngang dọc.

Trở về trước đã nói, đều là đối với người độn căn trong thời mạt pháp mà chỉ phương pháp. Kỳ thật tông môn thượng thượng nhất thừa này chỉ thú do đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên biểu thị là "Giáo ngoại biệt

https://thuviensach.vn

truyền". Trải qua chư vị Tổ sư chỉ truyền tâm, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không rơi vào giai cấp, không nhờ tu chứng. Trong một lời nói, hoặc nửa câu liền thấu rõ không một pháp có thể được, không một pháp có thể tu, liền đó không khởi vọng duyên tức là như như Phật, đâu cần học nhiều câu ư?

✍

IV. ĐÊM TRỪ TỊCH UỐNG PHỔ TRÀ DẠY CHÚNG.

Chư vị Thượng tọa! Đêm nay là ba mươi tháng Chạp rồi, đại chúng đều nhận đã một năm qua, Thường trụ không có món gì ngon cúng dường, xin thỉnh chư vị uống một chung trà. Chiếu theo sách lịch một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông; mười hai tháng và hai mươi bốn tiết. Người đời hầu hết đều căn cứ theo thời tiết mà làm việc. Như nhà nông thì mùa xuân cày, mùa hạ bừa, mùa thu gieo, mùa đông gặt. Thợ thầy thì khởi công đình công. Buôn bán thì khai trương kiết trương. Trường học thì tựu trường bãi trường. Chúng ta người xuất gia thì kiết chế giải chế, thỉnh chức thối chức. Không một nghề nào mà chẳng căn cứ thời tiết làm việc. Một số người cho năm qua là rất quan trọng cần phải thu nhặt những việc đã làm tổng kết lại, đồng thời cần phải nghỉ mấy ngày.

Chúng ta có duyên lành hãnh diện ngày nay đồng ở tại Vân Môn bình yên qua một năm. Đó là nhờ Phật Tổ Bồ-tát gia hộ và Long Thiên phù trì, cũng do chúng ta nhiều kiếp tài bồi công đức mới cảm được quả tốt này. Nhưng, chúng ta được bình yên qua năm không thể quên được những người đang sống trong thống khổ. Chúng ta không thể thích thú vui cười, cần phải tỉnh xét ăn năn sám hối, tinh tấn tu hành tự lợi lợi tha, khuếch trương phước tuệ. Những vị già, cái chết đến trong chớp mắt cần phải tinh tấn dõng mãnh tu hành. Những người trẻ, cũng không nên lửng lơ qua ngày, phải biết con đường huỳnh tuyền không lựa già hay trẻ, mồ hoang biết bao người trẻ tuổi. Tóm lại, tất cả đều sớm nỗ lực cầu thoát khỏi vòng sanh tử mới là thượng kế.

Chúng ta lâu nay mỗi ngày thường uống trà, tại sao hôm nay gọi "uống "Phổ trà"? Ấy là do lòng nhân từ của tiền bối mượn uống trà để kỉnh tỉnh môn đồ. Xưa Triệu Châu Lão nhân đạo đức cao siêu, học giả mười phương đến tham học rất đông. Một hôm, có hai vị tăng mới đến, Triệu Châu chỉ một vị hỏi: "Thượng tọa từng đến đây chưa?". Vị tăng thưa: "Chưa từng đến". Triệu Châu bảo: "Uống trà đi!". Lại hỏi vị tăng khác: "Từng đến đây chưa?". Vị tăng ấy thưa: "Đã từng đến đây". Triệu Châu bảo: "Uống trà đi!". Viện chủ bạch: "Người chưa từng đến dạy uống trà còn có thể được, người đã từng đến vì sao cũng dạy uống trà đi?". Triệu Châu gọi "Viện chủ!". Viện chủ đáp: "Dạ!". Triệu Châu bảo: "Uống trà đi!". Như thế, cả ba người đều được lợi ích. Sau này truyền khắp thiên hạ "Trà Triệu Châu". Lại như Tổ Vân Môn ở đây, có một học giả đến yết kiến, Ngài bèn cầm cái bánh đưa lên, học giả liền lãnh hội. Sở dĩ thiên hạ lưu truyền "Bánh Vân Môn", "Trà Triệu Châu". Hiện giờ chư vị uống trà, ăn bánh đã ngộ chưa? Nếu như chưa ngộ, phải dùng cách hỏi: "Uống trà là gì?", "Ăn bánh là gì?". Đại đế người xưa mỗi niệm hợp đạo, mỗi bước đều vô sanh, nên trải qua một câu kỉnh tỉnh liền được ngộ đạo. Người nay phạm hạnh chưa trong sạch thường ở trong động, mỗi niệm sanh diệt che lấp sâu dày, làm sao chỉ dạy pháp, cũng không giáo hóa người khác. Cho nên chư vị phải buông hết tất cả, không cho phàm tình vọng niệm làm nhiễm ô cái chân tâm sáng suốt của mình. Cổ nhân nói: "Chỉ dứt hết phàm tình, không riêng có Thánh giải". Các ông nay uống trà nếu không biết hương vị của trà, thì đồng cây đá, nếu biết hương vị của trà, ấy là phàm phu. Làm sao bỏ được hai bên có và không này, đó là bổn phận của tăng sĩ vậy. Tuy nhiên, siêu thoát hai cái hiểu biết này vẫn còn sanh hoạt trong hang quỉ. Các ông phải kỹ càng "Buông hết thân tâm, chớ theo các cơ quan mà chuyển động", ngay đó tham đi!

✍

V. TU CÙNG KHÔNG TU.

Giảng tu hành, giảng không tu hành đều là câu nói suông. Chúng ta thấu triệt tâm quang của mình rồi, liền đó không có một việc thì còn cái gì mà nói tu không tu. Thử xem chỗ hiển bày của Đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, xuất gia, hỏi đạo, sau sáu năm khổ hạnh chứng đạo, khi sao mai mọc, Ngài than: "Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước không thể chứng được. Nếu lìa vọng tưởng là thanh tịnh trí, tự nhiên trí, vô sư trí tự nhiên hiện tiền". Về sau nói pháp bốn mươi chín năm, mà Ngài tuyên bố: "Ta chưa từng nói đến một chữ ". Sau này, trải qua chư vị Tổ sư một mạch truyền nối đều nhận định "Tâm, Phật, chúng sanh ba cái không khác", "Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật". Nói ngang, nói dọc, hoặc đánh, hoặc nạt đều vì đoạn trừ phân biệt vọng tưởng của học giả; cốt cho học giả thẳng đó "biết được bản tâm, thấy được bản tánh của mình". Không nương vào một chút phương tiện nói tu nói chứng. Ý chỉ của Phật Tổ, chúng ta đã thấy rõ ràng lắm vậy .

Một niệm tâm hiện tiền của chúng ta xưa nay vẫn thanh tịnh, vẫn tự đầy đủ, bủa trùm khắp giáp, diệu dụng hằng sa cùng với chư Phật ba đời không khác. Chỉ cần không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ gì cả, liền đó có thể thành Phật, ngồi một chỗ mà thiên hạ thái bình. Như thế, còn có hạnh nào đáng tu, giảng tu hành đâu không phải là câu nói suông. Nhưng một niệm tâm hiện tiền của chúng ta

https://thuviensach.vn

đang hướng ngoại tìm cầu, vọng tưởng chấp trước không thể rời được, từ vô thỉ đến nay lưu chuyển trong sanh tử, vô minh phiền não nhiễm quá sâu dày, ban đầu không biết tự tâm là Phật, biết rồi cũng chẳng chịu thừa đương, không thể làm chủ được, không có cái dũng khí của người tráng sĩ chặt tay, hằng ngày ở trong vọng tưởng chấp trước. Người bậc thượng, trọn ngày làm thế này thế nọ, cầu thiền cầu đạo, mà không thể rời được hữu tâm. Người bậc hạ, tham sân si ái bền chặt không thể phá, chạy ngược với đạo. Hai hạng người này trầm luân trong sanh tử không biết chừng nào dứt; nếu giảng không tu hành đâu không phải lời nói suông?

Các bậc đại trượng phu nhận định đã thấu triệt, biết rõ muôn sự muôn vật xưa nay đều là giấc mơ, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng không có tự tánh, nhân và pháp liền không, muôn duyên đều dứt, một niệm là muôn năm, thẳng đến chỗ vô sanh. Người bàng quan nhìn vào thấy bậc ấy cũng mặc áo, ăn cơm, đi đứng ngồi nằm như người thường. Đâu biết bậc ấy đang ngồi yên trong nhà thái bình thanh tịnh của mình, hưởng thọ kho báu vô tận, không khởi tâm không tạo tác, tự do tự tại, động tịnh đều là như như, lạnh hay nóng chỉ vị ấy tự biết mà thôi. Không những người, trời, quỷ thần trong tam giới lục đạo nhìn vị ấy không thấu, chính là chư Phật Bồ-tát cũng chẳng làm gì được người ấy. Đối với bậc này, còn nói cái gì là tu hành hay không tu hành?

Hạng kế đó, cần phải phát khởi chí hướng, thống thiết nhớ việc chết sống, phát tâm hổ thẹn, khởi hạnh tinh tấn, hỏi đạo và cố gắng tham thiền; thường cầu thỉnh các bậc thiện tri thức chỉ dạy lối tắt, phân biệt thế nào là chánh, là tà; tha thiết giũa mài, lấy nước sông Hán mà rửa, đem ra mặt trời Thu mà phơi, dần dần càng được tinh thuần trắng sạch. Với hạng người này không thể không nói tu hành .

Đã nói từ trước đến đây chẳng qua dời trên đổi dưới đều thuộc phương tiện tạm thời, người mắt sáng xem qua cốt nhận “vạch bùn lấy nước”. Song Tổ đình đã cuối thu, cách Phật ngày càng xa thẳm, vì ứng hợp căn cơ chúng sanh, bất đắc dĩ mới giảng giải thế này. Xét thật, giảng tu hành, giảng không tu hành đều là lời nói suông. Thẳng đó là vô sự, vốn không có một vật, đâu phiền mở miệng. Các Bồ-tát hội chăng?

☸

https://thuviensach.vn